

LẮNG NGHE
Yêu thương



SUSANNA TAMARO

Hãy đọc cuốn sách này để thấu hiểu tại sao người mà ta yêu thương nhất cũng là người bị ta làm tổn thương nhiều nhất...



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SUSANNA TAMARO

Vũ Phương - Nguyễn Thanh Bình dịch

LẮNG NGHE
Yêu thương
listen to my voice



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

epub©vctvegroup
09-01-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Dành tặng bà Daisy Nathan
với những câu hỏi dài hàng thế kỷ

Hãy trở lại cùng ta, thì ta sẽ trở lại cùng các ngươi.

Malachi 3:7

MỞ ĐẦU

CÓ LỄ MỌI SỰ KHỞI NGUỒN từ khi bà cho chặt bỏ cái cây đó đi.

Bà không hề nói gì với cháu cả - những chuyện thế này có liên quan gì đến trẻ con đâu - vậy nên buổi sáng mùa đông nọ, lúc cháu đang ngồi trong lớp ngán ngẩm nghe thầy giảng về tính chất của bội số chung nhỏ nhất, thì lưỡi cưa đã nghiêng vào lớp vỏ cây màu trắng bạc; còn khi cháu đang lết chân trên hành lang vào giờ ra chơi, thì những mảnh sừng của cái cây đã rớt như mưa xuống bầy kiến nhỏ.

Khung cảnh tàn diệt đổ ập lên cháu lúc từ trường trở về. Trong sân, nơi cây óc chó từng đứng xõa bóng, giờ chỉ còn là hố đất đen ngòm; những cành cây bị chặt vứt bỏ ngổn ngang, còn thân cây bị cưa thành ba đoạn nằm vô hồn dưới đất; và một người đàn ông mặt mũi đỏ tía phủ kín muội khói dầu diesel đang điều khiển chiếc máy xúc, với những bộ hàm khổng lồ giật tung cái gốc cây. Cỗ máy xúc gầm rú, khụt khịt, lùi lại, chồm lên, hồi hải trước những tiếng chửi thề của người điều khiển. Phần rễ cứng cỏi không muốn nơi lỏng những cánh tay bám chặt vào lòng đất. Chúng bướng bỉnh và đâm sâu hơn tưởng tượng.

Năm nối năm, mùa tiếp mùa, những chiếc rễ đã âm thầm lan tỏa, lẩn sâu vào lòng đất từng chút một, bện lẫn với rễ cây sồi, cây tuyết tùng và cây táo, thậm chí còn cùng nhau quấn chặt lấy đường ống dẫn nước và khí ga. Đó chính là lý do khiến người ta chặt bỏ cây cối: chúng luôn lách trong thẳm sâu, làm khó con người, và con người buộc phải dùng tới máy móc để đối phó với những kẻ cứng đầu như thế.

Thình lình, dưới ánh nắng mùa đông lạnh lẽo, vòng rễ oai vè của cây óc chó, với những chùm đất nhỏ vẫn còn dính chặt lấy rễ cây, bị nhấc bổng lên trước mắt cháu - như phần mái bị bóc ra khỏi ngôi nhà - thả lại đoạn rễ cái vẫn còn chôn sâu trong lòng đất.

Khi đó - và chỉ khi đó - người điều khiển máy xúc mới hả hê giờ cao nắm tay ra dấu chiến thắng, và bà đã mặc sẵn tạp dề, vỗ tay hưởng ứng.

Khi đó - và chỉ khi đó - cháu, vốn chưa thể mở miệng hay nhắc nổi bước chân, có cảm giác sống lưng mình bỗng dựng phát xạ. Xương sống lẫn tủy sống không còn là của cháu nữa; chúng là một phần của sợi dây điện trần cũ kĩ, và những tia lửa điện xẹt tới xẹt lui trong niềm vui giả tạo, với thứ năng lượng lạnh lùng và dữ tợn. Chúng lan tỏa khắp nơi, như những chiếc gai băng vô hình, mũi gai sắc nhọn như dao cạo, xuyên vào ruột gan cháu, đâm vào trái tim cháu, rồi tung trong trí óc cháu, nhảy múa lơ lửng trong máu huyết của cháu; những mảnh gỗ vụn trắng ớn, những khúc xương người chết, không nhảy điệu nào khác ngoài vũ điệu diệt vong; thứ năng lượng kia không phải lửa, không phải ánh sáng, mà là thứ năng lượng cho hành vi độc ác, khôn lường; thứ năng lượng bức bối, bỏng rát.

Và sau tia sét là mảng tối của đêm đen, cái cảm lạnh bất an từ quá mức: chứng kiến quá mức, chịu đựng quá mức, hiểu biết quá mức. Cái cảm lạnh không phải của giấc ngủ, mà của sự chết chóc: khi nỗi đau quá lớn, người ta phải chết đi một chút mới có thể sống tiếp được.

Cây óc chó của cháu - cái cây đã lớn lên cùng cháu, cái cây cháu từng tin tưởng sẽ đồng hành cùng cháu khi năm tháng trôi qua, cái cây mà cháu tưởng là mình sẽ nuôi dạy các con dưới tán lá của nó - giờ đã bị nhổ bật gốc. Cái cây đổ xuống, kéo theo bao điều bị tàn phá: giấc ngủ của cháu, hạnh phúc của cháu, vẻ vô lo của cháu. Khi phần rễ cái bị rứt đứt, âm thanh đó

như một vụ nổ; thời gian bị ngắt thành trước đó và sau đó; ánh sáng cũng khác hẳn, chìm lịm trong bóng tối chập chờn. Khoảng tối ban ngày, khoảng tối ban đêm, khoảng tối giữa mùa hè nóng bỏng. Và, từ trong bóng tối đó, có một điều chắc chắn: nỗi đau chính là đằm lầy mà cháu buộc phải lội qua.

* * *

Những điều nhỏ nhặt nhất lại chính là bí ẩn lớn nhất. Trong vỏ bọc vô hình, cái thế giới bí mật đó vỡ òa. Một hòn đá, trước hay sau cũng vẫn chỉ là một hòn đá; bản chất của nó không bao giờ thay đổi. Nhưng một cái cây, trước khi trở thành cây, nó vốn là một hạt giống; và con người, trước khi trở thành người, chỉ là một phôi thai.

Những điều to tát nhất thường nằm mơ hồ trong những cái gọi là giới hạn, định nghĩa.

Khi hiểu được điều này, bỗng dưng cháu nhận ra rằng những thứ cần chăm chút lại chính là những gì nhỏ bé.

* * *

Sau cái chết của cây óc chó cao lớn, cháu đã khóc ròng nhiều ngày. Ban đầu, bà cố gắng an ủi - làm sao mà việc chỉ đốn một cái cây lại khiến một cô bé đau khổ đến vậy chứ? Bà cũng yêu cây; lẽ ra bà không nên làm thế để trêu tức cháu. Bà quyết định chặt bỏ đi vì nó gây phiền toái; nó ở quá gần nhà mình, và cả cây tuyết tùng cũng thế. Cây cối cần có không gian, bà luôn bảo cháu như thế, chưa hết, biết đâu ngày nào đó, rễ cây có thể đâm thẳng vào bồn vệ sinh giống như xúc tu của bạch tuộc, và hẳn rồi, cháu không muốn cái điều đáng sợ đó xảy ra đâu! Bà đang

cố làm cho cháu cười, hoặc ít nhất là mỉm cười, nhưng chẳng mấy thành công.

Qua giai đoạn bùng nổ dữ dội, ngày nào cháu cũng nằm bất động dưới sàn phòng mình, nhìn trôn trôn cái bầu trời trì độn bằng xi măng không thể giúp cho tình hình sáng sủa hơn.

Mới trước đó, trong một cuốn sách tranh của mình, cháu đã đọc câu chuyện về loài hải sâm. Dù là một sinh vật tầm thường vô hại, vô danh nhưng chúng vẫn quyết liệt bảo vệ mạng sống của mình như bất kì sinh vật nào khác. Khi bị tấn công, ngay lập tức, chúng phóng ra toàn bộ mớ bong bong nội tạng - tim gan, phèo phổi, những bộ phận nội tạng tái sinh được - để vô hiệu hóa kẻ thù bằng cái thứ giống như tấm vải của đấu sĩ ấy, và nhờ đó chúng có đủ thời gian để lui tới nơi an toàn, nấu mình trong rừng tảo, nghỉ ngơi, để các tế bào của chúng tái hợp và phân tách cho tới khi tạo ra được một phiên bản nội tạng hoàn hảo thay thế thứ đã bị trục xuất.

Bà thấy đấy, cháu tự thấy mình rơi vào trạng thái giống như con hải sâm sau một vụ tấn công: ruột gan trống rỗng. Cháu không có lời nào để nói cả. Cháu không trả lời những câu hỏi của bà. Chúng ta sống ở hai thế giới khác nhau; thế giới của bà đầy lương tri ngự trị, trong khi thế giới của cháu là một vũ trụ đen đặc và đầy tai ương, chốc chốc lại có sấm sét xoẹt qua. Mỗi liên hệ giữa hai thế giới ấy rất rõ ràng: cháu có thể thấy thế giới của bà, nhưng bà thì không thể hiểu được thế giới của cháu.

Và vì thế, đến ngày thứ ba, khi mà lương tri và lòng kiên nhẫn của bà đã cạn kiệt, và có lẽ nhờ bác sĩ nhi khoa tư vấn, bà mở cửa phòng cháu và nói, “Đủ rồi đấy! Cháu làm bà bức mình lắm rồi. Chỉ là một cái cây thôi mà, lúc nào cháu cũng có thể trồng một cây khác.” Rồi bà lại mải miết với đủ thứ việc trong nhà, có lẽ giống như bao buổi sáng cháu đi học.

Cháu vốn không có tính cãi thẳng lại trước những lời buộc tội. Không ai phải chịu trách nhiệm về khoảng cách giữa các hành tinh; đó là do các định luật hấp dẫn. Tâm hiểu biết của mỗi người cũng khác nhau. Bà cũng biết điều đó: bà từng hay đọc cho cháu nghe truyện Hoàng Tử Bé, nên chắc bà biết mỗi tiểu hành tinh đều có những cư dân của riêng nó. Cháu thấy hơi bất ngờ vì bà đã không nhớ về chuyện cây bao báp, vì cây óc chó này có khác gì cây bao báp ấy đâu. Bụi hồng bà cứ muốn mua tặng cháu ấy, về sau cũng chẳng thể thay thế nó được.

Bụi hồng rất lung linh và tỏa hương thơm mát dịu, nhưng bông hồng rồi sẽ bị cắt đi, cắm vào lọ hoa và cuối cùng sẽ nằm gọn trong thùng rác. Nhưng một cái cây mà ta yêu quý cắm rễ ăn sâu vào trái tim ta. Khi cây chết đi, rễ bị khô héo, quắt queo, để lại những vết sẹo nhỏ nhưng hằn sâu, không thể lãng quên.

* * *

Người hay đổ lỗi về thất bại của mình trong cuộc sống cho người khác - hay cho một sự cố nào đó - chẳng khác gì một con chó bị buộc vào dây xích dài, cứ trượt theo sợi dây đó. Chẳng mấy chốc, đám cỏ dưới chân con chó sẽ chết dần, và chỗ đất bị giày xéo sẽ bê bết thức ăn vương vãi và những bãi phân chó. Khi kiệt sức vì những bước cào liên hồi vô định đó, con chó rồi sẽ chết và sợi dây xích còn lại lơ lửng, han gỉ; tất cả những gì còn lại của một cuộc đời bất hạnh đó chỉ là những dấu vết buồn trên nền đất.

Biến cố và con người không phải là những bì dẩn, cũng không phải là những ngõ hẻm mà ta không biết lối ra; chúng giống những chiếc gương hơn: nhỏ, to, lồi, lõm, mấp mô, biến dạng, nứt hoặc mờ, nhưng vẫn cho hình ảnh phản chiếu và cho chúng ta biết một phần ẩn khuất trong chính chúng ta.

Hắn là cháu đã thức tỉnh khỏi cuộc đời của một con hải sâm vào đêm thứ tư hoặc thứ năm gì đó. Căn phòng của cháu ngập tràn ánh trăng tròn lạnh lẽo. Cây móc treo quần áo phủ cái bóng rùng rợn của nó xuống sàn. Tại sao phải để lại bóng trong đêm tối? Để làm gì, nếu không phải để chứng minh cho sự tồn tại của những thứ không thể cầm nắm được?

Hồi cháu còn bé, suốt cả buổi tối, bà thường ngồi bên giường và kể chuyện cho cháu nghe. Trong mớ hỗn độn, nào công chúa, bùa phép, những con vật khổng lồ và những chiến công lẫy lừng, chỉ có hai hình ảnh vẫn khắc sâu trong tâm trí cháu: đôi mắt vàng khè của con sói và những bước chân thành thịch, vụng về của Quái vật Golem. Lũ sói rình rập trong rừng và dọc những con đường hoang vắng, còn Quái vật Golem có thể đi tới bất kỳ đâu; nó biết mở cửa, đóng cửa và leo lên cầu thang. Nó không ăn thịt trẻ con hay biến chúng thành quái vật, vậy mà cháu vẫn sợ nó hơn bất kì loài nào khác. Mỗi khi nhắc đến tên nó, không khí quanh cháu như đóng băng lại.

Vào một đêm đầu thu, ẩm ướt nhưng không lạnh, cháu cảm thấy choáng ngợp trước những cái bóng đáng sợ nên trở dậy và ra ngoài.

Không gian thoáng thoảng chút hương thơm gợi nhớ về mùa hè rực rỡ. Đó có lẽ là mùi của vài quả táo còn sót lại trên cành, số khác rụng đầy mặt đất, thối rữa, hoặc có lẽ là hương của những trái mận vàng vừa chín tới. Vì nhiệt độ vẫn chưa xuống dưới mức đóng băng, nên chỉ có vài chiếc lá rụng. Cỏ vẫn xanh, lác đác đây đó là những cây hoa anh thảo dại và hai cây bồ công anh còn sót lại sau đợt bà dọn sạch cỏ.

Tới lúc đó, cháu chợt nhận ra lòng mình thật trống trải. Cháu tới chỗ cây óc chó từng đứng và khụy gối. Mặt đất ẩm ướt,

phủ đầy những nhánh cây gãy vụn, vương vãi khi cái cây ngã ập xuống.

Không gian quanh đây, khi còn có cây óc chó, từng ngân lên rất nhiều giai điệu; trong chốc lát, cháu thấy nó vẫn còn đây, rễ nó vẫn đang hút lấy dưỡng chất bơm vào thân, những chạc cây như những ngón tay đen ngòm vẫn đang truyền nhựa sống. Mới đây, quả hạch rơi đầy từ thân cây lừng lững, ăn sâu vào lòng đất và nhú mầm, vươn lên bầu trời. Bản giao hưởng ngẫu hứng của đám quả rụng đã đồng hành với tuổi thơ cháu những khi mùa thu tới. Ngày ấy, mỗi khi đi học về, cháu lại chạy ra đây, nhét đầy túi những quả óc chó.

“Đừng có nhặt, bắn đây.” Tiếng bà vọng ra từ cửa sổ bếp. Nhưng kệ, cháu cứ lơ đi và tỉ mỉ bóc quả óc chó thật nhẹ nhàng để chúng không vỡ. Cháu không ăn, mà để chúng trong lòng bàn tay và nhìn ngắm. Không hiểu sao, cháu thấy chúng giống hết mấy bộ não trong sách giáo khoa - não của các động vật có vú và các loài chim - với hộp sọ, như một cái vỏ bọc, bảo vệ các bộ phận mong manh hơn, màng cứng, màng mềm, và, vùng kiểm soát trí nhớ giữa hai bán cầu não.

Sao hai thứ trong tự nhiên lại giống nhau đến thế? Sao thứ này lại liên hệ với thứ kia? Đó là quy luật vũ trụ, hay chỉ là sự phóng đại của một phút thất thần?

Xung quanh nơi đây phủ đầy quả óc chó. Những cơn mưa rào đã biến thảm cỏ xanh mướt của tháng Sáu thành lớp bùn nhão; chỉ cần chọc nhẹ ngón tay, hạt cây sẽ lộ ra. Cứng đấy, nhưng vẫn không thoát nổi móng vuốt và hàm răng nhọn hoắt chìa ra của lũ sóc, hay những chiếc mỏ của bọn quạ mào, lũ chim ác là và chim giẻ cùi; cứng, nhưng chưa đủ để có thể khiến cháu ngừng thối mắc.

Vì cái cây óc chó kia - nay sống mai chết - chính là tấm gương đầu tiên phản chiếu cuộc đời cháu. Cháu khụy xuống vùng đất tổn thương, nhìn vào vết sẹo hằn trên mặt đất, đắm mình trong

ánh trăng quái gở, tay vẫn cầm một hạt cây mà thấy lòng mình trống rỗng. Khi quả tuyết tùng rơi đánh cộc khô khốc dưới chân, cháu hiểu mình không thể vượt qua con đường phía trước, con đường cô độc của một kẻ hay hoài nghi.

MỖI KHI NHỚ VỀ NGÔI NHÀ CỦA CHÚNG TA, cháu lại thấy nó lơ lửng trong ánh bình minh. Trời vẫn đang thu, vì mặt đất bắt đầu bốc hơi sương mờ ảo dưới hơi ấm của những tia nắng đầu tiên. Giống như một con chim đang bay lượn, cháu luôn nhìn xuống ngôi nhà từ trên cao và rất xa; rồi từ từ tiến lại gần, quan sát cửa sổ - bao nhiêu cửa đang mở, bao nhiêu cửa đang đóng - và tới thám thính khu vườn, giàn dây phơi, những gỉ sắt trên cánh cửa. Cháu không xuống vội - cứ như cháu muốn chắc chắn rằng đó thực sự là nhà của mình, là câu chuyện của mình.

Dường như lũ chim di trú cũng giống như thế; chúng phải bay qua hàng ngàn cây số, không màng tới ngoại cảnh, và rồi, khi tới nơi chúng được sinh ra từ năm trước, chúng bắt đầu tìm hiểu. Cái cây dẻ ngựa nở hoa trắng có còn đó không? Và cả chiếc xe hơi màu xanh? Cả người phụ nữ tốt bụng luôn bước ra, giữ những mẩu bánh mì còn vương trên khăn trải bàn nữa? Chúng quan sát mọi thứ thật tỉ mỉ, vì suốt bao tháng rông, ở những sa mạc châu Phi, những hình ảnh về người phụ nữ và chiếc xe đó đã ăn sâu trong tâm trí chúng. Nhưng có nhiều những phụ nữ tốt bụng và những chiếc xe màu xanh trên thế giới, vậy làm sao để xác định được cho đúng?

Không phải là bằng quan sát, mà bằng mùi hương, sự kết hợp giữa các mùi hương vương vất trong không gian quanh tổ của chúng; nếu có mùi hương của cây tử đinh hương và cây đoan trọn lẫn vào nhau, thì đúng là nó, chính là ngôi nhà đó, và ta đã tìm về đúng chỗ.

Còn mùi hương ủa tới khi cháu từ Mỹ trở về là mùi khét lẹt của lá cây ẩm ướt không cháy nổi; lúc đó là tầm nửa buổi sáng, nhà hàng xóm vừa mới chát một đồng lá và đang hoài công châm lửa đốt, khiến không khí xung quanh đặc sánh khói trắng mù mịt.

Và rồi bà bước ra từ trong làn khói, có lẽ gầy hơn so với kí ức của cháu.

Cứ ngỡ rằng cháu có thể tự giải thoát khỏi bà nếu có cả một đại dương ngăn cách, cháu đã đi nhiều tháng, chứng kiến nhiều điều, và gặp gỡ nhiều người, nhưng tất cả những khoảng cách đó chỉ mang đến một kết quả hoàn toàn ngược lại.

Cháu vẫn ghét bà nhiều như xưa. Cháu thấy mình như một con cáo đuôi dài bị xự vô tình xùa đuôi vào đám lửa, và lửa cứ lẳng nhãng bám theo cháu khắp nơi; dù tới đâu, lòng cháu vẫn tràn đầy tức tối, đau đớn, và khao khát dập tắt ngọn lửa đang bùng cháy phía sau, ngày một dữ dội và hủy hoại mạnh hơn. Khi cháu tra chìa khóa vào cổng, cái đuôi lại phùng lên, kêu tanh tách và tóe lửa như một bó cỏ khô, đám cháy xém lẹm càng tăng cường bởi những ngọn lửa hung hãn.

Bà đang ở ngõ vào nhà, tay cầm chổi. Bà reo lên “Cháu đây rồi!” và ném chổi xuống đất. Cán chổi gỗ đập vào nền đá lát phát tiếng kêu khô khốc, sắc lẹm.

“Hẳn rồi,” cháu đáp lại, và không nói thêm một lời nào nữa, cháu đi về phòng mình, con Buck lẻo đẻo theo sau, kêu ăng ẳng hân hoan.

Những tuần sau đó, sự giằng co khó chịu vốn dĩ giữa bà cháu ta lại tái diễn - cháu ghét bà, còn bà cố để cháu không ghét. Vào những ngày bà khỏe mạnh, bà thường cố xoa dịu nó, nhưng những việc bà làm thật yếu ớt, như một võ sĩ hết thời, và chúng

chỉ càng làm cháu thêm bức bối. “Bà muốn gì?” cháu hét lên. “Bà đi đi!” Cháu gọi bà là “Bà lão”; cháu đá cửa, mồm lẩm bẩm như tụng kinh, “Đừng quấy rầy cháu nữa, đừng quấy rầy cháu nữa, đừng quấy rầy cháu nữa...”

* * *

Thật khó mà hiểu được sự căm hờn đó đã chắt chứa trong lòng cháu ra sao. Nó là kết quả của một chuỗi sự kiện, không may lại kết hợp với bản tính bẩm sinh.

Khi những giây phút đầu tiên của tuổi trưởng thành đến, cái dòng chảy bình yên trong tuổi thơ của cháu bắt đầu biến thành một dòng sông vùn vủ; làn nước không còn xanh nữa mà biến thành vàng úa, và găm rú khi dội qua mỗi vật cản. Mọi loại rác thải bị cuốn đi trong con lạch đó - những chiếc hộp nhựa, túi bóng, những quả banh da bị thủng, những thân hình búp bê trơ trụi, những cành cây gãy nát, những xác mèo bụng trương phình - và mọi thứ trôi bồng bênh, thứ này mắc nhẹ vào thứ kia, bất lực, uất ức, không thể tự giải thoát. Từ thuở nhỏ, đã có quá nhiều điều tích tụ dưới lớp vỏ mà cả cháu và bà đều không thể nhìn ra: nhiều năm trôi qua, dù nói ra hay chôn giấu, một cái nhìn trừng trừng, một cái ôm âu yếm bị chối từ - những hiểu lầm vốn là tất yếu trong bất kì mối quan hệ song phương nào - đã biến thành hai kho thuốc nổ, nằm trong mỗi chúng ta.

Hai từ “chúng ta” đó, nhưng thực tình chỉ nên nói là “cháu” thôi vì bà vẫn luôn nỗ lực hết sức mình để tránh mọi cuộc bùng nổ.

Bà luôn im lặng nếu bà cho cách đó là tốt, bà cố nói thật nhiều nếu bà nghĩ lời nói sẽ hiệu quả hơn, nhưng dù là lặng thinh hay bày tỏ bằng lời thì cũng đều vô ích. “Sao bà không nói gì cả?” cháu sẽ hét lên, giận dữ nếu thấy bà tỏ ra bàng quan.

“Sao bà không im đi?” cháu sẽ gằm gừ, khăng khăng những gì bà nói chỉ làm cháu thêm ức chế.

* * *

Cháu thường xuyên rơi vào trạng thái khủng hoảng. Điện ngập trong não cháu; những con mối hung hãn chạy loạn xạ trong sọ cháu. Chúng làm tắt ngóm mọi ánh đèn, những bộ hàm nhỏ xíu nhai nát dây điện, và mọi thứ chìm vào màn đêm. Trong bóng tối đó, cuối cùng cháu cũng bình tâm trở lại. Bỗng chốc dòng sông trong cháu biến mất, chỉ còn lại hồ nước, một hồ nước nhỏ trên núi. Một con cá hồi béo mẫm lượn lờ dưới lòng hồ sâu, và ánh bình minh nhuốm hồng đỉnh núi.

Vâng, mọi thứ thực sự đều có thể bắt đầu lại, giống như đêm tàn trời lại sáng. Cánh cửa sổ mở ra, không khí trong lành ùa vào ngôi nhà; ánh sáng hòa với dòng khí mát rượi, và dường như không còn góc tối nào ngự trị.

Chúng ta cùng nhau nướng bánh, cùng nhau đi mua sắm, hoặc cùng tới thư viện để chọn vài đầu sách mới.

“Cháu có uống thuốc nhé?” bà nói, và trong vòng hai, ba tuần, cháu đã vâng lời bà.

Những tuần bình yên.

Thật đẹp làm sao, trong những tuần đó, vì được hít thở, tản bộ, nhìn ngắm xung quanh mà bên tai cháu không còn văng vẳng những tiếng ì xèo; thật thoải mái làm sao khi được ngủ và thức dậy mà không canh cánh mối lo sợ òa vỡ.

Nhưng cũng như mọi điều tốt đẹp trên đời, nó chẳng bao giờ tồn tại mãi.

Một buổi sáng, cháu mở mắt, và bỗng thấy cái bình yên tẻ nhạt đó sao nặng trĩu.

Cháu cần nổi đau để thấy mình đang sống. Cháu biết nó là thứ a-xít, thuốc độc... bằng trực giác, cháu hiểu nó sẽ hủy hoại ruột gan cháu và bất kỳ thứ gì chạm vào cháu; nhưng cháu không thể từ bỏ nó. Lòng tốt và lẽ phải không có nhiều năng lượng bằng. Chúng chỉ là những cảm xúc yếu ớt, nhạt nhòa vô định.

Từ bình minh tới hoàng hôn, cháu đi lại bồn chồn chẳng khác nào cái lõi núi lửa chuyển dịch. Tâm cháu lúc này giống như lòng núi lửa tan chảy nóng bỏng, không lối thoát khí qua những kẽ góc ngách, lỗ thông hơi hay rãnh thoát vô hình; thứ đá mác-ma đỏ rực sôi sục vùn vữa, dồi lên, rụt xuống nhịp nhàng đều đặn và thi thoảng lại ồ ạt tràn ra.

Hồi mười một, mười hai tuổi gì đó, cháu vẫn còn ngồi trong lòng bà trên ghế sô-pha đọc sách, nhưng chớm sang tuổi mười ba, cháu bắt đầu mất kiên nhẫn, rồi mười bốn tuổi, câu chuyện duy nhất cháu thực sự hào hứng là tìm hiểu về chính mình.

Vào một trong những buổi chiều như thế, khi chúng ta đang cùng đọc sách - một trong những cuốn *Nghìn lẻ một đêm* mà bà yêu thích - tháng Tư, cơn mưa lạnh giá xối xuống vườn và một con người khác bỗng trỗi dậy trong cháu. Thành linh, cháu bật dậy và chê bai, “Cháu hết chịu nổi quyển sách tẻ nhạt này rồi!”

Ngỡ ngàng, bà đặt cuốn sách xuống và nói, “Cháu ăn nói thế à?”

“Cháu nói thế nào mặc cháu.” Cháu phản ứng rồi quay đi và bước một mạch ra khỏi phòng, đóng sầm cánh cửa phía sau lưng.

* * *

Trong suốt tuổi thơ của cháu, khi bạn bè đồng trang lứa chúí

đầu vào các chương trình truyền hình, thì bà phủ lên cuộc đời cháu những câu chuyện kể, những bài thơ, truyện thần thoại. Bà yêu thích sách, và muốn truyền niềm đam mê đó sang cháu - hoặc có lẽ vì bà nghĩ nếu được nuôi dưỡng trong những điều lung linh đẹp đẽ người ta sẽ không còn phải sống trong sợ hãi đề phòng.

Trong kí ức đầu tiên của cháu về cuộc sống của chúng ta, sách luôn hiện hữu. Đó là cách bà xây dựng những mối quan hệ; đó là thế giới của bà, thế giới mà bà trưởng thành. Những cuốn sách giúp chúng ta hiểu hơn về cuộc sống, như bà thường nói; nhờ văn học, chúng ta có thể hiểu sâu sắc về cảm xúc của con người.

Nhưng dù có vô vàn các nhân vật bất tử vây quanh, mỗi ngày, cháu lại trần trở nhiều hơn, chứ không trở nên hiểu biết hơn. Tất cả bọn họ cứ ở giữa bà và cháu, một số thì ngồi, số khác lại đứng; những khuôn mặt của họ lơ lửng giữa chúng ta, và cơ thể họ phủ bóng mờ ảo lên câu chuyện của chúng ta, trong khi cháu muốn thấy ánh sáng, một thứ ánh sáng chân thật và minh bạch.

Cháu chỉ thấy những khuôn mặt mà cháu thực sự muốn thấy: khuôn mặt của cha mẹ mình.

* * *

Vâng, cái khoảnh khắc bồi hồi vô cùng đó ngẫu nhiên trùng khít với sự tái hiện của mẹ. Trước đó, mẹ chỉ kín đáo xuất hiện ở sân chơi. Chỉ có hai chúng ta, bà và cháu - hoặc cháu tưởng là chúng ta - tự hài lòng trong mối quan hệ đó: không bất đồng, không câu hỏi vô tư, và ngày tháng cứ trôi qua như chuyến tàu mò mẫm trong sương mù dày đặc. Mọi thứ mù mờ, bao bọc và không nơi bầu vịu; chỉ có đường ray thô cứng đảm bảo cho sự

bình an của chúng ta.

Thế rồi, một buổi sáng tháng Năm, cháu tỉnh giấc và lần đầu tiên nhận ra rằng trong cả ngôi nhà này không hề có một bức ảnh nào của mẹ: phòng khách không, nhà bếp không, phòng bà cũng không một dấu tích nào của mẹ, và bà cũng không biết là cần phải treo ảnh mẹ trong phòng cháu. Dù cố hình dung ra hình bóng mẹ thì trong cháu chỉ là những kí ức xa vời, mà ngày đó cháu còn quá nhỏ, và đã nhiều năm trôi qua, những đặc điểm của mẹ bắt đầu nhạt nhòa giống như nét vẽ phai dần dưới ánh nắng. Chúng nhòe lẫn với khuôn mặt của người khác, những mẩu chuyện khác.

Mẹ của cháu là ai?

Cháu chỉ biết hai điều về mẹ: mẹ mất sau một tai nạn xe hơi, và mẹ học đại học ở Padua nhưng chưa kịp tốt nghiệp.

Buổi sáng đó, cháu lao vào bếp. Bà đã hâm nóng sữa, và đang tắt lò.

“Chúng ta không có bức ảnh nào của bà ấy!” Cháu gào lên.

“Ảnh ai cơ?”

Trong tim cháu có âm thanh như tiếng băng nứt vỡ dưới chân. Cổ họng cháu run lên trước khi khó nhọc thốt thành lời, “Ảnh mẹ.”

Hai ngày sau, một khung ảnh nhỏ xuất hiện trên bàn ngủ của cháu, với tấm hình đen trắng chụp một bé gái mặc bộ váy nhỏ tự may xinh xắn đang ngồi trên chiếc bập bênh, vẫn là chiếc bập bênh tay vịn màu đỏ ngoài sân kia. Cháu cầm tấm ảnh lên và đi ra vườn tìm bà.

“Cháu không muốn ảnh con gái bà,” cháu nói. “Cháu muốn ảnh mẹ cháu.”

Trước khi xé tan tấm ảnh, cháu đã kịp đọc dòng chữ phía sau: Ilaria, 11 tuổi.

Thế rồi, một tấm ảnh in liền với màu sắc lòe nhòe xuất hiện

trong phòng cháu, chụp một phụ nữ trẻ tay chống cằm, dáng vẻ đang lắng nghe ai đó trong một hộp đêm mù mịt khói thuốc.

BÂY GIỜ THÌ CHÁU HIỂU RẰNG có thể những sự việc đó mang sắc thái ý nghĩa khác nhau; những gì chúng ta nhìn thấy bằng mắt thường luôn phiến diện. Có lẽ bà nghĩ ký ức về mẹ sẽ làm cho cháu buồn, hoặc có thể vì bà vẫn còn quá đau khổ - thậm chí thoát đã mười năm - và bà vẫn không cảm lòng được khi thấy hình ảnh mẹ trong nhà. Có lẽ bà muốn âm thầm lưu giữ ánh mắt và khuôn mặt mẹ trong tim. Ở đó bà lập bàn thờ mẹ; ở đó, trong bóng tối và âm lặng, bà tưởng nhớ cái nỗi đau tột cùng khi mất mẹ.

Nhưng ngày đó, với cơn thịnh nộ của một thiếu niên theo Mani giáo, cháu chỉ thấy một phần của sự thật: xóa bỏ. Bà mất con gái, và bà không buồn tưởng nhớ cô ta; còn gì khác có thể chứng tỏ một trái tim vô cảm hơn nữa? Và hơn thế, người con gái đó lại là mẹ cháu, đã chết yếu sau một cuộc đời mập mờ sáng tối.

Quả thực bà đã không kể gì về mẹ với cháu cả. Tất nhiên cháu đã có thể hỏi bà, và sau chút ngập ngừng, hẳn bà có thể cho cháu biết về mẹ, và khi sống lại những khoảnh khắc đó, băng giá trong trái tim bà sẽ tan chảy, cháu đã có thể đặt tên cho những ký ức của mình, và bà đã có thể rũ bỏ gánh nặng đè nén bao lâu nay; và cuối cùng chúng ta sẽ ôm nhau thật lâu, hai khuôn mặt nhạt nhòa nước mắt, còn mặt trời thì lặn phía sau lưng, mọi thứ xung quanh chúng ta sẽ chìm vào bóng tối.

Cháu đã có thể làm thế, nhưng cháu lại không làm. Đó là khoảnh khắc giằng co mâu thuẫn, và vì thế giữa chúng ta toàn là mâu thuẫn, ở mức đáng kể: tương đấu tương, thép đấu thép. Ai cứng đầu hơn, trái tim sắt đá hơn sẽ là người tồn tại tới cùng.

Vì quá ám ảnh đổ lỗi cho bà, cháu luôn tin rằng bà hành động như một loài vật nào đó đôi lúc đánh cắp con của loài khác và nuôi chúng làm con mình. Bà muốn giữ tuổi thanh xuân, hoặc có lẽ vì bà thèm có một cô con gái, do vậy bà đã đang tâm cướp đi con gái của con mình, niềm hạnh phúc duy nhất của cô ấy. Chung quy, cháu chỉ cảm thấy vì lý do gì đó mong muốn của bà đã làm xáo trộn cuộc đời của mẹ, cả cuộc sống và cái chết của mẹ, vì ngay cả có thể - cháu vẫn thấy rằng - hẳn là bà mang một thứ trách nhiệm bí mật nào đó.

* * *

Thỉnh thoảng cháu nghĩ sẽ tuyệt vời biết mấy nếu lúc nào đó trong tuổi thơ của mình có ai đó khua đũa thần và chỉ cho chúng ta biết đường đi những ngày sắp tới trong cuộc đời chúng ta. Chúng ta sẽ ngồi trên ghế, nghiêng đầu ra sau, và nghe một ông lão râu tóc bạc phơ, giải thích về lộ trình đáng tin cậy nhất để tới được trung tâm của lãnh địa bí ẩn đó.

Tại sao không ai cho chúng ta chút manh mối nào về thời điểm ta cần chú ý? Chỗ này bằng mỏng hơn, chỗ kia dày hơn, hãy đi thẳng, rẽ, lùi lại, dừng lại và né tránh. Sao chúng ta luôn phải kéo theo phía sau lưng sức nặng của những hành động chưa được thực hiện và những lời chưa được nói ra? Tại sao chúng ta sống, ngay từ khi sinh ra, đã bị bó buộc trong sự tù đày kỳ quặc này? Mọi thứ với chúng ta dường như đều là vĩnh cửu, và ý chí của chúng ta ngoan cố ngự trị thứ nhỏ bé rồi rầm được gọi là “tôi”, thứ mà ta phải tôn kính giống như một đấng tối cao tôn kính. Giá ta chỉ cần mở mắt ra một giây thôi, ta sẽ thấy kẻ trị vì ta đang nói tới đó thực ra là một ông vua con nhu nhược, giả tạo, thiếu bản lĩnh và bị bó buộc trong tầm nhìn hạn hẹp.

Đã bao nhiêu tháng trôi đi kể từ khi cháu trở về?

Ba, có lẽ là bốn tháng. Trong những tháng ngày đó, cháu đã không biết chuyện gì đang xảy ra; cháu không để ý thấy đôi lúc bước chân của bà lơ đãng hoặc ánh mắt bà thoáng chút mơ màng.

Một sáng, cháu nhận được dấu hiệu đầu tiên khi cơn gió bora thốc tới. Cháu đi mua bánh mì và sữa trước khi mặt đất đóng băng lại, và khi trở về, bà đón cháu bằng một nụ cười rất đổi ngạc nhiên, và vỗ tay háo hức: “Ta có tin cho cháu đây; có người ngoài hành tinh ở trong bếp nhà ta đây!”

“Bà nói gì thế ạ?”

Cháu không biết nên cười hay nên nổi cáu.

“Cháu không tin à? Lại xem đi. Ta không đùa đâu.”

Chúng ta vào trong bếp và lục tung mọi thứ lên để tìm kiếm. Bà mở các ngăn kéo, lò nướng và tủ lạnh, càng lúc càng thêm lo lắng. “Nhưng vừa mới đây mà,” bà cứ lải nhải. “Bà chắc chắn chúng vừa ở đây. Giờ cháu nghĩ là ta lừa cháu đúng không?”

Cháu nhìn bà bối rối. “Đây là một trò chơi ạ?”

Bà có vẻ tự ái. “Có tới bảy, tám tên,” bà nói. “Lúc bà vừa bật bếp, chúng xuất hiện trong ngăn lò. Khi bà tắt bếp, chúng nhảy vào bồn rửa.”

“Và chúng làm gì ạ?”

“Nhảy múa. Ta không nghe thấy tiếng nhạc nào, nhưng chắc chắn chúng đã nhảy múa.”

“Có lẽ chúng trốn qua ống nước rồi.”

“Ống nước? Đúng rồi, có lẽ thế. Có lẽ chúng đến rồi đi qua vòi nước này.”

Từ hôm đó, người ngoài hành tinh bắt đầu tồn tại trong ngôi

nhà cùng hai bà cháu. Cháu giải thích nhưng cũng vô ích, rằng người ngoài hành tinh đến từ những chiếc đĩa bay không xác định UFO, rằng chỉ những người uống quá nhiều hoặc các nhà khoa học ở Cơ quan Hàng không Vũ trụ NASA mới nhìn thấy chúng, rằng không thể nào có chuyện họ nhảy múa trong gian bếp nhà ai đó; nếu họ đáp xuống vườn nhà mình, cháu nói, thì hẳn hàng xóm xung quanh đã nhìn thấy, và cây cối cũng sẽ bị cháy rụi.

Bà lắng nghe cháu nói, nhưng nhìn vào ánh mắt bà cháu hiểu bà vẫn chưa chịu từ bỏ.

Một hôm, cháu bảo, “Chắc không phải người ngoài hành tinh đâu, cháu thấy giống vong hồn hơn.” Bà nhún vai nôn nóng trước gợi ý này, như muốn nói, “Tùy cháu thích gọi là gì thì gọi.”

Theo lời bà mô tả, chúng có màu xanh nhạt - như hạt đậu Hà Lan tươi - và chúng cũng tròn như hạt đậu; nhưng tay chân chúng giống chi của con tắc kè đứng thẳng. Đuôi ngắn, trọc lóc, thay vì mũi và mồm, chúng có một cái kèn lớn, vừa dùng để nói, ăn và để thở. Chúng thoát ẩn thoát hiện; chúng chui vào ống khói, bơi trong bồn tắm, và vẫy bàn tay nhớp nháp nhỏ xíu về phía chúng ta qua lớp kính của máy giặt. Đôi khi bà còn thấy chúng bay lượn, lẩn trốn trong tấm màn giống như mấy con vật có túi, và rồi chúng không chỉ dừng lại ở nhảy múa nữa. “Chúng đang cười nhạo ta!” bà vừa nói giọng tức giận, vừa giữ mái tóc xõa xượi của bà.

Bà lo lắng, đi đi lại lại, khắp quanh nhà, rồi ngoài sân, kể cả ban đêm cũng không ngừng, điều mà trước đây bà chưa từng làm. Bà đi lên xuống cầu thang, lồi ngấn kéo ra nhìn rồi đóng lại. Nhiều lúc cháu thấy giống như có một con chuột bị đột biến gen cứ phải chạy quanh khắp nơi, luôn miệng kêu chít chít.

Những bước chân của bà gieo khắp nơi suốt đêm thâu. Đôi lúc, cháu ra khỏi giường, giữ lấy bờ vai gầy guộc và mong manh

của bà, lắc mạnh và hỏi: “Bà tìm cái gì vậy?”

Bà nhìn cháu vừa tự hào, pha lẫn chút tự mãn. “Cháu không thấy à? Bà đang tự vệ.”

Một sớm bình minh, bà ăn vận chỉnh chu và bước những bước chắc chắn vào thị trấn. Đồng hồ điểm tám giờ, khi cửa hàng thực phẩm chuẩn bị mở cửa, ông chủ hàng đã thấy bà chờ sẵn bên ngoài.

Ông ta còn chưa kịp mở cửa chớp bảo vệ, bà đã nói, “Tôi cần thứ gì đó có thể đuổi UFO.”

Bác chủ cửa hàng cố gắng giúp bà bình tâm lại nhưng vô ích, khi gợi ý cách chống mối, như vậy ít nhất cũng đuổi được lũ côn trùng đó đi, hoặc một loại nước cọ rửa đủ mạnh để tổng khử được lũ sinh vật xâm phạm ra khỏi đường ống. Bà giáng nắm đấm nhỏ bé xuống bàn thu ngân và hét lên “Thật đáng hổ thẹn!” và bỏ đi trong cơn giận dữ.

Sau hôm đó, mỗi lần cháu vào thị trấn mua đồ, người ta lại tới và vờ vĩnh hỏi thăm, “Bà cháu thế nào rồi?”

TRONG MỘT CĂN NHÀ HOANG PHỀ, quá trình mục nát diễn ra chậm rãi mà quyết liệt. Bụi tích tụ, những bức tường bắt đầu ngấm cái lạnh ngày đông và hơi nóng mùa hè. Không khí bí bách trong ngôi nhà ẩm mùi cũ nát. Vữa trên tường bong tróc, bở bụi thành bột, thỉnh thoảng rơi âm xuống sàn, tựa như tuyết trên mái nhà đổ ào xuống khi đông tàn. Cùng lúc, từng cơn gió biến các ô cửa sổ thành những mảnh vỡ để gió mưa mặc sức xông vào, cả những tia nắng hè chói chang, những đụn lá, giấy vụn, mảnh nhựa, cành cây nhỏ, đồng hành cùng chúng là đủ loại côn trùng, chim chóc, dơi, chuột. Phân chim và dơi tích tụ bào mục sàn nhà, lũ gặm nhấm lo nốt phần còn lại.

Và vì thế, căn nhà xinh xắn xưa kia giờ chỉ còn là nơi cư ngụ của hồn ma. Không ai dám nghĩ đến việc mở cánh cửa đó. Việc này quá nguy hiểm. Nước chảy liên tục đã làm mục ruỗng các mối nối. Chỉ một bước chân cũng đủ làm bạn bổ nhào xuống tầng dưới. Cuối cùng, sàn nhà sập xuống, kéo theo những gì một thời đem lại sinh khí cho căn nhà. Đồ nội thất đổ nhào, cùng những li thủy tinh, lọ hoa, bát đĩa, áo khoác, giày dép, sách, ảnh những đứa cháu, những món đồ lưu niệm từ các chuyến đi...

Suốt những tháng ngày đằng đẵng đó, hình ảnh ngôi nhà mục nát cứ lớn vồn trong tâm trí cháu. Cháu hình dung ra căn phòng, rồi thấy nó sụp đổ, không phải ngay lập tức, mà là từng chút từng chút một, méo mó, như cát lún hay món thạch mềm. Mọi thứ lộn nhào, nhưng thay vì vỡ nát, chúng lại bị ngổn ngáu trong khoảng không lặng thinh, chỉ có những hồn ma xuôi ngược, trườn qua các khe nứt, nhanh nhẹn như lũ lươn.

* * *

Nhiều năm trôi qua, dễ đến hàng thập kỉ, những người ngoài hành tinh đã ngủ mơ ở một góc nào đó trong não của bà, có lẽ họ đã lưu lại ở đó qua một bộ phim tài liệu về sinh vật ngoài Trái đất. Dù thế nào đi nữa, những sinh vật đó - với các giác hút dưới bàn chân nhỏ xíu và một thứ giống như chiếc kèn trumpet làm chức năng của miệng và mũi - đã xâm nhập vào đầu bà, bí mật trú ở đó, mà không để lộ dấu hiệu nào. Mỗi khi bà nấu cơm, nói chuyện, lái xe, đọc sách, nghe nhạc hay ngâm thơ, tập đoàn tí hon đó lại lơ lửng giữa mơ và tỉnh, chỉ chờ bản lề bật mở, một cơn gió mạnh chưa từng thấy ulla vào giải phóng chúng.

Phải, những linh hồn ngoài hành tinh đó chính là lệnh kèn. Đáng ra cháu phải được cảnh báo với những dấu hiệu sớm đó và sẵn sàng cho cuộc chiến; vậy mà, cháu thậm chí còn không kịp mặc áo giáp. Mà cháu cũng không ngờ cuộc chạm trán tại gia sẽ đổi chiều; hay chính cháu, từ kẻ phục kích biến thành con mồi, bởi một kẻ thù vô hình hoạt động trên cả hai chiến tuyến.

Cháu phải tự bảo vệ mình, và cả bà nữa. Ngày qua ngày, trí nhớ của bà dần giảm sút như những mối ghép sàn ở căn nhà hoang ọ.

Một khi trí nhớ của bà suy sụp, đầu óc bà sẽ chỉ còn toàn những hồn ma.

Đến một lúc nào đó, có một đám đông ngăn cách bà cháu ta. Chúng ta sống cùng bầy khách xấu xa đó, sàn dưới chân trở nên trong suốt và mờ mờ như lớp bột nhồi mỏng manh.

* * *

Vài tháng sau khi những chiếc UFO đó xuất hiện, cháu đã

mời cho bác sĩ - khám cho chính cháu, cháu nói dối thế, để tránh đánh động bà.

Hôm đó, bà cư xử chẳng khác gì ngày thường. Bà kê bàn dưới chiếc lều trong vườn, trải lên đó một tấm khăn xinh xắn, và sau khi xếp dao, dĩa, bà mời ông bạn bác sĩ già thân thiết món bánh mì sấy nhấm cùng trà lạnh. Ông thờ ơ hỏi bà vài câu và bà vồn vã đáp lại. Rồi hai người bắt đầu nói về kì nghỉ lễ sắp đến, về những đứa cháu của ông bác sĩ sắp đến ở cùng ông, về cách trừ rệp vừng cho hoa hồng hữu hiệu và rẻ tiền là ngâm đầu mẩu thuốc lá vào nước rồi xịt lên rệp vừng.

“Chính xác!” Ông bác sĩ già thốt lên. “Nếu chúng giết được ta thì cũng diệt được rệp vừng.”

Cháu nhìn bà, lòng đầy hoang mang. Đã có chuyện gì với những vị khách không mời trong bếp rồi?

Phía cuối bãi cỏ, một chú chim két kiên định tuyên bố lãnh thổ, một đám muỗi vằn lao xao trên khóm hoa đầm nước. Ánh nắng cuối ngày rọi qua những bộ cánh mỏng của chúng trông như những vảy vàng óng ả. Một con bọ vừng om sòm bay qua bàn, bà đứng bật dậy và nói: “Tôi sẽ để hai người vài phút riêng tư - hoa tú cầu của tôi cần tưới nước rồi.”

Cháu và ông bác sĩ im lặng dõi theo bà nhặt một đầu ống và đi đến vòi nước. Con Buck chạy theo bà, sủa âm vào chiếc ống cao su màu đen đang trượt qua cỏ. Nó đang chơi đùa hay đang nghĩ là mình đang bảo vệ bà?

Ai mà biết được?

Khi chỉ còn hai người, cháu dễ dàng thuyết phục bác sĩ rằng cái vẻ bình thường, điềm tĩnh đó của bà không hẳn là thật như thế đâu. Bác sĩ giải thích rằng những người mắc bệnh ảnh hưởng tới trí nhớ và tính cách ban đầu vẫn giữ được sự kiểm soát bề ngoài. Họ cố gắng vô thức để cư xử bình thường trước người ngoài. Họ tỏ ra bình thường đến khó tin để bảo vệ con người ốm yếu bên trong.

Bác sĩ cho biết bà từng một lần đột quỵ khi cháu còn ở Mỹ, và hỏi cháu không biết chuyện đó ư, rồi còn có những triệu chứng thiếu máu khác; lượng máu lên não bà ngày càng giảm. Ban đầu bà bắt đầu lẫn về ngày, rồi đến tháng, năm, giọng nói, khuôn mặt cũng bị cuốn dần đi, nói tiếp nhau như một đợt sóng thần, mỗi con sóng lại mang đi chút sự kiện và cuốn nó ra biển khơi, nhấn xuống lòng đại dương, đến một nơi không thể quay đầu lại...

Bà vẫn đang tưới cho hoa. Cháu và vị bác sĩ có thể thấy hình bóng bà đang cử động, bao quanh là một đám bụi nước lấp lánh sáng bừng lơ lửng trong ánh nắng. “Liệu có chữa được không ạ?” Cháu hỏi.

“Hơi khó. Có vài loại thuốc an thần có thể có ích.”

“Bệnh của bà cháu sẽ kéo dài đến bao giờ?”

“Chứng nào tim bà ấy còn đập. Nghe có vẻ tàn nhẫn nhưng sự thật là thế. Khi trí óc không còn, chỉ còn trái tim chống chọi. Nó có thể hoạt động thêm vài năm bên trong cơ thể chỉ còn là vỏ sò rỗng.”

Khi cháu tiễn bác sĩ ra cổng, bà còn vẫy tay chào ông từ xa, lòng bàn tay rộng mở, tựa như một cô bé háo hức khi bắt đầu một chuyến tham quan của trường.

Ngày hôm đó trôi qua thật bình lặng. Tưới cây xong, bà vào nhà nấu bữa tối. Cơn gió đầu hạ mang theo mùi hương, hơi ẩm, chất chứa hi vọng ủa qua ô cửa sổ mở tung. Chúng ta đã trò chuyện về sách. Bà muốn đọc lại cuốn *Gia đình Buddenbrooks*. “Có buồn tẻ không ạ?” cháu hỏi. “Không hề!” bà đáp và bắt đầu kể cho cháu nghe về người ủ rượu, Permaneder, người vợ và các nhân vật khác vẫn còn trong trí nhớ của bà sau chừng ấy năm.

Trước khi đi ngủ, chúng ta đã hôn chúc ngủ ngon. Đã lâu lắm rồi ta không làm vậy, từ trước khi cháu đến Mỹ.

Cháu nằm trên giường và nghĩ có thể bà chỉ đùa thôi; bà đã rất vui vẻ, bà chỉ lừa cháu thôi, và giờ thì trò đó đã kết thúc.

Cháu mang theo ý nghĩ đó chìm vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau, cháu bừng tỉnh khi bà kẻ sát khuôn mặt giận dữ vào cháu và nói: “Cháu đã ăn trộm dép của ta!”

* * *

Vài tuần sau đó, cháu thấy mình như đang sống với một người hoàn toàn xa lạ. Những người ngoài hành tinh đã biến mất, nhường chỗ cho chứng phức cảm bị hành hạ. Tất cả đều đang âm mưu chống lại bà.

Đó là những lời thì thầm ác ý, trò nhạo báng sau lưng, những vụ trộm vặt thường xuyên: dép và váy ngủ của bà biến mất, túi xách và áo khoác của bà mất tăm, chìa khóa và kính không thấy đâu. Ai đó lấy trộm chiếc nồi bà định dùng và bữa trưa bà vừa nấu. Trong tủ lạnh không có dấu vết của những món đồ bà đã mua. Xà phòng trong buồng tắm bốc hơi. Vì UFO và những kẻ chiếm đóng đã đi rồi, giờ người duy nhất chịu trách nhiệm cho những trò trộm vặt tùy tiện này là cháu, chỉ cháu mà thôi. Cháu làm thế để chọc tức bà, để bắt bà phải khốn khổ tìm kiếm.

Bà mua từ cửa hàng về rất nhiều dây xích và khóa để khóa mọi thứ lại. Để khỏi mất từng ấy chìa khóa, bà khâu chúng vào một dải ruy-băng đỏ đeo quanh cổ. Trong trí nhớ của cháu vẫn vang lên tiếng leng keng liên miên của những chiếc chìa khóa, tiếng chân lộp cộp loẹt quẹt của bà, là thanh âm chủ đạo trong nhà suốt những tháng đó.

Bà đổ cho cháu những chuyện không tưởng, khiến cháu chẳng biết phải bào chữa thế nào. Những gì cháu nói chỉ như đổ thêm dầu vào lửa - chỉ vài giọt cũng đủ khiến bà nổ tung. Bà sẽ bừng bừng giận dữ, xiết hàm ken két, mắt cau mày nhú, bàn tay gầy guộc cào vào không khí; bà sẽ tuôn ra những lời khiếm nhã suốt hàng giờ liền. Bà hết mở lại đóng ngăn kéo, lén chuyển

đồ đạc đến những chỗ mới, thậm chí còn bí mật hơn. Bà đóng mở tủ đứng, tủ lạnh, lò nướng. Bà lên xuống cầu thang, đóng mở cửa sổ, bắt chọt thò đầu ra để bắt quả tang những kẻ đang rình mò bà. Với cửa trước cũng thế. Bà cam đoan thấy ai đó nấp sau khung cửa, sẫm soi bà bằng đôi mắt ám muội. Cần thẳng tay cho chúng một trận, không thương xót. Phải đánh cho chữa thói tọc mạch.

Với nỗ lực nhằm tỏ rõ sự ủng hộ, cháu giúp bà bố trí nhiều chiến thuật phòng bị. Cháu mua một chiếc còi và nói nó có sức mạnh kì diệu, có thể khiến những kẻ ác tránh xa. Bà giật nó khỏi tay cháu, mắt mở to đầy thích thú. “Thật chứ? Có tác dụng chứ?” Bà hỏi đi hỏi lại với vẻ cảm kích nhẹ nhõm.

Quả thực nó đã có tác dụng một thời gian. Âm thanh hô mạng mới mẻ đó hòa cùng tiếng bước chân của bà, tiếng leng keng của chùm chìa khóa tự chế: tiếng còi inh tai thường kéo theo cả tiếng tru của con Buck - vì những âm thanh tần số cao làm nó khó chịu. Cháu ở đó, lang thang như một bóng ma giữa khúc hòa âm tàn nhẫn này. Trong những phút hiếm hoi mà bà chịu ngủ, cháu đứng bên giường quan sát bà. Bà cuộn người ở thế tự vệ, tay nắm chặt, môi mím, cơ mặt động đậy và co rúm không ngừng, cả đôi mắt phía sau lớp mí mỏng cũng vậy.

Nhìn ngắm nét mặt này, cháu cố tìm ra hình bóng của người đã nuôi nấng cháu. Đã có chuyện gì với người đó rồi? Bà già cháu đang nhìn là ai đây? Bà ấy từ đâu ra thế? Làm sao một phụ nữ đoan trang, hòa nhã, dịu dàng lại thay đổi ra nông nổi này? Bần tiện, nóng nảy, đa nghi, bạo lực - những thứ này là sao? Điều gì đã khiến sự đáng sợ này bùng nổ? Từ lâu nó vẫn tồn tại âm thầm bên trong bà ư? Có phải bà đã không chế nó từng ấy năm, và giờ khi không còn khả năng chế ngự lên tâm trí, bà đang bộc lộ đúng bản chất của mình? Hay đúng là bà đã bị linh hồn lạ nhập vào? Liệu linh hồn này có xâm chiếm cả cháu không?

Hay là chúng ta, giống như các sinh vật trong một số phim khoa học viễn tưởng, ngay từ đầu đã âm thầm mang một chương trình tự diệt nằm giữa màng cứng và màng mềm ở não? Ai đã hẹn giờ? Ai quyết định tuổi thọ của chương trình?

Trước kia cháu không mấy khi nghĩ đến việc có ai khác sống trên thiên đường ngoài UFO và người ngoài hành tinh bay lượn trên đó, nhưng trong những buổi chiều dằng dẳng của mùa thu năm đó, lần đầu tiên cháu suy ngẫm về câu hỏi này và rút ra một kết luận: Thiên đường vốn trống không, hoặc nếu có gì chẳng nữa thì thực thể ngụ trên đó cũng hoàn toàn bàng quan trước những chuyện diễn ra dưới hạ giới. Hẳn vị đó thường lơ đãng trong lúc tạo ra những món đồ chơi nho nhỏ.

Còn cách nào khác để giải thích cho việc một người phải chịu sự sa sút đến vậy chứ? Một cuộc đời đầy phẩm cách và thông tuệ sao lại có thể xuống dốc chỉ trong có vài tháng? Kí ức sao có thể mất sạch, như bị miếng bọt biển chà qua như vậy? Những người nói về Chúa Cha chỉ là kẻ đạo đức giả! Có người cha nào lại muốn con mình chịu số phận như vậy chứ?

* * *

Hàng đêm - mong muốn thoát khỏi tiếng bước chân loẹt quẹt của bà, tiếng còi rít, tiếng cọt kẹt phát ra từ bản lề khô dầu - cháu thường cố náu mình nơi góc sân xa nhất.

Nhìn từ bên ngoài, ngôi nhà chẳng khác nào con tàu ma. Trước tiên cháu nghe thấy tiếng khóa leng keng, rồi thấy bà xuất hiện và biến mất như một cái bóng sau ô cửa sổ sáng đèn; và cùng lúc đó, tiếng gầm rú của xe cộ tấp nập ngoài đường cao tốc, tiếng chó sủa đờn độc từ phía mấy ngôi nhà rải rác ở chốn thôn dã này vẳng vào tai cháu.

Trong những đêm lộng gió, những cây thông đen sì phía trên

kêu kẻo kẹt như cột buồm trên tàu.

Cháu thu mình dưới gốc cây. Cuối cùng cháu cũng có thể khóc - vì tức giận hơn là đau buồn. Từ khóc, cháu bắt đầu chuyển qua đấm đá linh tinh; cháu hung hăng đá mạnh vào thân cây, đấm vào lớp vỏ cho đến khi máu chảy dài xuống cổ tay. “Hãy để tôi chết đi!” Cháu hét to trong gió, cố hết sức để mong gió đưa tiếng hét đi thật cao thật xa. “Để bà chết đi! Hãy mang bà đi, biến bà thành cát bụi! Nếu Ngài không muốn, ít nhất hãy mang tôi đi! Phải, nếu Ngài thực sự tồn tại, nếu Ngài ở trên đó, hãy để tôi chết đi!” Rồi cháu buông mình xuống đất, ôm lấy con Buck đang khiếp sợ quẫy đuôi bên cạnh.

* * *

Một buổi sớm, thức giấc sau một trong những đêm ở ngoài trời như thế, lo sợ những lời cầu nguyện của mình bị nghe thấu, cháu đi ngủ muộn hơn lệ thường, và khi quay vào nhà, cháu cảm nhận một sự tĩnh lặng bất thường. Không có tiếng chân lê bước, không một tiếng còi, tiếng chìa khóa lanh lảnh, không tiếng làm bầm nguyên rửa, không gì cả.

Sau vài phút nghi hoặc chờ đợi, cháu thận trọng hé mở cánh cửa phòng bà, chỉ sợ sẽ nhìn thấy xác bà trong đó. Vẫn nỗi sợ đó làm cháu nghẹn lại khi tìm kiếm từng phòng mà không thấy bóng bà đâu.

Rồi, với con Buck lẻo đẻo theo sau ra sân nhưng cháu cũng không thấy bà giữa đám phong lữ đỏ, kho củi hay kể cả trong gara. Bà không thể lái xe đi, vì chìa khóa thất lạc đã lâu rồi, vì thế, nếu có đi, hẳn bà đã đi bộ, mặc dù áo khoác và chiếc túi bà luôn mang theo bên mình vẫn đang ở chỗ cũ.

Cháu đang định đi báo cảnh sát việc bà mất tích thì chuông điện thoại reo. Đó là điện của người bán hoa quả. Ông ấy đã

chặn bà lại khi bà đang chân trần băng qua ngã tư - trên người chỉ mặc đồ lót - và đưa bà về cửa hàng.

Bà luôn miệng nói: “Ta vào hầm rồi. Bố mẹ ơi, vào hầm rồi. Sống rồi!”

Suốt một thời gian, bà bị ám ảnh, tưởng đang bị dội pháo, có quân Đức đập cửa. Nhìn thấy cháu, bà trở nên thù địch vì không nhận ra cháu là ai. “Mày muốn gì ở tao?” bà hỏi. Mãi đến khi cháu thì thầm, tự nhận là người phụ trách phòng không, bà mới đưa tay cho cháu và cùng cháu về nhà, ngoan ngoãn như một đứa trẻ kiệt sức.

Từ sau sáng hôm đó, mọi chuyện khẩn trong nhà đều liên quan đến những chuyến bỏ nhà đi và về chỉ lơ đãng của bà. Bà rửa tay bên trên mỏ hàn; nếu muốn ăn mút cam, thay vì mở, bà đập lọ và nuốt cả những mẩu thủy tinh; khi bà nhốt mình trong phòng để tự vệ, bà hô hoán cần ra hầm trú bom vì chuông báo động đã kêu; khi Buck xuất hiện trước cửa, bà hét lên “Quân Gestapo đến!” - chắc bởi nét tương đồng vô cùng xa xôi với giống chó chặn cừu Đức - rồi bà chạy đi nấp, khuôn mặt đầm nước mắt.

Bà chỉ biết cháu không còn là kẻ địch và đã trở thành một người hoàn toàn xa lạ; bà không nhận ra cháu là ai. Suốt những tháng tiếp theo, để sống sót và giúp bà sống sót, cháu đã biến mình (như nhân vật Thần đèn của Aladdin mà bà yêu mến) thành vô số nhân vật khác nhau.

* * *

Trò chơi này chỉ kết thúc vào một sáng tháng Mười Hai lộng gió. Khi đi mua đồ về, cháu phát hiện bà nằm trên sân, vẫn mặc chiếc váy ngủ. Đôi chân trần của bà bám đầy đất. Buck đang rên ư ử bên cạnh bà. Bị một trong những con ma truy đuổi, bà chạy

khỏi nhà, và có lẽ đã vấp phải vài cái rễ trôi trên mặt đất, đập đầu vào cây. Bà nằm ngửa, miệng mỉm cười, một cánh tay vung trên đầu, như thể đang bơi ngửa trên thảm cỏ. Một dòng máu hằn trên trán bà, và dưới cặp mí, đôi mắt cuối cùng đã được thảnh thơi.

KHÔNG PHẢI NGAY SÁNG HÔM ĐÓ, mà ba ngày sau, bà mất trong một phòng bệnh tại bệnh viện.

Trời tờ mờ sáng, khi cháu đang trần trở trên giường ở nhà, thì thần chết đã giáng thanh đao dữ tợn xuống người bà. Hẳn con Buck đã đánh hơi thấy trên lối đi, vì khi cháu dậy, nó không đứng chờ cháu như thường lệ, ở phía sau cánh cửa. Vì nó cũng thường xuyên biến mất, nên cháu cũng không thấy lo lắng lắm, nhưng rồi tới chiều, có người gọi điện và nói đọc được số điện thoại này trên vòng cổ của nó. Một chiếc xe xô vào nó không xa bệnh viện là mấy. Có lẽ nó đang tới đó để thăm bà, hoặc có lẽ nó nghĩ cả hai người nên cùng nhau tới thế giới bên kia. Họ bảo với cháu là người ta đã đưa thi thể nó tới lò hỏa táng.

* * *

Chỉ có khoảng năm người tới dự đám tang của bà, vài người hàng xóm và hai người bạn già, những cụ già lụ khụ vẫn có thể tự đi lại. Vị linh mục nói giọng như một chủ bán xe hơi, với những câu quen thuộc, có chút mệt mỏi để ca tụng những ưu điểm trong mặt hàng của ông ta.

Chỉ vài ngày nữa là hết năm nên khi mọi người rời nghĩa trang, một tràng pháo hoa nổ như đón chào.

Có một đám thanh niên ồn ào trên xe buýt. Hẳn là họ đã uống khá nhiều; một người còn đội mũ ông già Noel, vài người khác đeo mặt nạ giống như hộp sọ có cặp mắt di động.

Khi về tới nhà, cháu chỉ biết nằm ngủ. Suốt ba bốn ngày liền, cháu ngủ mê man. Căn nhà lạnh lẽo, và những cơn gió bất chợt làm những cánh cửa chớp đập đánh sầm vào tường. Thi thoảng, âm thanh chói tai, dữ tợn đó - giống như tiếng súng nổ - làm cháu choàng tỉnh.

* * *

Rồi cháu bắt đầu đi lại, cảm giác trống vắng mà cháu thực sự cảm nhận được mỗi ngày không phải là vì bà, mà là vì Buck. Cháu vẫn nói chuyện với nó, vẫn đi tìm nó, để đồ ăn thừa cho nó. Cháu thực sự muốn tới trại nuôi chó để chọn một con khác thay thế, nhưng rồi cháu ngập chìm trong công việc thủ tục giấy tờ vô tận để chứng tử một cuộc đời.

Cháu vẫn không thể cảm thấy đau khổ vì bà không còn ở đây.

Căn phòng trống rỗng, chìm trong im lặng giống như rạp hát sau đêm diễn: không còn người đi lại, không còn tiếng bước chân, không còn những cơn ho.

Cái phần trong cháu lẽ ra nên dành để than khóc giờ đã cạn kiệt, thiêu rụi từ sớm do bực tức và do sự suy kiệt bất ngờ tới mức tàn nhẫn của bà. Cháu đã vui mừng, nhẹ nhõm trước sự ra đi của bà, còn cảm thấy biết ơn vì cuối cùng bà không còn phải chịu đựng khổ sở nữa.

Chỉ có thời gian trôi đi mới giúp hình ảnh của bà tái hiện trong tâm trí cháu, để cháu có thể thấy lại người cực kì quan trọng trong cuộc đời mình.

Khi hoàn thành xong mọi thủ tục quan liêu, cháu không biết phải làm gì tiếp nữa cả. Bệnh của bà đã làm cháu cạn kiệt sinh lực; cháu không còn biết đến cảm giác đau khổ, mà chỉ là một cảm giác nhụt chí đến chênh vênh.

Mi là ai? Cháu tự vẫn mình. Lớn lên mi sẽ thế nào?

Cháu không hề có một ý niệm nào cả.

Cơn gió bora thổi mạnh khác thường suốt cả tháng Giêng. Trời cũng đôi khi có tuyết rơi - con hươu thậm chí còn mò vào trong vườn, tìm kiếm chồi non để ăn.

Cháu cuộn mình trong chiếc ghế bành trước lò sưởi, bên cạnh là chiếc bàn với vài cuốn sách của chúng ta (khi đó bụi đã phủ kín), và cháu vẫn nghe giọng bà kể câu chuyện *Ba chú heo con* và *Con sói độc ác*. “Ta sẽ hít một hơi, thổi phù một cái, bay ngôi nhà của người, con chó sói rống lên qua cánh cửa.”

“Không con sói nào có thể vào đây,” bà nói để trấn an cháu. “Đây là ngôi nhà xây bằng gạch vững chắc, không phải xây trên cát, mà là trên nền đá cứng của Carso.”

Rồi bà nói thêm rằng móng nhà và rễ cây có nét tương đồng, vì chúng đều có thể đứng vững và không đầu hàng trước gió dữ. Để ngôi nhà đứng vững, bà phải đào móng thật sâu, sâu mãi xuống, giống như rễ cây cắm mãi xuống, năm này qua năm khác, trong cái tối tăm của lòng đất. Tuy vậy, ở Mỹ - bà nói tiếp - họ xây nhà hời hợt ngay trên mặt đất, giống như cắm lều, và đó là lý do tại sao chỉ cần một hơi thổi của con chó sói cũng đủ để thổi bay các thành phố ở đó.

Một mình trong ngôi nhà vắng lặng, cháu không còn dám tin chắc vào lời bà kể. Cháu có cảm giác là gió đang rít qua khe cửa sổ, thì thào mãi câu *Hết rồi, hết rồi*, giống hệt cháu còn nhỏ và cỗ máy rửa bát quay tròn cứ mãi thì thào, Mọi thứ đều vô nghĩa, mọi thứ đều tiêu tan.

Vào lúc nửa đêm, cánh cửa trước rên rỉ dưới những cơn gió bora; âm thanh đó thực sự giống như ai đó đang ở bên ngoài, hét lên: Gestapo!

Sáng ngày, thay vì tránh cơn gió, cháu bước ra để đối mặt với nó, cưỡng lại cơn gió mạnh giống như Don Quixote đánh nhau với cối xay gió. *Hãy giết ta, gột sạch cho ta, mang ta đi, đi thật xa*

khỏi đây, đưa ta khỏi cuộc đời này. Trong thâm tâm, cháu luôn thầm nhắc lại những lời đó.

Cháu ngủ ít, ăn còn ít hơn, không gặp gỡ ai, cũng chẳng hoạch định bất cứ điều gì; cháu thấy mình như một võ sĩ đứng trơ trọi trong sàn đấu. Cháu đã khởi động suốt nhiều năm, đã tập cú thọc sâu và đâm móc, đã nhảy dây để chuẩn bị tinh thần cho cuộc đọ sức cuối cùng, và rồi đối thủ của cháu đột nhiên bất ngờ rút lui. Tất nhiên cháu vẫn tiếp tục chiến đấu, nhưng kẻ địch duy nhất mà cháu đối mặt lúc này là cái bóng của chính mình.

Không còn ai để gây gổ, cuộc đời cháu giống như cái túi giấy mỏng dựng đồ bị phó mặc cho gió thổi; những khoảnh khắc cuộc đời cháu do những cơn gió thất thường quyết định, chứ không phải do chính ý chí của cháu.

Cháu chưa từng nghĩ về mai sau.

Hồi còn bé, cháu có vài ước mơ viễn vông về nghề nghiệp tương lai - một trưởng ga (chỉnh tề với chiếc mũ đỏ và tám bảng tín hiệu) hoặc một thuyền trưởng, một diễn viên nhào lộn của gánh xiếc hay một người huấn luyện chó - nhưng cũng chỉ thể thôi, chỉ là ước mơ, mà không hề có mối liên hệ thiết thực nào cả. Từ khi bước sang tuổi vị thành niên, cháu chỉ có một công việc duy nhất: công kích bà. Bây giờ, bà đã từ bỏ sàn đấu bằng một thể võ thiện xảo, còn cháu thì lang thang quanh nhà như một chú chó Pavlov, giựt dây xích và nhe nanh, nhưng hồi chuông thắng trận mà cháu mong ngóng thì không bao giờ vang lên cả.

Những ngày trong cuộc đời cháu còn có ý nghĩa gì, khi mà giờ đây cháu chỉ còn lại một mình trên thế gian? Hoặc là, ngay cả khi bà vẫn còn đó? Và, nói chung, ý nghĩa của cuộc đời con người là gì nhỉ? Tại sao người ta luôn phải lặp lại những hành động giống nhau? Bỏ qua thói quen, bỏ qua sự nhàm chán, bỏ qua sự bất lực để hình dung ra thứ gì đó khác biệt hoặc để tự

vấn chính mình? Hoặc có lẽ bỏ qua sự sợ hãi, vì sẽ dễ dàng hơn khi cứ đi theo một lối mòn có sẵn.

Đẩy chiếc xe dọc theo lối đi trong siêu thị, cháu ngắm nhìn những khuôn mặt xanh xao dưới ánh đèn tuýp và tự hỏi: Cuộc sống nào thì có ý nghĩa? Và cuộc sống có ý nghĩa gì? Tại sao chúng ta lại có hai chân để đi lại và hai tay để làm việc? Tại sao chúng ta lại làm thơ, vẽ tranh, sáng tác những bản giao hưởng?

Có ai mong muốn tới thế giới này đâu. Một ngày đẹp trời, không được báo trước, chúng ta thấy mình bị xô ra sân khấu; một số được trao vai chính, số khác chỉ là vai phụ, và dù vậy số khác đó bước ra khỏi cảnh trước khi màn diễn kết thúc hoặc muốn xuống khỏi sân khấu và thưởng thức màn diễn từ hàng ghế đầu - để cười, khóc, hoặc thấy buồn chán, tùy vào chương trình của ngày hôm đó.

Bất chấp khởi đầu gian nan là thế, nhưng một khi đã chào đời, không ai lại muốn rời bỏ nó. Vậy ý nghĩa của trách nhiệm cá nhân là gì? Cháu có là người được chọn lựa, hay bị chọn?

Cháu không chọn để tới thế giới này, nhưng cháu có thể chọn khi nào sẽ nói lời tạm biệt; cháu không tự nguyện đến đây, nhưng cháu có thể trở lại khi nào cháu muốn.

Nhưng đến từ đâu? Trở lại đâu? Có cái gọi là ở trên trời hay dưới đất không? Hay chỉ là hoàn toàn hư vô?

* * *

Sau sự ra đi của bà, mỗi khi nghĩ về ngôi nhà đó, cháu lại nghĩ tới hình ảnh chiếc vỏ sò. Hồi còn là một cô bé, chưa đầy sáu tuổi, bà mua cho cháu một chiếc vỏ sò của một ngư lão ở Grado. Cháu vẫn còn như nghe giọng bà khi bà đặt chiếc vỏ sò vào tai cháu và nói, “Cháu có nghe thấy không? Âm thanh của biển đấy.”

Cháu lắng nghe một hồi, và rồi đột nhiên gào lên thảm thiết khiến bà vừa cúi vừa hoảng. Bà cứ hỏi mãi, “Sao cháu lại khóc? Sao thế?”

Cháu không thể trả lời bà. Cháu không thể nói với bà rằng âm thanh trong vỏ sò đó không phải tiếng gầm của biển mà là tiếng rên rỉ của xác chết, rằng tiếng hú kì lạ mà cháu nghe được đó là giọng của họ. Cháu không thể nói rằng nó rớt vào tai chúng ta bằng tất cả cơn giận dữ âm thầm, và rằng từ đó, nó ngấm vào tim, dày xéo cho tới khi nó nổ tung. Ngày xưa, chiếc vỏ sò đó là nơi trú ngụ của một động vật chân bụng (giống như, suốt bao thập kỉ, ngôi nhà trên Kras Plateau là chiếc vỏ sò bảo vệ gia đình chúng ta) rồi một con cua hay con sao biển nào đó đã ăn nó, bỏ trở lại khung xương can-xi các-bon-nát. Nước, luôn lách vào mọi góc ngách của chiếc vỏ sò, đã mài dũa, đánh bóng cho tới khi nó sáng bóng như ngọc mầu, và giờ đây, nằm sâu trong lòng vỏ sò sáng bóng đó, là âm thanh vang vọng đến vô tận.

Những người sinh sống trong nhà chúng ta đã trải qua số phận tương tự thế: họ đều đã chết, và gió đã mài dũa mọi kí ức về họ. Còn lại một mình, cháu lang thang qua từng hốc xoáy, và đôi khi dường như cháu bị lạc trong cái mê cung đó. Nhưng có lúc cháu lại nhận ra rằng chỉ có ở trong đó, chỉ có bằng cách tìm kiếm, đào bới và lắng nghe, cháu mới có thể tìm được cách neo đậu chính mình.

Gió cũng là một giọng nói; nó mang theo tiếng thở dài của người chết, âm thanh của những bước chân, của những điều mà họ nén giữ ở trong lòng.

* * *

Khi ở đó một mình, trong căn nhà với những bức tường bị

bào mòn qua năm tháng, càng ngày càng có thể nhìn xuyên thấu, cháu bắt đầu nghĩ về người phụ nữ trẻ trong bức ảnh mịt mù khói thuốc. Cháu cố nhớ lại giọng nói, hơi ấm bàn tay của cô ấy, thứ gì đó có lẽ mà cháu và cô ấy đã làm cùng nhau trước khi cô ấy ra đi. Cháu muốn biết mọi thứ về cô ấy, nhưng lúc này chẳng còn ai để cháu hỏi được cả.

Cô ấy trông thế nào, cô ấy là ai, cô ấy thích gì, và - có lẽ là câu hỏi khẩn nài nhất - tại sao cô ấy lại mang cháu tới thế giới này?

Cháu bắt đầu gọi tên cô ấy khi lang thang trong các căn phòng trống vắng.

Cháu thấy xấu hổ khi thốt ra cái tên đó - một cảm giác cứ như là cháu đang phản bội bà vậy. Cho tới ngày hôm đó, lúc nào cháu cũng chỉ biết gọi “Bà ơi”, còn ngay lúc này đây, bỗng nhiên, cháu chỉ muốn gọi “Mẹ ơi”.

BẢNG PHẢ HỆ

BỐ MẸ TA LÀ AI? Điều gì ẩn sau khuôn mặt của các đấng sinh thành ra ta? Trong hàng tỉ con người, chỉ có hai; trong hàng trăm nghìn tinh trùng, chỉ có một. Trước khi trở thành con của bố mẹ, chúng ta là kết quả của hàng tỉ sự kết hợp và lựa chọn - cả được hình thành và không hình thành - nhưng không ai hiểu rõ về chúng. Sao là con tinh trùng này mà không phải con tinh trùng ở cạnh nó? Sao chỉ có nó mang các nét đặc trưng của một con người? Đứa trẻ chưa ra đời có thể trở thành Leonardo da Vinci, một người thợ sửa ống nước, hay một tên sát nhân man rợ.

Nếu đúng mọi thứ đều là do tiền định, như một thực đơn trong nhà hàng, nếu Leonardo phải trở thành Leonardo, chứ không phải bất kì ai khác, người thợ sửa ống nước phải trở thành người thợ ống nước và tên sát nhân chỉ có thể là tên sát nhân, thì sự tồn tại của chúng ta ngoài kia phỏng có ý nghĩa gì? Chúng ta có thực sự được cấu thành từ nhiều mảnh ghép, như các mảnh của trò ghép hình không? Vậy có con số nào trên mỗi mảnh ghép quyết định hướng đi của nó chẳng?

Có lẽ, đâu đó trên thiên đường, có người nào đó - như một bà nội trợ siêng năng - đang vội vã quyết định: Hôm nay, chúng ta cần 400 thợ ống nước, khoảng 80 tên giết người và 42 nhà khoa học.

Hoặc có lẽ đúng như nhiều người vẫn nói, thiên đường trống rỗng, và mọi thứ xảy ra như một chu kì vận động không ngừng; vật chất bắt đầu tích tụ hàng niên đại trước, và giờ nó không thể dừng lại; các dạng thức mà nó sản sinh ngày càng phức tạp hơn. Sự phức tạp ấy mở đường cho một hư cấu lớn, khiến

chúng ta tin có Ai đấy ở đâu đó trên trời.

Dù sao đi nữa, chúng ta là một phần của bố mẹ, một phần của ông bà, một phần của cụ kị, và cứ mãi như thế, cứ lùi xa hơn về quá khứ, cho đến khi phủ hệ được mở rộng - ông ngoại đam mê côn trùng, bà cố thích ca hát, kị ông có tài kinh doanh, một người ông họ nghiện rượu, hai người chú cứ chăm chăm tự hủy hoại mạng sống của mình, một bà bác bị ám ảnh bởi thể giới tâm linh - tất cả những điều này nằm rất gần bên trong ta, như thể trong một quả bom hẹn giờ có thể nổ tung bất cứ lúc nào.

Và như thế, một người đàn ông và một người đàn bà - trong hàng tỉ con người - đã gặp nhau tại một thời điểm trong đời, và sau một khoảng thời gian có thể du di từ vài phút đến vài thập kỉ, đã tái sinh lại chính bản thân họ trong một hình hài sống khác.

Theo các nghiên cứu tiên bộ nhất, nguồn gốc của việc kết đôi này có lẽ lại một lần nữa xuất phát từ mùi hương, giống hệt trường hợp của lũ chim di trú.

Ta đang nghe theo lệnh chiếc mũi, hay định mệnh?

Sự tiến bộ của nhân loại có là nhân tố chính? Hay là do sự yếu đuối cộng với khát vọng vô tận, không gì lí giải nổi của con người với tình yêu?

* * *

Hình ảnh duy nhất của bố khi còn trẻ - mà cháu có thể tìm được sau khi bà mất - nằm trong một bức ảnh tập thể. Bố đứng sau mẹ. Cả hai người, tay cầm lon bia, vẻ như đang ăn mừng một dịp nào đó. Mẹ nhìn bố đầy sùng bái như một chú chó đang ngắm chủ mình. Khói thuốc của mẹ hòa vào làn khói đang lơ lửng khắp phòng. Sau bức hình là dòng chữ được viết bằng bút

chì: Tháng Ba, 1970.

Bức ảnh này nằm lẫn trong tập ảnh gia đình trong một cái va li bằng giấy bồi phủ kín bởi hai tấm thảm, cháu thấy trên gác xép. Cháu cũng tìm thấy rất nhiều bức thư, một vài lá được buộc lại bằng các dải ruy băng nhiều màu sắc, số còn lại nằm lộn xộn trong các túi ni lông, lẫn với các tấm thiệp từ Salsomaggiore, từ Cortina d'Ampezzo, từ các trụ đất ở Nam Tyrol, và từ Porreta Terme, cùng với đó là các tấm vé tàu, vé vào viện bảo tàng, thiệp mời đám cưới, thiệp mời sinh nhật, điện chia buồn, và dưới đáy va li có bốn đến năm cuốn sổ...

Nhìn vào lớp bụi, có thể biết không ai chạm vào chiếc va li này đã nhiều năm; chắc lâu rồi bà không lên lại gác xép, cháu cũng chưa từng thấy nó bao giờ. Khát vọng trở về và khám phá quá khứ chỉ trở dậy khi cuộc đời ta thay đổi vì vài lí do bất ngờ và tồi tệ, như bị ốm hay bỗng dưng bị bỏ rơi chẳng hạn. Cháu đã lấy hết can đảm để mở toang chiếc va li. Trong đó là những câu chữ bị kìm nén, không được thốt ra thành lời, những việc chưa từng làm, và những người chưa từng gặp; tất cả những gì chiếc va li ấy cần là một cái chạm nhẹ để giải thoát các linh hồn.

Con ma đầu tiên cháu gặp không phải bố mà là mẹ. Cháu tình cờ tìm thấy nó - bị giấu dưới một quyển nhật kí, một tập thư và vài tấm ảnh nằm lộn xộn.

Cháu cẩn thận gom mọi thứ lại và trở xuống phòng khách, chứ không muốn ở lại gác xép, ở lại lãnh địa của họ; cháu thấy mình thật mong manh. Để giả vờ là mình không đơn độc, cháu mở ti vi và ngồi xuống ghế bành.

Các trang nhật kí được làm bằng giấy lụa Florentine in hình những bông hoa huệ tây nhỏ tin hin. Trên trang đầu tiên, ai đó có lẽ đã dùng một cây bút mực đỏ tòe ngòi để tô đậm cho dòng chữ: NỖI LOẠN. Dòng chữ được gạch chân ba lần, sau nó là những dấu chấm than đầy mơ hồ.

• Ngày 14 tháng 9 năm 1969

Lễ Thánh giá

Hôm nay là ngày tự do đầu tiên của mình! Bái biệt các cơn tức giận của Trieste; bái biệt sự kìm kẹp của gia đình.

Chẳng dễ gì khiến mẹ chấp nhận lựa chọn của mình. Mình có thể học các khóa học y như thế ở Trieste, vậy thì chịu tốn kém khi chuyển đến thành phố khác để làm gì chứ?

Mẹ chịu nhượng bộ nhanh hơn mình tưởng. Câu thần chú ở đây chính là: 'tự quản': 'Con muốn tự quản bản thân.' Mẹ hiểu ra và nói: 'Nếu đó là lí do thì mẹ đồng ý.' Đáng lẽ mình phải nói với mẹ là mình sẽ đi dù mẹ có nói gì đi nữa. Cuối cùng, mình sẽ không còn làm một cái bóng nữa, và mình có thể làm bất cứ thứ gì mình muốn trên đời này. Mình đã phí mất hai năm vì sự cổ hủ của mẹ rồi.

Khi tới đây hồi tháng Bảy, một thông báo trên bản tin của trường Đại học đã dẫn ngay mình tới căn hộ này. Nó đúng là một cái ổ chuột. Mình ở chung nhà với Tiziana, cô ta là dân Comelico và là sinh viên y khoa. Dù sao đi nữa, mình sẽ chẳng ở lì trong căn phòng này. Mình cảm thấy như một con chó, sau bao năm cố gắng, cuối cùng đã được tự do; mình sẽ thường xuyên rong chơi, hít khí trời, mình sẽ được mở rộng tầm mắt, mình quyết định sẽ trải nghiệm mọi thứ, để hiểu được mọi điều.

• Ngày 27 tháng 9

Nửa số đồ mình mua đã không cánh mà bay khỏi tủ lạnh. Đã hỏi T., cô ta chối. Thôi bỏ qua, tránh cãi vã.

• Ngày 02 tháng 10

M. gọi điện. Mình vẫn đang ngái ngủ khi điện thoại kêu. Mẹ bảo gió bora thổi cực mạnh - nó làm toác cả thân của một cái cây trong vườn. 'Tại sao con phải quan tâm tới chuyện ấy chứ?' mình nói rồi gác máy. Mình biết đây chỉ là một trong các cách kiểm soát của mẹ mà thôi.

• Ngày 13 tháng 10

Buổi học đầu tiên. Giảng đường chật ních người, mình đến muộn,

và phải đứng cả buổi, Giáo sư đã già và nổi tiếng là phát xít. Khi thầy giảng, không khí rất căng thẳng. Những cục giấy được vo tròn lại, bay từ góc này tới góc kia hội trường. Cuối cùng, lúc thầy giải thích về thời khóa biểu các buổi học lí thuyết, một nhóm sinh viên hứng chí, bắt đầu huýt sáo tỏ ý chê bai, một nhóm đông khác cũng hòa theo. Giáo sư bực tức bỏ đi, những tiếng cười nhạo báng đuổi theo sau lưng thầy.

- Ngày 30 tháng 10

M. gọi, lại vào sáng sớm như thường lệ - mẹ làm như thể sinh viên cũng giống như nông dân ấy. ‘Con được nghỉ dài cuối tuần, sao không về thăm nhà?’ mẹ nói. Mình thấy mình thật xuất sắc khi nói: ‘Con bận học mà mẹ.’ Nói xong, mình lật người sang bên kia và ngủ tiếp.

- Ngày 18 tháng 11

Mình vừa nhập môn lí luận ngôn ngữ. Người dạy là một trợ giảng. Mái tóc mới điểm vài sợi bạc khiến thầy trông quyen rũ hơn. Thầy là giáo sư duy nhất có râu quai nón. Ai ai cũng chăm chú nghe thầy giảng. Khi bọn mình rời giảng đường, mình nói với Carla, bạn học mới của mình: ‘Giáo sư Ancona đâu có xấu trai.’ C. cười đầy hàm ý, như muốn nói: ‘Cậu tưởng chỉ mình cậu thấy thế hay sao?’

- Ngày 02 tháng 12

C. cố dụ mình tới nhóm nâng cao ý thức cho phụ nữ. Ban đầu, mình thấy hơi ngỡ ngàng, vì mọi người chỉ toàn nói về cơ thể họ.

Theo những gì mọi người nói thì họ chỉ nhận thức được về bản thân sau khi chia sẻ hết cái cảm giác tội lỗi về việc sinh đẻ, và nhận thức mới này giúp họ nhận ra sự áp đặt khó tin khi bé gái chỉ được chơi búp bê và đồ hàng. ‘Đó là khởi đầu của kiếp sống nô lệ!’ một cô gái hét lên, và mọi người đều rất nhiệt tình hưởng ứng.

Đến lượt mình, mình không biết nói gì. Một hồi ức bỗng hiện lên rất nhanh, đoạn hồi ức khi mình ở với bố: Lúc ấy mình khoảng sáu hay bảy tuổi, ăn tối xong, thật cẩn thận, mình mang một tách cà phê tới phòng khách cho ông. ‘Con đúng là một bà nội trợ nhỏ bé

đảm đang', ông thốt lên và cười với mình.

Giờ, mình nói, rõ là tôi đã bị đóng dấu, cái gánh nặng và cái đích đến đó gắn vào trong tôi từ bấy tới giờ. Sẽ ra sao nếu tôi muốn trở thành một bác sĩ giải phẫu thần kinh hay một nhà du hành vũ trụ? Lời mình nói nhận được nhiều đồng tình. Những bà nội trợ nhỏ đảm đang và tất cả những kẻ phá nát giấc mơ hãy xuống địa ngục đi. Lúc rời cuộc thảo luận, mình cảm thấy ít nhiều đã trưởng thành thêm được một chút.

• Ngày 27 tháng 12

Để tránh biến các cuộc cãi vã thành chiến tranh toàn diện, mình phải về nhà vào Giáng sinh. Thường thì đêm Giáng sinh là lúc tụ tập của đám bạn góa, của các bà cô trầm cảm và cả của những họ hàng xa tít mù khơi chẳng có nơi nào khác để đi.

Đêm ấy, lúc nằm trên giường, mình nghĩ về Madonna, về cách bà trở thành biểu tượng của phụ nữ trong những ngày xa xưa ấy, kì lạ nhất là bà có một đứa con dù chưa từng làm tình; bà chỉ cần nhìn vào Linh hồn Thánh thiện trong mắt mình, thế là đủ, và trong suốt hai nghìn năm, bà luôn hiển hiện quanh đây với nét mặt ngây dại ấy.

Vì thế, sáng sớm trước khi rời đi, mình đã ban cho bà một ân huệ. Mình đã tới lấy cặp bức tượng nhỏ của bà đặt ở sườn nhà thờ Thánh Joseph, để lại đó mảnh giấy với dòng chữ 'mang đi sửa' và đưa Madonna ra ngoài, hưởng chút không khí trong lành.

Trước khi lên xe, mình đặt bức tượng dưới bức tường thấp, đằng sau trạm xe buýt. Mong là ai đó sẽ đưa bà đi vòng vòng một lát để bù đắp cho bà khoảng thời gian đã mất.

• Ngày 31 tháng 12

T. vẫn đang ở cái thung lũng đầy tuyết nhà cô ta, tối nay mình phải mở tiệc thật lớn mới được. Mình đi mua sắm sớm hơn thường lệ và tình cờ gặp giáo sư A. Tim mình đập loạn xạ khi thấy thầy. Mình rất muốn nói chuyện với thầy, nhưng thầy ngại làm sao. Mình nghĩ chắc thầy sẽ bất ngờ khi thấy mình - sao có thể hi vọng thầy nhớ được hết đám sinh viên cơ chứ.

Lúc mình tránh thầy, đẩy xe đi, mình có cảm giác như thầy đang nhìn mình. Thầy có đôi mắt đen láy, khi thầy nói, chúng như sáng bừng lên. Có lẽ vì thế mà mình thấy nóng bừng ở gáy.

Đọc đến hết năm 1969, cháu gấp quyển nhật kí lại.

Đông chần, ga trên giường cháu thật lạnh lẽo; dù có cuộn chặt vào người đến đâu đi nữa, cháu cũng không thấy ấm. Ánh trăng tháng Tư rọi qua kẽ nứt của cánh cửa chớp đã đóng kín, chia nền nhà và chiếc bàn ra làm đôi, rồi dừng chân trên tấm ảnh của Ilaria.

Không màng tới tất cả những gì cháu đã tưởng tượng, đã mơ, đã đoán về mẹ, điều đơn giản nhất cháu chưa từng nghĩ tới đó là: mẹ cũng chỉ là một cô gái.

* * *

Chín giờ sáng hôm sau, cháu đã ở trong phòng khách. Trước khi lật giở cuốn nhật kí, cháu để tập ảnh lên chiếc bàn trước mặt, xếp chúng thành cột theo kiểu chơi bài solitaire: Ảnh chân dung của mẹ, ảnh mẹ với đám bạn gái, ảnh do mẹ chụp, ảnh của những người thuộc giới tính bên kia. Nhưng xấp ảnh cuối cùng này lại vô cùng ít ỏi, đa phần là ảnh chụp tập thể.

Trong tập ảnh này, có một tấm được chụp trong quán nước. Đó hẳn là mùa đông vì trong ảnh, mẹ có quàng khăn và đội mũ len. Có một người đàn ông ngồi cạnh mẹ, tay che mặt; giữa các khe ngón tay thoáng thấy đôi mắt và bộ râu quai nón của ông ta. Đó có phải tiệc hóa trang không? Họ đang đi chơi sao? Bàn tay xò ra ấy nghĩa là gì? Là từ chối? Là ngăn cách? Có lẽ ông ta đã kết hôn và không muốn tự làm hại mình, cũng có thể ông ta không muốn để lại bằng chứng là mình có quan hệ tình cảm với sinh viên nữ.

Cháu so tâm ảnh này với tâm ảnh chụp đám người đang uống bia. Ngoài người đàn ông có bộ râu quai nón, còn có một người nữa đứng cạnh mẹ. Người này có vẻ nhỏ con hơn người đàn ông có bộ ria kia, và mặt ông ta đầy mụn.

Xa về phía góc phải, ngay trước hai cô gái - hình như là Carla và Tiziana thì phải? - là một người đàn ông có làn da nhợt nhạt với đôi mắt ốc nhồi màu xanh, cổ quấn chặt một cái khăn màu đỏ, đang khom mình như một cầu thủ bóng đá.

Mình là con gái của ông ta hay của người đàn ông mặt mụn? Thực ra, trong ảnh chỉ có duy nhất một người có râu quai nón, đó là người đứng ngay sau mẹ. Cháu so sánh bàn tay ông ta với bàn tay cháu, mắt ông ta với mắt cháu, và bắt đầu đọc tiếp nhật kí.

Cháu đọc kĩ từng trang, giống như một người lái xe đọc các biển cảnh báo - nguy hiểm có lở đất, nguy hiểm có đá rơi, nguy hiểm đường có vách đá dựng đứng - nhưng người tài xế ấy không hề dừng lại, vẫn tiếp tục lái xe với cái chân để hờ lên phanh, bàn tay sẵn sàng về số, cảm thấy vô cùng sợ hãi vì đây là con đường duy nhất trên thế giới mà người tài xế ấy muốn đi cho đến cùng.

- Ngày 6 tháng 1 năm 1970.

Dù không muốn, mình vẫn bị kéo đến bữa tiệc toàn người lạ, và ở đây, mình đã gặp giáo sư A.

Khi thấy thầy, mình giữ vẻ lạnh lùng, hay chí ít cũng cố giả vờ như vậy, nhưng hai má mình bỗng nhiên cứ đỏ ửng lên; vì thế mình đã quay vào tường và nói chuyện với một cô bạn mình đã thoáng thấy ở một cuộc họp nhóm về quyền phụ nữ. Nhưng lúc ấy, tất cả những gì trong đầu mình chỉ là mình sẽ tiếp cận thầy thế nào bây giờ.

Tuy nhiên, điều ấy chẳng còn cần thiết nữa vì thầy đang tiến lại chỗ mình. 'Hình như ta đã gặp nhau ở đâu rồi thì phải,' thầy nói, mắt thầy tìm mắt mình trong khi môi thầy vẫn đang nhăm nháp li

rượu vang đỏ.

Mình nghĩ mình đã chót cất giọng cao quá: ‘Vâng, ở siêu thị!’ (mình đúng là con ngốc mà), may mà sau đó mình còn nói thêm, ‘Em là sinh viên của thầy.’

Thầy đặt nhẹ tay thầy xuống tay mình, hỏi: ‘Em thích triết học không?’

‘Rất thích ạ.’

Khi tiệc tàn, chúng mình đã đi dạo dưới mái vòm, đi mãi cho đến khi tới kênh nước. Hai bên bờ, sương bắt đầu xuống, và trong cái tĩnh lặng của thành phố đang yên giấc này, cả hai thầy trò chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ bập bênh và tiếng thở của nhau. Lúc thầy và mình đi qua mái vòm trước nhà thờ, cánh tay thầy gần như đã ghi chặt vào sườn mình. Ở phía Đông, mặt trời bắt đầu ló rạng, dát ánh sáng lên mái và mặt tiền của các tòa nhà.

‘Nhìn kìa,’ thầy nói. ‘Triết học và mặt trời rất giống nhau. Cả hai đều cùng có nhiệm vụ là xua tan bóng tối - bóng tối tự nhiên và bóng tối của tâm tưởng - thứ đè nặng sự mê muội lên cuộc sống con người.’

Mình và thầy đã chúc nhau ngủ ngon ở lối vào chính tòa nhà mình ở. ‘Ta có còn gặp lại nhau nữa không?’ mình hỏi thầy. Thầy vẫn chào tạm biệt bằng một bàn tay mở ra đầy khó hiểu.

• Ngày 11 tháng 1

Không may là mình lại bắt đầu thấy lo lắng. Mình đã tìm tên thầy trong danh bạ điện thoại, nhưng chẳng thấy cái tên Massimo Ancona nào cả. Mình không thể gọi cho thầy và không biết thầy sống ở đâu. Tất cả những gì mình có thể làm chỉ là chờ đợi.

• Ngày 15 tháng 1

Mình đến giảng đường trước một tiếng để có thể ngồi ở hàng ghế đầu, nhưng thầy chẳng thèm nhìn mình lấy một lần, cho dù mình đang ngồi ngay trước mặt thầy. Có lẽ thầy không muốn bị phân tâm; không muốn để lộ ra trước lớp.

Mình đợi thầy trước cửa lớp, nhưng một gã đầu đỏ đã nhanh chân hơn. Thầy và hắn cùng đi xuống hành lang, vừa đi vừa nói chuyện như đã quen thân từ lâu. Có lẽ hắn là một trong những sinh viên năm cuối của thầy.

- Ngày 25 tháng 1

Lại thêm hai buổi lên lớp vô ích nữa. Mình nghĩ là mình sắp điên rồi. Mình đã liên tục đi siêu thị, mong chạm mặt thầy. Nhưng vô ích.

- Ngày 28 tháng 1

Lại là một bữa tiệc hóa trang khác, nhưng mình chẳng thấy vui chút nào. Đám phụ nữ trong nhóm ăn vận như những nụ phù thủy, còn mình thì hóa trang thành một bộ xương, đó cũng chính là cảm giác của mình khi không có thầy, không được thầy nhìn: cảm giác như thể mình đã chết.

Mình đến các bữa tiệc chỉ với một hi vọng là thấy thầy ở đó. Nhưng chẳng thấy thầy đâu, và mình cứ bị cuốn vào hết cuộc vui này tới cuộc vui khác. Ít nhất thì điều ấy cũng khiến thời gian trôi nhanh hơn...

- Ngày 30 tháng 1

Mình muốn ngắt lời thầy giảng và hét vào mặt thầy: Sao thầy không nhìn em nữa? Đêm qua mình mơ là mình đã hét lên như thế với thầy, và rồi sáng nay thức dậy, xương hàm mình bị cứng lại. Mình đã bộc lộ nỗi lòng với C. Cậu ấy nói rắc rối duy nhất của mình chính là sự sợ hãi; trực giác của cô ấy mách bảo là cảm giác của mình với thầy quá lớn, quá quan trọng, thế nên mình sợ phải tiến xa hơn.

Mình nghĩ là cậu ấy nói đúng.

Sao mình phải bỏ chạy khi giữa thầy và mình chưa hề xảy ra chuyện gì? C. khuyên mình nên chủ động. Thời đại đã thay đổi rồi. Cái thời phụ nữ phải cư xử như những pho tượng nhỏ xinh đẹp trước mọi người, rồi một mình than vãn đã qua rồi.

- Ngày 2 tháng 2

Cuối cùng mình cũng đã bỏ được mẫu giấy nhấn vào thùng thư của thầy ở phòng giáo viên. Sau khi đắn đo rất lâu, mình đã viết, ‘Ánh sáng trí tuệ xua đuổi bóng đen mê tín. Đêm nào em cũng rảnh, mong được cùng thầy ngắm bình minh.’ Và để đề phòng, mình đã ghi tên và địa chỉ của mình lên giấy.

- Ngày 6 tháng 2

Ngồi lẫn trong đám sinh viên ở giảng đường. Mình nghĩ thầy bắt đầu quay tìm mình. Mình đã cười với thầy, và hình như thầy cũng có cười với mình.

- Ngày 12 tháng 2

Ảo tưởng, ảo tưởng, đúng là ảo tưởng... Có lẽ mình nên bỏ cuộc, trở về Trieste và bắt đầu lại từ đầu... hoặc là chết chìm trong khói thuốc...

- Ngày 15 tháng 2

C. mang tới vài viên thuốc kích thích. Cậu ấy nói chúng mình nên phiêu một chuyến cùng nhau, một cuộc du hành tới miền đất kì thú, tới những thế giới chỉ hai đứa mình thấy. Mình nói với cậu ấy là lúc này, mình chỉ mong có một chuyến phiêu lưu duy nhất, đó là được ở trong vòng tay của thầy Massimo.

- Ngày 2 tháng 3

Điều ấy đã xảy ra! Đã xảy ra! Xảy ra rồi! Đó có phải là sức mạnh thần kì của mùa xuân không? Ai mà biết? Và ai thêm quan tâm cơ chứ? Quan trọng là điều ấy đã xảy ra.

Mình đã quá cô đơn, buồn bã, quá lo lắng! Lúc thầy bấm chuông, mình vẫn đang nằm ngủ trên giường. Mình ra mở cửa, trên người vẫn vận nguyên bộ đồ ngủ (bộ hình chú gấu Teddy; trông chẳng gợi cảm chút nào cả). Mình lắp bắp, ‘Xin lỗi, em không...’ Thầy chạm nhẹ đôi tay ấm áp của thầy vào má mình và nói: ‘Thế này em cũng vẫn xinh đẹp.’

- Ngày 15 tháng 4

Có lẽ mình được sinh ra chỉ là để được hưởng những ngày này. Có

thầy ở bên, mọi thứ đều thay đổi. Mình thấy thật phi thường; mình được giải thoát khỏi tất cả những nỗi sợ, những khao khát được vỗ về; không còn phải gò bó bản thân nữa. Massimo không sợ các rào cản - thực ra, thầy còn đi tìm và phá tan chúng.

Ở nhà hai ngày trong Lễ Phục Sinh: như là rơi xuống một hành tinh khác vậy.

M. nói, 'Cuối cùng, sắc mặt con cũng khá hơn rồi!' Làn da của mình - mẹ chỉ quan tâm mỗi thế. Về bên ngoài, cái mặt nạ.

Nếu mẹ là người khác thì giờ này mình sẽ kể mẹ nghe mọi chuyện của mình, nhưng nói gì với một con cá chết ở cả đời ở trong tủ lạnh bây giờ? Đôi khi mình nghĩ về bố mẹ. Quan sát hai người sống bên nhau trong cái nơi tù túng này suốt bao nhiêu năm, và thấy họ chẳng có gì nói với nhau, chẳng có tình cảm với nhau, mình tự hỏi cả hai đã sinh ra mình như thế nào? Mình có thật là con gái của họ không? Mình có yêu họ không?

Có lẽ bố mình bị bắt lực; có lẽ mình là con nuôi và mẹ không dám nói điều ấy với mình. Nhưng thế thì có gì khác đâu? Cuối cùng thì điều quan trọng là mình đang sống một cuộc đời tự do, không bị đè nén và không giả tạo.

Khi chào tạm biệt, lần đầu tiên trong đời mình thấy thương hại mẹ, người mẹ già khốn khổ, bị chôn chặt trong chính nỗi đau của mình.

- Ngày 1 tháng 5

Mình sẽ không tham gia cuộc diễu hành vì bị đau đầu. C. nói mình nên đi thử thai, không được chần chừ lâu, nếu không mình sẽ phải tới London, và mọi chuyện sẽ trở nên phức tạp. Mình thấy rất lạ, mông lung, không thốt được lời nào. Mình chưa từng nghĩ chuyện này có thể xảy ra.

- Ngày 3 tháng 5

Dương tính.

Cháu bật đứng dậy, những lá thư và tập ảnh rơi xuống sàn.

Khoác cái áo có mũ trùm đầu lên người, cháu bước ra ngoài đi dạo, men theo đỉnh núi Carso.

Bên dưới, nước biển lấp lánh như một chiếc gương và phía sau cháu, dãy Nanos vẫn phủ đầy tuyết.

Dương tính.

Đó không phải là cháu - năm sinh không khớp. Vậy thì điều gì đã xảy đến với người anh chị đó của cháu?

* * *

Hôm sau, tiết trời dịu mát hơn. Từ sáng sớm, muôn loài chim đã cùng nhau hòa ca vô cùng sôi nổi.

So với không khí âm áp bên ngoài, ngôi nhà trông như một chiếc hang lạnh giá và tối tăm. Quyển nhật kí vẫn nằm trên bàn, những lá thư và tập ảnh vẫn nằm vương vãi khắp sàn nhà, như đang tỏa ra một thứ ánh sáng màu vàng trong bóng tối bao phủ căn phòng.

Cháu lấy một cái ghế xếp trong nhà xe mang ra vườn, không xa cây mận lớn đang trở đầy hoa là mấy. Đám hoa mận tỏa hương thơm dịu nhẹ, hấp dẫn cả một lũ ong nghệ. Tiếng kêu vo vo điên cuồng của chúng cứ văng vẳng bên tai cháu.

Thứ cháu cần để có thể tiến lên phía trước là cuộc sống, là ánh sáng, là cảm giác rằng cháu là một phần của thế giới rộng lớn này.

• Ngày 12 tháng 5

Mình không dám lên lớp - không dám nhìn vào mắt thầy. Cảm giác của mình thay đổi từng giây, từng phút. Đôi khi mình nghĩ mình đang mang một bí mật nhỏ bé đáng yêu trong người. Mình muốn có một chuyến đi dạo thật lâu và lãng mạn cùng thầy, và sau đó, có lẽ khi đang cùng nhấm nháp chút rượu, mình sẽ thì thầm vào

tai thầy, ‘Anh biết không? Chúng mình sắp có con,’ và xem thầy sẽ phản ứng ra sao, chắc là sửng sốt rồi vui mừng rạng rỡ. Nhưng như vậy thì mau quá, tất cả những điều này như một gánh nặng bất chợt đổ lên đầu và bóp nghẹt mình.

Mình sợ ràng buộc, sợ nỗ lực và trách nhiệm. Mình sẽ nói gì với mẹ đây? Rằng mình đang mang thai với người đàn ông lớn hơn mình gần 20 tuổi sao? Mình có thể phóng tác nên một chuyến phiêu lưu lãng mạn ở Thổ Nhĩ Kỳ, mình đã thấy Massimo hút thuốc như một tay Thổ Nhĩ Kỳ chính gốc... Hoặc một ngày nào đó mình dẫn thầy về nhà và nói, ‘Mẹ à, đây là người con yêu, là cha của đứa bé con đang mong đợi.’ Và mình tự nhủ mối quan hệ của mình và thầy sẽ không bao giờ ảm đạm như của bố mẹ đâu.

Có lẽ thầy sẽ rất sốt sắng giới thiệu mình với nhà bên đấy. Nhưng có lẽ cũng chẳng ích gì khi cứ mãi tưởng tượng viễn vông thế này. Trước khi có thêm bất kì chuyện gì nữa, mình phải báo tin cho thầy; chúng mình sẽ quyết định những điều sắp tới cùng nhau. Lần nào gặp Carla, cậu ấy cũng hỏi, ‘Sao rồi?’ như thể muốn giục mình hãy nhanh lên.

- Ngày 20 tháng 5

Thầy không lên lớp đã hai tuần. Theo những gì mình thu thập được thì có vẻ thầy bị ốm. Mình đã mang thai được gần hai tháng. Tâm trạng phờ phạc nhạt dần, thay vào đó là sợ hãi, rồi tức giận. Thầy có ốm thật không? Hay là thầy đã đoán ra điều gì đó và muốn ngãng ra?

- Ngày 24 tháng 5

Carla triệu tập một cuộc họp đặc biệt về vấn đề của mình, nhân danh tình chị em. P. là người châm ngòi: ‘Trước khi đưa ra quyết định, chúng ta phải biết đứa bé là con trai hay con gái đã. Đừng để thế giới này xuất hiện thêm một kẻ thù nữa của ta.’ Vài người trong nhóm tán đồng, số khác lại phản đối.

B. phản hồi ngay: ‘Mình nghĩ nếu đứa bé là con trai, ta càng nên giữ nó lại. Nếu chúng ta không cải tạo cái giống đàn ông, thì ai sẽ

làm đây?’

Nhiều người tán thưởng ý kiến này hơn, và rồi mọi người bắt đầu hò hét: “Đúng, ta sẽ bắt họ chơi đồ hàng!

Bắt họ chăm sóc búp bê! Sẽ dạy họ là không cần thiết phải hung hăng! Sẽ bắt họ mặc đồ màu vàng và đỏ...’

Để chốt hạ, C. nói: ‘Sư tử cái có bao giờ hỏi sư tử đực:

‘Anh yêu, anh có muốn giữ lại đứa con này không?’ Không hề! Nó sẽ giữ lại đứa con, đơn giản thế thôi, và rồi cả đàn sư tử cái sẽ cùng nuôi con, đó là tình chị em thực sự. Phụ nữ và những đứa con: đây là điều luật chi phối thế giới - các điều còn lại chỉ là vô dụng mà thôi. Giống đàn ông chỉ hữu dụng trong một chốc, một lát - sau đó, ta chẳng cần đến họ nữa.’ Căn phòng nổ tung bởi những tiếng reo hò tán thưởng.

Tôi thú thật: ‘Các bạn! Tôi... Tôi không biết phải làm gì... Tôi không biết liệu mình có muốn giữ lại đứa bé hay không.’

Sự im lặng đến ghê người bao trùm cả căn phòng.

‘Dù gì thì cậu vẫn là người phải ra quyết định cuối cùng. Là chị em của cậu, chúng mình chỉ có trách nhiệm ở đây với cậu thôi. Nếu cậu muốn giữ đứa bé, chúng ta sẽ làm như sư tử cái, tức là sẽ cùng nhau nuôi nó. Còn nếu cậu muốn phá cái thai, chúng mình cũng sẽ lo việc này. L. và G. đã học qua một khóa rồi, và họ rất giỏi.’

Sau những lời này, cuộc họp chính thức kết thúc, mọi người cấp túi ra về.

• Ngày 5 tháng 6

Mình tới văn phòng khoa để hỏi thăm thông tin. ‘Phải năm tới Giáo sư Ancona mới bắt đầu dạy lại,’ người ta bảo mình vậy. Mình đã nhanh trí nói rằng mình là sinh viên năm cuối của thầy và thật sự cần nói chuyện với thầy. Hẳn mình đã đỏ mặt, thế nên cô thư kí mới nhìn có chút nghi ngờ thế kia. ‘Em không nhờ Giáo sư dạy thay tư vấn được à?’

‘Dạ, không...’ ‘Thế thì viết cho thầy ấy một bức thư, rồi để lại văn

phòng.'

Các trang nhật kí đằng sau đây rầy những dòng chữ bị gạch xóa. Đôi khi, qua nét chữ đậm từ cái bút có vẻ như bị tõe ngòi, vài nét mực hiện ra như những con cá thoát khỏi tấm lưới. Yêu. Trách nhiệm. Làm sao đây? Giữ t. viết nổi lên, ngay dưới đó, được viết lại ba lần bằng chữ in hoa với nhiều gạch chân bên dưới là chữ TUYỆT VỌNG, TUYỆT VỌNG, TUYỆT VỌNG.

Trước khi viết thư, mẹ hẳn đã viết nháp nhiều bản - vì dù sao thì ông ấy cũng là giáo sư triết học chuyên ngành lí luận ngôn ngữ. Lúc đọc những đoạn thư này, cháu có cảm giác mẹ rất sợ dùng sai từ; từng câu, từng chữ đều thể hiện sự bất an trong đó. Mẹ như người mất thăng bằng, bị đẩy phải đi trên gờ đá, với duy nhất một sự lựa chọn: sống hoặc chết.

Những khi mẹ tham gia các cuộc họp nhóm, khi mẹ lo lắng lao nhanh tới lớp, lúc mẹ hút thuốc hay (có lẽ) khi mẹ nằm khóc vùi trên giường, người anh hoặc chị đó của cháu vẫn đang lớn lên trong mẹ. Bằng sự thông minh và một chu kì điềm tĩnh, các tế bào tự sinh sôi, sắp xếp thành một gương mặt sau này. Đứa bé ấy đang dần lớn lên trong bụng mẹ, nhưng mẹ vẫn chưa quyết định được có giữ nó lại hay không; mẹ hoàn toàn có quyền quyết định số phận của nó. Khi đọc những dòng nhật kí ấy, cháu không thấy căm ghét hay khinh thường, mà tự nhiên chỉ muốn bảo vệ mẹ. Như thể mọi nỗi tuyệt vọng, đờn độc và sự khờ khạo đáng chế nhạo của mẹ đã chạy thẳng vào các tĩnh mạch của cháu, và kết lại thành niềm đau vô tận.

Lúc này, cái nắng giữa trưa nóng đến là khó chịu, khiến lũ ong đang bay vo ve quanh những đóa hoa kia cũng phải xây xẩm mặt mày. Ngay khi cháu định gấp quyển nhật kí lại, một con ong nghệ bỗng rơi vào giữa các trang giấy, chân sau của nó dính đầy phấn hoa.

Cháu nhẹ nhàng giúp nó trở lại với không trung.

Con ong đã để lại một vòng tròn màu vàng ở chỗ nó rơi

xuống. Cháu đọc các dòng bên dưới vệt màu ấy:

Đã quyết định.

Ba ngày nữa kể từ hôm nay, tại nhà của B.

Tiziana, sinh viên y khoa xuất sắc phải thốt lên, ‘Cậu điên à. Họ sẽ giết cậu mất.’

Mình trả lời, ‘Có lẽ như thế sẽ tốt hơn.’

Hai trang sau đã bị xé mất. Ở trang sau nữa, bằng bàn tay đầy lo lắng, mẹ đã viết :

Đêm hôm sau, bị giằng xé giữa sự giải thoát và hỗn loạn, mình đã mơ thấy mình ăn một miếng bột mì chưa nướng, và nó bắt đầu nở to trong bụng mình. Ai đi qua cũng hỏi, ‘Cậu có bầu à?’ ‘Không,’ mình trả lời, ‘Chỉ là men bánh trôi, nó vẫn đang nở,’ nhưng khi nói ra điều đó, mình không còn tin là mình đã làm đúng nữa.

Mình tỉnh giấc, thấy là lạ nên đã gọi cho B. ‘Cậu chắc là mọi chuyện ổn cả chứ?’ mình hỏi. B. lại một lần nữa cam đoan là quy trình hoàn toàn chính xác. ‘Hơn nữa,’ cậu ấy nói thêm, ‘chẳng phải mình đã cho cậu xem cái thai trong chậu rồi còn gì?’ Cậu ấy có vẻ hơi bực vì mình cứ nghi ngờ khả năng của cậu ấy, để làm chuyện này đi đi, mình đã nói đùa, ‘Nhưng giả sử cậu làm y như thầy mo người Philippine và cho mình xem hai cái gan gà thì sao?’ Cả hai cười vang, chẳng còn căng thẳng nữa.

Cháu thấy mình nên tách khỏi cuộc đời của mẹ vài ngày. Cháu không thể chịu nổi nỗi phiền muộn của những năm tháng đó thêm một chút nào nữa.

Để rũ sạch nỗi đau và bóng tối, để gột rửa bản thân, cháu đã đi bộ xa mãi qua cao nguyên. Lẩn trong các bụi cây, lũ chim két và chim chích hợp xướng các bản tình ca. Màu xanh dịu mát của những chồi non mới nhú như tô điểm thêm cho quang cảnh rực rỡ xung quanh. Một đám mây khổng lồ kết từ vô vàn các ong thợ bận rộn lượn trên những đồng cỏ cao tít điểm xuyên những bông bồ công anh, cúc dại và huệ tây.

Đôi khi cháu nằm sóng soài dưới một đáy hồ sâu ẩm ướt. Từ đó, cháu có thể ngắm nhìn các vòm lá và bụi cây quanh miệng hồ, ngắm nhìn lũ nhện lưng sáng đang leo lên, leo xuống cái màng tơ vô hình của mình, và ngắm lũ bọ cánh cứng, trông như những viên đá quý màu tím, đang thả vào không gian những tiếng kêu rả rích. Nhưng cũng có nhiều khi, cháu muốn trèo lên cao hơn, tới một nơi mà từ đó cháu có thể nhìn thấy chân trời tí tắp phía xa kia.

Khi đi qua các hõm đất và ụ đồi dọc biên giới Slovenia, cháu đã nghĩ tới người anh - hoặc chị của cháu - người đã bị tước quyền được sinh ra trên đời. Cháu tự hỏi, liệu cháu có được sinh ra nếu người anh hay chị ấy vẫn còn sống? Liệu có phải cái chết đấy đã giúp cháu được sinh ra trên đời này?

Ngoài ý chí, sự yếu đuối và các kế hoạch của ta ra, còn cái gì, hay còn ai có thể kiểm soát vòng luân hồi không? Sao cháu lại được sinh ra chứ không phải là một trong những anh chị em khác?

* * *

Những chuyến đi bộ ấy đã cho cháu sức mạnh để tiếp tục những khám phá của mình. Một buổi sáng, cháu bị đánh thức thức bởi tiếng mưa tí tách đập vào ô kính cửa sổ. Cơn bão Bora đã ùa về trong đêm, thời tiết dịu đi, và gió mạnh lùa khắp khu vườn trong nắng thu. Những bông hoa trắng nằm rải rác dưới gốc mận và gốc cây anh đào như nhắc cháu mùa xuân đã đến.

Sau một chút điểm tâm, cháu lại trèo lên gác mái. Một tấm rèm hoa cũ kỹ phủ lên đống hộp lớn, nhỏ. Vài cái là vỏ hộp rượu và sô-cô-la; còn lại là đăm hộp các tông được dán kín bằng băng keo. Cháu dùng dao nhíp mở từng hộp một, hóa ra chúng là các hộp đựng đồ trang trí Giáng sinh. Cháu phải tháo vài mét

ruy băng màu bạc mới thấy được mô hình Chúa Hài đồng bên máng cỏ. Chuồng ngựa không đẹp cũng chẳng quá cũ với hai bức vách gỗ và một cái thang dẫn lên vựa cỏ khô dưới mái nhà. Bên trong, một con bò và một con cừu nằm chống vó lên trời, còn Thánh Joseph và Mẹ Madonna thì đang ngồi bên cạnh chúng. Có một chiếc túi nhỏ đựng cái máng ăn, bầy cừu lớn và đám cừu con. Cháu đã tìm thấy bức tượng nhỏ yêu thích của mình. Một cô cừu cũ kĩ bằng thạch cao bị gãy mất một chân và cổ được quấn ruy băng đỏ. Nó là thứ cháu thường giấu vào Đêm Giáng sinh; nó chính là con cừu bé nhỏ cháu giấu để bà phải đi tìm, phải lục lọi khắp các căn phòng quanh nhà.

Cháu cũng tìm thấy vài món đồ thủy tinh rẻ tiền vẫn gắng sống được qua mấy chục mùa Noel và một món đồ trang trí trên ngọn cây đã bị thủng mất một lỗ.

Những cái hộp bên dưới đựng bộ sưu tập lữ bọ cánh cứng đa dạng của ông ngoại: chiếc lọ thủy tinh nhỏ được bọc vải nhung, trong là lữ bọ được cố định bằng những chiếc đinh ghim mảnh và dài, lọ nào cũng có nhãn ghi tên con bọ bằng chữ Latinh, được viết bằng nét bút rõ ràng và quả quyết.

Trong lúc chậm chậm xếp đồng lọ thủy tinh sang một bên, cháu chạm phải một túi nhựa, được dính lại bằng băng dính điện, có in phù hiệu của cảnh sát bang; hình như bên trong có một cái túi vải đeo vai. Tim cháu đập rộn lên. Nó có thể là gì chứ nếu không phải là cái túi mẹ mang theo lúc bị tai nạn?

Cháu dùng móng tay xé lớp vỏ ni lông bọc bên ngoài. Cái túi không có khóa kéo, chỉ có một cái nút, bở lủng không cài. Trong ấy có một cái ví với vài ngàn lia, một thẻ thành viên của câu lạc bộ phim ảnh chọn lọc, vài đồng đi-na, một vé xe lửa tuyến Trieste-Padua, và bọc trong chiếc phong bì sạch sẽ là bức ảnh chụp lấy ngay đã ngả màu hình cháu lúc nhỏ trên bãi biển, trong vòng tay một người đàn ông. Một người lạ mặt tóc tai bù xù, cổ đeo một cái vòng bằng vỏ sò, ông ta cười, còn cháu trông

rõ là khó chịu. Tay cháu cầm một chiếc xô nhỏ, có lẽ cháu vừa khóc xong hoặc là đang chực khóc. Từ cảnh nền của bức ảnh, cháu đoán bức hình này được chụp ở vịnh Sistiana.

Ngoài chiếc ví ra, trong túi còn một chiếc bút bi đã hết mực, một gói giấy cuộn thuốc lá, một cái máy uốn tóc nhỏ, chùm chìa khóa nhà, một chiếc khăn sợi tổng hợp, một thỏi son, vài viên kẹo cho người hút thuốc lá, và giấu trong một ngăn nhỏ là hai lá thư. Bức đầu tiên đề gửi cho mẹ cháu đến từ Padua, vài tháng trước lúc cháu được sinh vài tháng.

Chữ nhỏ và đều nhưng vẻ gai góc hiện qua từng nét bút.

Ilaria thân yêu,

Nhận được thư của em tôi vội hồi đáp ngay vì không muốn em lãng phí thì giờ chờ đợi vô ích, cũng không muốn khuyến khích những ảo tưởng sẽ chỉ làm em đau khổ.

Nếu giả tạo thêm chút nữa, nếu như cái sự thật trần trụi không quá thúc ép như thế - tôi sẽ nói dối em là tôi đã kết hôn, rằng tôi không định mạo hiểm cuộc hôn nhân của mình với cuộc tình kéo dài có một tháng.

Nhưng tôi muốn nói thật, và nói thật rõ với em là tôi không muốn có con. Tôi không muốn có con, có vợ, hay bất cứ thứ gì vướng bận, ảnh hưởng đến sự tự do của tôi.

Em vẫn còn quá trẻ, quá đa cảm nên vẫn mơ mộng về cuộc đời qua điệp khúc - một túp lều tranh, hai trái tim vàng. Em còn viết: 'Chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng một thế giới khác, ta sẽ nuôi dưỡng bọn trẻ thật sáng tạo và sống cuộc đời của một cặp đôi tự do.'

Nói tóm lại, em nghĩ chúng ta nên đóng vai những kẻ tiên phong, và em huyền hoặc rằng em sẽ thành công - chúng ta sẽ thành công - bằng cách giải phóng chính mình khỏi nỗi đau khổ tinh thần do các cuộc hôn nhân mang lại cho con người.

Nét ngây thơ chính là điều tôi yêu nhất ở em, yêu ngay từ lần đầu ta gặp nhau. Vì lí do ấy và vì khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng đẹp đẽ ta đã ở bên nhau, tôi thấy mình có nghĩa vụ nói cho em vài điều.

Em mới chỉ hiểu một phần của tôi, cũng như tôi mới tiếp xúc với một phần nhỏ của em, chúng ta cho nhau những điều tuyệt vời nhất của mình, tương tự như các bông hoa sẽ khoe những màu sắc rực rỡ nhất của nó để thu hút côn trùng đến thụ phấn, nhưng khi đã thụ phấn được rồi, cánh hoa rụng đi, chỉ còn để lại chút tàn dư của cái vẻ lộng lẫy xưa cũ ấy.

Chẳng có gì phải bất ngờ cả - đó là quy luật tự nhiên. Mọi cuộc kết đôi của muôn loài đều là kết quả của nhiều dạng cám dỗ. Như con ong không thể nói 'Anh yêu em' với bông hoa (hay ngược lại), mà chỉ có thể nói rằng, 'Ta cần nhau.' Chúng chẳng làm thế vì khoái cảm; chúng làm thế để đảm bảo sự sống của giống loài, để đảm bảo những bông hoa như chúng sẽ tồn tại cả trong tương lai. Cơ chế ấy cũng là điều bẩm sinh của loài người. Bất chấp tư tưởng phức tạp của ta, thể xác của ta vẫn muốn tái sản sinh ra chúng. Một đứa trẻ ra đời có thể là kết quả từ một vụ hãm hiếp, hay từ việc xuất tinh sớm. Trong cuộc đua của hai trăm năm mươi nghìn tinh trùng, chỉ duy nhất có một con chiến thắng - con giỏi nhất, con khỏe nhất, con may mắn nhất, hay con lừa lọc nhất - cũng chẳng có gì khác biệt. Điều quan trọng là cuộc sống luôn tái tạo và tiến triển không ngừng.

Nói thực là, tôi phải nhắc em rằng em đã sai rồi. Sao em không dùng các biện pháp tránh thai? Hay đây là điều em muốn, để tạo mối liên kết, ràng buộc với tôi?

Có lẽ, sâu trong bản năng tự nhiên của mình, em thực sự tin chắc về tương lai của một cặp vợ chồng. Không ít đàn ông đã nhún nhường và đầu hàng, vì họ là những kẻ yếu đuối, hoặc vốn sợ cái chết không gì thay đổi được. Còn ai ngoài con cháu họ mới có thể đảm bảo cho sự bất diệt của họ nữa đây?

Nhiều kẻ đầu hàng, nhưng tôi thì không. Mọi dao động trong tôi đều bị chặn đứng bởi ý nghĩ đứa trẻ đang lớn lên trong bụng em sẽ không chỉ là một kẻ xa lạ, mà còn là một kẻ bạo ngược, hút cạn năng lượng của chúng ta - các đấng sinh thành ra nó. Tôi sẽ chẳng bao giờ yêu nó. Em cũng sẽ như tôi, trừ việc em đang mang thai nó. Một buổi

sáng nào đó em thức dậy và nhận ra rằng: em vừa đưa một kẻ xâm lược về nhà.

Em cứ làm điều em muốn. Nếu muốn giữ nó, cứ việc, còn nếu muốn bỏ cái thai đi, tôi cũng không phản đối. Nhưng hãy nhớ là, một ngày nào đó, nếu em ôm một cái bọc đến đứng trước tôi, tôi sẽ chẳng mủi lòng hay phản bội lại niềm tin của mình đâu. Tôi rất biết ơn em về khoảng thời gian tuyệt vời ta đã ở bên nhau, về những âu yếm và ngây thơ luôn hiện hữu trong mắt em mỗi khi em nhìn tôi.

M.

Bố cháu cũng là bố người anh đã chết của cháu. Một kẻ đốn mạt.

Giờ thì cháu chẳng mấy hoài nghi về nội dung trong cái phong bì màu trắng kia nữa. Cháu từ từ mở thư, nhìn chăm chú vào đó và nhận ra nét chữ quen thuộc.

Từng câu chữ của thầy càng minh chứng rõ hơn điều em luôn biết. Trẻ con chỉ thuộc về mẹ của chúng; sau khi người cha thực hiện xong vai trò thụ tinh cần thiết, ta chẳng cần đến họ nữa.

Bạn bè, gia đình em ở Trieste có rất nhiều người. Em không thiếu sự hỗ trợ và đứa trẻ sẽ lớn lên mà không sống lối đạo đức giả. Nó sẽ không phải chịu đau khổ và lo lắng, vì tuổi thơ của nó sẽ song hành với lòng tốt vốn ở trong tim mỗi con người.

Đó là thử thách: sinh ra những sinh linh hoàn thiện hơn chúng ta. Nếu không tạo ra được cuộc cách mạng bằng vũ khí, thì ít nhất ta có thể làm cách mạng bằng cách nuôi dạy con cái theo cách mới.

G. nói đâu đó trên thiên đường đã viết em và thầy sẽ gặp nhau, và sự hợp nhất của chúng ta sẽ cho ra đời một sinh linh mới. Định mệnh của chúng ta và của con chúng ta là vẽ tiếp vào vòng tuần hoàn đã tồn tại bao đời rồi ấy - Em tin vào điều ấy, cho dù thầy không thừa nhận.

Chắc chắn đứa bé sẽ giống thầy; nó sẽ có đôi mắt, bàn tay, miệng cười của thầy, nhưng nếu nó có hỏi bất kì điều gì về thầy, em sẽ kể cho nó về chuyện tình một đêm tuyệt vời, khó có thực trên một bãi

biển xa xôi...

May mà em còn có G. trong đời. Anh ấy không phải là tình nhân mới của em mà là một người đặc biệt, rất quan trọng với em. Những mảnh vỡ tâm hồn tan nát của em đã được anh ấy nhặt nhạnh lại, kiên nhẫn tìm hiểu ý nghĩa của từng mảnh vỡ rồi trả lại đúng chỗ cũ cho em. G. có thể thấy những điều người khác không thấy. Anh ấy biết cách tháo gỡ những lo lắng rối như tơ vò của một người, và giúp họ tìm được đúng đường để đi tới bình an.

Em chưa từng kể với thầy là mấy năm trước em cũng đã từng có mang với thầy.

Lần đầu mang thai ấy, em đã nạo đi đứa con của chúng ta vì em sợ. Sợ trách nhiệm, sợ cam kết, sợ phải từ bỏ tuổi trẻ, sợ rằng em sẽ không thấy được sự mãnh liệt trong mắt thầy, sợ làm thầy thất vọng. Em đã nói dối thầy khi lần đầu ta ở bên nhau: Em đã không dùng thuốc tránh thai. Và có lẽ một trong các lí do khiến em nạo thai là vì em sợ thầy cười nhạo vì đã nói dối.

Em đã 30 rồi, và không còn là đứa con gái ngây thơ, một thời mê đắm vị giáo sư đẹp trai của mình, không còn nữa rồi thầy ạ. Em đã lớn và có thể đưa ra những lựa chọn có trách nhiệm, và em chọn làm mẹ. Em thất nghiệp, nhưng sẽ kiếm việc dạy thêm. Thầy sẽ không phải chứng kiến cảnh em bế đứa bé đến cầu xin thầy đâu.

Thầy có biết G. nói gì không? Anh ấy nói mỗi người chúng ta đều đang cầm một đầu của sợi dây dẫn ta tới vì sao của mình. Số phận của ta là học cách đi theo nó khi nó di chuyển quanh thiên đường. Đó là một ngôi sao-diều, nghiệp chướng của ta được viết trên cánh của nó, và nếu chúng ta thả dây ra, tất cả sẽ bay mất, mọi thứ sẽ rối tung giữa các ngôi sao.

Tin em đi, nếu thầy không tìm thấy ngôi sao của thầy, nếu thầy không đi theo nó, sớm hay muộn thì sợi dây của thầy cũng sẽ mắc và rối vào các sợi dây dẫn lên những ngôi sao khác, và sẽ chẳng thể nào gỡ nó ra được nữa đâu.

Khi đang đọc thư, có một lúc mắt cháu như mờ đi; những

con chữ nhảy múa loạn xạ còn hai bàn tay thì run lấy bầy.

Giấc mơ của mẹ không giống với bất kì hồi ức nào của cháu cả. Điều mẹ ảo tưởng là tự do đã khiến cho một đứa trẻ như cháu, chẳng có gì ngoài sự hoang mang và bối rối. Ngôi sao của mẹ là ngôi sao của sự hủy diệt; những nỗ lực quá hời hợt mẹ làm để cứu lấy bản thân mẹ đã đẩy cháu vào trạng thái rối loạn cùng cực và dai dẳng.

Cháu để lại hai lá thư vào trong ngăn nhỏ của chiếc túi đeo vai, trân trọng nâng niu chúng như những di chỉ khảo cổ được khám phá sau hàng thế kỉ bị chôn vùi. Yên nghỉ nhé, cháu nói với chúng, yên nghỉ nhé, những mũi tên đang nóng hừng hực kia, các người đừng đâm vào lòng ta thêm nữa, nó vốn đã yếu đuối lắm rồi.

Khi đang nói điều ấy, tay cháu chạm phải một mảnh giấy bị gấp lại, nằm dưới đáy túi. Mảnh giấy bị xé một cách cầu thả khỏi một quyển sổ ghi chép.

Tiêu đề cho thấy tờ giấy được viết vào tháng Năm, cùng năm mẹ qua đời. Dưới dòng chữ ghi ngày tháng ấy là một dòng chữ in hoa, nó viết THẦY BIẾN TÔI THÀNH KẺ NGỐC SUỐT CẢ CUỘC ĐỜI NÀY!

Đằng sau tờ giấy là một bức thư rất ngắn:

Tha thứ cho mẹ vì đã sinh ra con ở cõi đời này.

Mẹ mắc hết sai lầm này tới sai lầm khác. Mẹ mất cả đời chạy quanh và đào hang như một con chuột chũi, mù quáng trước mọi thứ.

Không có đường chân trời, và không có tương lai.

Mẹ được sinh ra để sống trong bế tắc, và giờ mẹ đã cùng đường rồi.

Hãy tha thứ cho mẹ nếu con có thể.

Nếu như con không thể tha thứ được, mẹ cũng hiểu.

Ôm và hôn con thật nhiều.

Mẹ đã tẩy mắt chữ kí - Ilaria - bằng hai vạch mực đen và đậm, và ngay bên dưới ấy, mẹ viết những chữ cái khá to với nét chữ có chút trẻ con, Mẹ.

* * *

Cháu muốn tìm hiểu thêm, nhưng tất cả chỉ có thể. Cháu chẳng có gì để dựa vào ngoài những kí ức của mình, vài kí ức ngắn ngủi, yếu ớt của giai đoạn đầu đời đã bị khép lại nhiều năm rồi. Cuộc sống của cháu - cuộc sống vốn cháu đã biết - đã thuộc về bà, về ngôi nhà của bà; mọi điều diễn ra trước khi cháu chuyển tới đây sống đã hoàn toàn bị xóa sạch. Như thể cháu được sinh ra khi đã bốn tuổi vậy.

Những khám phá về mẹ và những năm tháng cũ đã lột bỏ tấm mạng che ký ức của cháu, như thể người ta trở về nhà sau một thời gian dài đi xa, rũ bỏ tấm phủ bảo vệ những chiếc ghế sofa.

Điều đầu tiên hiện lên trong kí ức của cháu là một thứ mùi đặc biệt, mùi của xì gà và mùi thuốc lá Hasit đang cháy trong căn phòng thiếu không khí. Cháu hẳn là một con chim lang bạt, lần theo mùi hương để tìm về với tổ. Cái tổ, trong trường hợp này, là căn hộ của mẹ ở Trieste, nơi cháu bò đi giữa những người đàn ông và đàn bà, nằm, ngồi vạ vật trên sàn.

Cháu chỉ thấy có hai tấm ảnh về hồi đó trong va li. Trong bức ảnh đầu tiên, cháu nằm trong vòng tay của mẹ, mặt mũi lem luốc, phụng phịu, mình mặc một chiếc áo len màu đỏ, và mẹ - với mái tóc dài và hai cái bông mắt - đang nắm và giơ một cánh tay của cháu lên, vẫy vẫy, cố để cho cháu chào tạm biệt với ai đó. Bức ảnh thứ hai được chụp vào ngày sinh nhật lần thứ ba của cháu. Có rất nhiều người ngồi trên sàn nhà, cháu ngồi ở giữa họ, trước mặt là một khối méo mó, đen sì, được thấp sáng

bởi ba cây nến, đó chắc hẳn là một cái bánh sinh nhật. Cạnh cháu, một dải giấy vệ sinh được căng lên như một tấm biểu ngữ, ai đó đã viết dòng chữ ‘Chúc mừng Sinh nhật’ lên đó bằng một chiếc bút đã tòe ngòi.

Cháu chẳng nhớ gì về hai việc đó cả; thứ cháu còn nhớ trong những năm tháng đầu đời của mình là một bối cảnh ồn ào, một chuỗi âm thanh của những cuộc cãi vã, của lối sống phóng đảng đầy mơ hồ, hết lần này tới lần khác bị át đi bởi tiếng của một loại nhạc cụ kinh khủng (sau này cháu mới biết đó là tiếng đàn xita) đã làm cháu phải khóc thét lên.

Cháu đã rất sợ âm thanh ấy, rất sợ phải ở một mình sau khi mọi người ngủ gục hết trên sàn nhà, và cháu sợ lúc mặt trời đã lên cao, cháu lay mẹ dậy, nhưng thay vì mở mắt ra, mẹ lại trở mình và ngủ tiếp.

Cháu sợ đàn xita, và cháu sợ mẹ vì mẹ thường không phải là mẹ; mẹ là một người hay vớ lấy mọi thứ rồi đập nát, hoặc cứ đập đầu mình vào tường và đá cửa.

Có lẽ chính nỗi sợ ấy đã khiến cháu xóa nhòa gương mặt mẹ trong tâm trí. Cháu biết sự thật ấy có thể căng lên và vỡ thành nghìn mảnh bất cứ lúc nào, và không hiểu sao cháu thấy ánh sáng của tia lửa điện có gì đó liên quan tới cháu.

Ngoài sự yếu đuối và lo lắng triền miên trong những ngày ấy, cháu nhớ mình còn có một cảm giác nhỏ nhoi và rúng động hơn vì đó là thứ cảm giác xuất phát từ một đứa trẻ nhỏ: cái cảm giác thương hại. Đúng vậy, cảm giác thương hại nghẹn lại trong cổ khiến cháu phải khóc khi thấy mẹ nằm mệt lử trên sàn nhà. Và cháu tiến lại gần mẹ đầy sợ hãi nhưng cũng thật nhẹ nhàng, để có thể vươn tay và chạm vào gương mặt của mẹ.

LIỆU CHÁU CÓ THỂ TIẾP TỤC KHÔNG NHẬN CHA MÌNH giống như ông ấy đã làm với cháu? Câu hỏi này cứ vẳng mãi trong cháu, mà chưa tìm được câu trả lời.

Trong suốt tuổi thiếu niên, cháu đã ảo tưởng rất nhiều về ông. Cháu đã không còn tin câu chuyện của bà về một hoàng tử Thổ Nhĩ Kỳ từ khi lên 9 tuổi, nhưng cháu vẫn thường nghĩ về cha mình; ngày qua ngày, cháu chấp ghép một bức tranh về ông của riêng cháu. Để có bức tranh về cha, cháu đã dùng các mảnh ghép với các màu sắc đặc biệt nhất: rõ ràng việc ông ấy không hề tìm cách liên lạc với cháu hẳn là vì có điều gì đó cản trở, một rào cản nào đó kinh khủng tới mức có thể đe dọa mạng sống của ông ấy, hoặc có thể là của chính cháu.

Còn lý do nào khác khiến một người cha chấp nhận không chứng kiến con gái mình trưởng thành chứ? Những viễn cảnh ngày càng kì cục cứ nối đuôi nhau trong trí tưởng tượng của cháu; bắt đầu là những cơ quan tình báo quốc tế (chỉ một điệp viên quốc tế mới không dám mạo hiểm để lộ danh tính của mình), cho tới những phòng thí nghiệm khoa học tiên tiến nhất (cha cháu hẳn là một nhà sinh vật học, một nhà vật lý học, hoặc một nhà hóa học đang làm việc trong các dự án có ý nghĩa đặc biệt với tương lai nhân loại, và do vậy ông buộc phải sinh sống trong môi trường tối mật, tránh xa các cặp mắt dò xét, và phải phủ nhận tình yêu với con gái của mình).

Trẻ con thường muốn tự hào về cha mẹ mình; thật tiếc nếu các bậc cha mẹ không biết điều đó. Trong những trường hợp may mắn nhất, khi cha mẹ có ý nguyện về việc con mình phải thành người thế nào, thì mọi điều họ nói và làm đều phù hợp

với ý nguyện đó. Trong những trường hợp kém may mắn nhất, cha mẹ không biết gì ngoài chính bản thân mình, và họ sống cuộc đời họ mà không thèm quan tâm, bất chấp những ánh mắt của con cái như những tia laze liên tục xéo vào họ, lia đến từ xa, xuyên qua bức tường, bướng bỉnh, đói khát, dõi theo họ tới tận thiên đàng hay địa ngục, sẵn sàng mạo hiểm tất cả, để cố kiếm tìm cái điều chưa được thấy từ khi chúng mở ra để nhìn thế giới này: một cái nhìn đáp trả.

Mỗi đứa trẻ được sinh ra đều mưu cầu thắc mắc; nó muốn dõi mắt theo những gì nó yêu thích, để được dẫn lối tới đỉnh núi nơi nó có thể nhìn ngắm khung cảnh kì vĩ, ánh sáng đổi màu, tuyết rơi, hình ảnh phản chiếu lấp lánh trên băng, và con đại bàng bay liệng, oai nghiêm bảo vệ lũ con, giống như việc các bậc cha mẹ cần làm.

Nhưng thay vì thế, khung cảnh trải dài trước mắt nhiều đứa trẻ, hun hút tới tận chân trời, thường không có gì ngoài một đồng rác lộ thiên, ở đó, những thân xe, thân ghế gãy gập, xoong nồi, bồn rửa, tivi hỏng, và những túi ni-lông vứt bừa bãi trên mặt đất. Và dù vậy, ngay cả trong bối cảnh đó, một đứa trẻ vẫn cố tìm thấy thứ gì đó để yêu thích - một viên bi, chẳng hạn - và chỉ trong nháy mắt, khi nó cầm quả cầu thủy tinh nhỏ đó lên, thế giới không còn những bóng tối bao trùm, chỉ còn lại quả cầu lấp lánh trong tay nó.

Để khỏi tuyệt vọng, đứa trẻ bầu víu vào bất kì thứ gì - một dấu hiệu, một ý niệm mơ hồ - mà nó hi vọng có thể lớn lên và mở rộng tới khi trở thành một khung cảnh thực sự. Không một thám tử hay một nhà khoa học nào có thể sánh kịp với tài năng tìm tòi của một đứa trẻ đang gắng gượng tìm ra những lý do chính đáng để ngưỡng mộ những người đã đưa nó tới thế gian này.

Suốt nhiều năm, cháu đã gắn hình ảnh cha mình trong một quả bong bóng tưởng tượng luôn đi theo cháu. Quả bong bóng

đó lơ lửng trong không trung, và ông ở trong đó, xung quanh là những cánh hoa, nở một nụ cười hiền từ của Đức Phật: thiêng liêng, xa vời. Cháu tin rằng chẳng chóng thì chày, quả bong bóng đó sẽ vỡ và cuối cùng ông sẽ giáng trần để có thể giang rộng vòng tay ôm cháu vào lòng.

Quả bong bóng đó thực ra đã vỡ; tuy vậy, thay vì là một Đức Phật tối cao, điềm tĩnh, lại là Giáo sư Ancona bước ra, với bộ râu xồm xoàm, cùng điệu xì-gà và những lời nói, thoảng nghe thì lọt tai nhưng thực chất ngầm mang ý nghĩa sắc nhọn như những mũi dao nhỏ.

* * *

Trong những ngày tháng hoàn toàn cô độc đó, cháu đã đọc đi đọc lại lá thư duy nhất của ông viết cho mẹ. Ban đầu, cháu tưởng có thể cháu sẽ đồng tình phần nào đó với những gì ông viết - về tình yêu tri thức chẳng hạn, hoặc về quyết định xa lánh những mối ràng buộc cá nhân để ông có thể tự vấn bản thân thật nhiều: đây là một bộ óc vĩ đại, cháu tự nhủ, vì vậy tất nhiên ông có quyền từ chối bị ràng buộc, để tránh những mối quan tâm thường nhật. Nhưng cháu vẫn mang triệu chứng bong bóng; cháu muốn tìm ở ông thứ gì đó cũng có trong cháu nữa.

Vài ngày sau khi đọc lại lá thư đó, cháu có một ấn tượng hoàn toàn khác. Cứ như là có một phản ứng hóa học đã xảy ra giữa các dòng chữ, và những từ ngữ được cân đong, suy ngẫm, độc đoán giờ đang rỉ ra một thứ axit ăn mòn màu xanh nhạt có thể soi rọi bản chất đích thực của người đã viết ra chúng. Cháu nhìn thấy nét gia trưởng, nhạo báng, cay độc ở đó. Cháu đã mơ tưởng suốt bao năm về cuộc gặp gỡ đầu tiên với cha mình, về vòng tay âu yếm đầu tiên của ông, nhưng mấy trang thư đó đã

xóa tan tất cả những tình cảm yêu thương hay ngưỡng mộ trong trái tim cháu và chỉ còn lại sự căm phẫn. Cháu thấy thật bẽ bàng vì là phụ nữ, là con gái của mẹ cháu (và do vậy cũng là con gái ông ấy), sản phẩm của sự suy đồi hơn là của sự tiếp nối, đã được đưa tới thế gian này bởi một trò đùa của số phận.

Giờ thì cháu biết mình sẽ phỉ nhổ vào ông ta ngay khi gặp. Cháu sẽ đi tìm ông ta, nhưng không phải vì tình yêu hay tò mò, mà chỉ để xả bỏ cơn giận dữ đang ngày càng dâng trào trong tim, để cháu có thể đến thật gần mà hét vào tai ông ta tất cả những gì lẽ ra mẹ cháu đã nói nếu như bà có đủ can đảm.

* * *

Tìm ông ta cũng chẳng mấy khó khăn. Trên trang bìa của một cuốn sách về nhận thức luận được dịch từ tiếng Anh, cháu đã đọc được những từ này: “Lời bạt của Giáo sư Massimo Ancona”. Cháu đã gọi tới nhà xuất bản và hỏi xin địa chỉ. Họ nhã nhặn nói với cháu rằng - vì lý do bảo mật - họ không được phép tiết lộ địa chỉ của ông ta, nhưng cháu có thể viết thư và gửi tới ban chăm sóc khách hàng của nhà xuất bản và họ đảm bảo sẽ gửi tới tay ông ta.

Vì vậy cháu cầm bút giấy và viết thư tự giới thiệu mình là một sinh viên khoa triết học, trẻ trung, nhút nhát, rất ngưỡng mộ công trình nghiên cứu cực kỳ phức tạp hấp dẫn của ông ta và hỏi xin một cuộc gặp.

Thư trả lời không mấy chốc đã tới. Ông ta sống không xa Trieste lắm. Ông ta cảm ơn nhưng né tránh lời ca tụng của cháu, và nói thêm rằng chẳng phải mất công đặt một cuộc hẹn với ông làm gì, vì ông ở nhà mọi buổi chiều, trừ thứ Bảy hàng tuần. Tất cả những gì cháu phải làm là nhấn chuông cửa tầng dưới và xưng tên mình - Elena - vào bộ đàm ở cổng, ông ấy sẽ

mời cháu vào.

Cháu muốn chọn cho mình cái tên là Elena. Còn họ, cháu dùng của cụ ngoại. Cháu không muốn tạo ra mối nghi ngờ nào dù là rất nhỏ và để buổi hẹn gặp bị hủy.

* * *

Cháu cảm thấy thế nào khi ở trong chiếc xe buýt có cả nửa số ghế trống đưa cháu tới bãi biển, tới cuộc gặp gỡ với cha mình?

Cháu có lo sợ không? Có tức giận không? Tức giận, hẳn rồi, nhưng có lẽ hơn cả là sợ hãi. Cháu nhìn ngắm khung cảnh hoang tàn buồn tẻ cuốn qua bên ngoài cửa sổ xe. Ngay khi đi qua những chiếc cần trục trời lên từ xưởng đóng tàu ở Monfalcone, xe bắt đầu vượt qua cửa sông Isonzo. Thi thoảng, một cánh hạc bay la đà ngang qua bầu trời. Có lẽ cháu cảm thấy sợ hãi hơn cả vì - sau khi tốn quá nhiều tâm trí cho việc này và nghĩ ra quá nhiều kế sách công kích thật công phu - cháu lại không còn dám chắc mình có đủ can đảm để nhân nút đàm thoại, có đủ sức mạnh để bước lên bậc thang hay có đủ dũng khí để nhìn vào mắt ông ấy mà không để lộ cảm xúc của mình, giống như Ulysses trong hành trình trở về quê nhà Ithaca, ngay trước khi ra tay sát hại những kẻ xoắn xuýt bên vợ chàng.

Khi tới điểm dừng của mình, cháu là người duy nhất xuống xe buýt. Một cụ già đi xe đạp loạng choạng lao tới chỗ cháu từ một đoạn phố vắng vẻ.

Dù có tên là rừng thông Grado, vùng đất này chỉ có lèo tèo vài cây thông trơ trụi và bị cầm tù trong một dãy nhà tập thể xiêu vẹo với những cái tên rất nên thơ: Mỹ nhân ngư, Cá ngựa, Ngôi sao của biển, Nausicaa.

Trải qua những tháng mùa đông dài lê thê, những khu vườn nhỏ đã chất đống các loại chai lọ, giấy tờ, vỏ bia, và rác rưởi hỗn

tạp bị gió cuốn về đây.

Ở thời kỳ kinh tế bùng nổ, đây là một vị trí hào nhoáng để xây nhà nghỉ; còn giờ thì cả khu này trông như một chiến thuyền trôi dạt. Qua thời gian, độ mặn của nước biển đã mài miết ăn mòn lớp nhựa và gỗ, nhất là cửa lớn và khung cửa sổ. Nhiều cửa chớp đã xiên lệch đi; một số tấm màn cuốn đã gãy vụn. Một tấm biển cong queo, thủng lỗ chỗ, được đặt trước một ngôi nhà nhỏ đồ nát: “Biệt thự Luisella”. Từ cổng nhìn vào sân nhà, có thể thấy chiếc xe đạp một vành nằm đổ chổng chơ.

Cháu không thể hình dung làm sao mà Giáo sư Ancona lại trôi dạt về cái nơi tù hãm như thế này. Sau vài lần cố gắng vô nghĩa, cuối cùng cháu đã tìm được đúng địa chỉ: 18 via del Maestrale. Trước mặt cháu là một tòa nhà không kém phần hư ảo hơn các tòa nhà khác, chỉ một nét khác biệt duy nhất là ở phần cổng nhỏ có vài gian hàng mới dựng vào mùa hè (chắc để bán xuống hơi, banh da, kem chống nắng và ghế ngồi bãi biển, cùng xô, xẻng xúc cát); tuy vậy, lúc này, các gian hàng đều trống trơn, và cháu có thể nhìn xuyên qua lớp cửa an ninh ảm đạm và thấy lớp bụi phủ kín trên mấy cái giá trống rỗng, những trang báo nằm rải rác khắp sàn nhà.

Massimo Ancona. Đó là một trong số ít tên trên tấm bảng điện thoại. Cháu không thể lần chần thêm nữa; mỗi nghi ngại cứ tăng lên theo từng giây trôi qua, cùng một cảm giác bao trùm rằng, sẽ tốt hơn - cho cuộc sống của cháu cũng như của chính ông ấy - nếu cháu quay gót và lao trở lại bóng tối mà cháu vừa mới từ đó bước ra.

“Elena,” cháu nói vào bộ đàm.

“Tầng 5.”

Cháu đẩy cánh cửa kính mở ra; khi bước vào cửa, cháu nhìn thấy một chiếc áo phao màu trắng lẫn vàng da cam treo trên tường (để phòng những căn hộ này bị chìm chằng?) có in tên của tòa nhà: “Nữ thần”. Cháu lên thang máy; rồi một cánh cửa

mở ra, và cháu thấy mình đang đối diện với cha mình.

MỘT MÙI HƯƠNG XÔNG LÊN MŨI - mùi khói lạnh - và chập choạng tối. Đồ đạc màu trắng theo phong cách nhà nghỉ trên bãi biển, những cánh cửa long khói tủ đồ và tủ tường, những bề mặt gỗ dát mỏng phồng lên vì hơi ẩm. Sách rải rác khắp nơi, những trang giấy vương vãi, trên sàn nhà một chiếc máy đánh chữ cũ kỹ phủ đầy bụi bặm, một chiếc máy tính xách tay đang mở - nguồn sáng duy nhất trong căn phòng - báo giấy, tạp chí, một chai rượu whisky đứng cạnh một chiếc cốc cáu cạn và dơ dáy tới mức mờ đục, và một chiếc chăn nhớp nháp đặt trên chiếc giường trẻ em đã chuyển thành ghế sofa.

Và ngay giữa căn phòng, là ông ấy.

Vẫn khuôn mặt trong bức ảnh chụp in liền, chỉ có điều thật hơn; mái tóc đen, bộ râu muối tiêu, đôi mắt nhìn cháy bỏng. Nửa trên người ông ấy vẫn thon thả, nhưng có chút còng vì chiếc bụng phệ ép quá căng vào chiếc áo sơ mi tới mức cúc áo tưởng như sắp bật ra.

“Em là Elena, rất vui được gặp thầy,” cháu nói rồi ngồi xuống chiếc giường-ghế ọp ọp.

Sau màn trao đổi (mơ hồ) về các môn học, cháu nhường sân cho ông ấy. Điều đó dường như đúng là thứ ông ấy đang mong đợi. Cháu nhận ra rằng ông ta hẳn rất cô đơn, cái đầu luôn tràn ngập ý tưởng của ông liền chớp lấy cơ hội để thổ lộ cùng người nghe.

Nỗi tức giận trong cháu đã nhường chỗ cho sự tò mò. Cháu cố quan sát ông qua cái nhìn của mẹ: điều gì về ông ấy đã chinh phục được mẹ cháu? Những cảm xúc quyền năng nào từ ông ấy đã quyết định số phận của mẹ bi thảm đến thế?

“Hửn cô ngạc nhiên lắm,” ông nói, “vì tôi đã chọn sống ở nơi kinh khủng thế này. Có lẽ cô muốn tới thăm tôi ở Venice hơn, trong căn gác của người bán cá được cải tạo lại, với những món đồ cổ và những dấu tích xưa trên tường, nhưng điều đó thì thường quá. Trung thành với mô tuýp có sẵn quá - giáo sư triết học trong môi trường sống tự nhiên - và đó chính là điều tôi không muốn làm: bước vào một khuôn mẫu. Tôi muốn tới những nơi không ai khác có đủ can đảm để tới, và cô có biết vì sao không? Vì tôi không biết sợ. Thế thôi. Vì tôi không sống trong mối ràng buộc với bất kỳ cái gì hay bất kỳ ai. Sự ràng buộc khiến chúng ta trở nên mong manh. Ta phải xây dựng quanh mình một bức vách gồm nhiều thứ và sự thay thế giả tạo, để giữ kín nỗi sợ hãi, nhưng tất cả sự dồn nén này, thay vì giúp ta được thanh thản, lại tạo ra một mối lo sợ thậm chí còn lớn hơn, lo sợ sự mất mát. Càng có nhiều mối ràng buộc, ta càng sống trong thấp thỏm; vật thì bị mất hoặc vỡ, người thì chết hoặc từ bỏ ta, và bỗng dưng ta thấy mình hoàn toàn trở trọi. Trở trọi và tuyệt vọng. Tất nhiên, chúng ta luôn trở trọi, nhưng ta cố giả vờ không biết, không thấy, và tới khi ta nhận ra, thường thì đã quá muộn để tự cứu rỗi chính mình. Có lẽ cô thắc mắc rằng làm sao một người có thể tự cứu rỗi bản thân nếu không thể bầu víu vào bất kỳ thứ gì. Anh ta cứu rỗi mình không phải bằng hành động - hay bằng hành động hài hòa với sự trống rỗng. Sự trống trải luôn đi trước chúng ta; cảm giác trống trải sẽ lại tiếp cận sau khi nỗi đau khổ qua đi. Trong cái trống rỗng đó có một kiểu thông thái, sự thông thái của việc xuất hiện và biến mất, và do vậy chúng ta phải giao phó chính mình cho sự trống trải đó như cho một vú nuôi hào phóng...”

Thời gian trôi đi, và cháu không thể hòa mình vào dòng sông tuôn chảy của những câu nói của ông ấy. Vẫn còn một giờ nữa để kịp bắt chuyến xe buýt cuối cùng, nhưng cháu không biết làm sao để tiếp cận mục tiêu của chuyến viếng thăm này.

May mắn thay, sau một hồi ông ấy đứng dậy rót thêm rượu

whisky vào cốc, và mắt cháu chạm phải một tấm thảm Ba tư tuyệt đẹp, món đồ cổ duy nhất trong nhà.

Cháu chỉ vào nó và hỏi, “Tấm thảm ở đâu ra thế ạ?”

“Bố tôi là một nhà buôn thảm - nó là một trong số ít tấm tôi còn giữ.”

“Nó là món đồ gia truyền ạ?”

“Không, nó là kết sắt của tôi đây. Thứ tôi có thể bán đi nếu cần thiết...”

Thay vì trở lại ghé ngồi, ông ấy đến ngồi cạnh cháu trên chiếc giường làm ghế sô-pha, khiến những chiếc lò xo của nó kêu rít lên vì nặng. Im lặng hồi lâu; cách đó không xa, một con chó đang sủa điên cuồng. Rồi ông ấy cầm tay cháu lên và bắt đầu xem xét. “Theo người xưa, bàn tay luôn bộc lộ mọi phẩm chất về tâm hồn của một con người... Ở đây tôi thấy một trí tuệ và óc tư duy thanh cao... Tay của cô rất giống tay tôi.” Bàn tay cháu run run.

“Vì cháu là con gái bác,” cháu nói, bằng một giọng bình thản tới mức làm chính cháu cũng ngạc nhiên.

Vị giáo sư giãy ra xa cháu. “Gì thế này, một trò đùa à?” ông ấy hỏi, với âm điệu nửa lo lắng nửa đùa giỡn. “Padua, mười bảy tuổi. Một sinh viên của bác...” Ông ấy đứng bật dậy để nhìn cháu rõ hơn.

“Cháu nói thật mà.”

Một tia sáng khô khốc ánh lên trong cặp mắt ông ấy, khiến chúng mờ đục hẳn đi, chẳng còn vẻ long lanh rực sáng. “Nếu cháu đến đây để buộc tội, để ta cho cháu biết ngay bây giờ là cháu đến nhầm chỗ rồi.”

“Không hề.”

“Vậy cháu muốn gì? Một chút bù đắp à? Nếu đó là lý do, ta chỉ có thể cho cháu cái thảm.”

“Cháu không cần tiền, và cháu không cần chiếc thảm.”

“Vậy tại sao, cứ cho cháu thực sự là con gái ta, cháu lại cất công đến tận đây?”

“Đơn giản vì hiếu kỳ thôi. Cháu muốn được biết về bác.”

Xe buýt sắp đến rồi. Khi cháu đang mặc áo khoác, ông ấy bảo, “Hãy đến khi nào cháu muốn. Ta luôn ở nhà vào buổi chiều.”

Sau lần đó, cháu tới thăm ông ấy mỗi tuần một lần trong vòng ba tháng. Cháu và ông ấy thường dạo bộ trên bãi biển. Mùa tắm biển còn khá xa, và vào những ngày nắng, đám lùm tảo nặng mùi ở những vùng nước nông dọc bờ biển đã thu hút những đàn hải âu bay đến tìm mồi.

Mực nước thay đổi trông thấy theo thủy triều. Đôi khi, những ngư lão nghỉ hưu phải lội ra xa tí để tìm trai, sò.

Cháu và ông ấy thường gặp một số người chạy bộ, những gã bụng phệ, nhễ nhại mồ hôi ngay cả vào giữa mùa đông, còn những ngày ẩm áp thì đôi khi gặp những cặp tình nhân ngồi trên các thân cây ngã xuống vì bão biển. Những lần như thế, cha cháu lại chỉ vào một cặp đang ôm chặt lấy nhau và nói, “Cháu có biết vì sao các cặp tình nhân thường thích ngắm biển không? Đó là vì họ tin rằng tình yêu của họ vô bờ bến, giống như đường chân trời. Tóm lại, họ nhìn vào một đường kẻ hư ảo và thêm thắt vào đó một thứ tình cảm hảo huyền.”

Ông ấy không bỏ lỡ cơ hội giải thích cho cháu nghe về cái mã ngoài của thế giới hữu hình. Thế giới vật chất tri giác Maya - một ảo tưởng lớn về vũ trụ, theo triết học Ấn độ Giáo - đã cầm tù chúng ta trong mạng lưới ma thuật của nó, mà chỉ rất ít người có thể tìm lối thoát ra khỏi nó bằng cách dám mở mắt nhìn nhận. Tất cả những người khác đều buộc phải bước theo những cái bóng.

“Tình yêu không thể chỉ là một cái bóng,” cháu trả lời.

“Nó là cái bóng của sự đam mê. Nghe này, ngay bây giờ ta rất vui được tản bộ cùng cháu trên bãi biển này, ta thích trò chuyện với cháu về rất nhiều điều, nhưng đây có phải là tình

yêu không? Không, nó chỉ là sự thỏa mãn một phần kiến thức. Ở cháu, người tự xưng là con gái của ta, ta yêu sự phản chiếu trí tuệ của ta; ta yêu những gì ta nhận ra là của chính ta ở cháu. Nhưng nếu, giả sử, cháu bộc lộ một đặc điểm gien khác - có lẽ là đặc điểm giống bà dì ngốc nghếch nào đó bên họ ngoại nhà cháu hoặc nhà ta - nếu hóa ra cháu lại là một cô gái ngờ nghệch sống vì những show truyền hình vợ vắn, ta sẽ tống cháu ra khỏi cửa ngay. Ta không hứng thú lắm với quyền sở hữu - ta quan tâm tới sự thừa nhận hơn. Ta thích ý tưởng dò tìm một dấu hiệu, một manh mối, được truyền một cách thần bí từ đời này sang đời khác. Hãy thử tưởng tượng cuộc sống của cháu sẽ như thế nào nếu ngay từ đầu cháu biết mình là con gái của Giáo sư Ancona. Cháu sẽ nghiêm nhiên sống theo những khuôn mẫu hành xử tiền định; chẳng hạn, cháu có thể cảm thấy buộc phải học giỏi nhất lớp. Hoặc ngược lại, cố hết sức để trở thành một kẻ đua đòi đáng ghét chỉ để làm ta tức phát điên. Nhưng nếu để tự do, cháu sẽ trưởng thành rất đổi tự nhiên, và được trở thành chính con người cháu, không phải là một cái cây trồng trong nhà kính mà là một cái cây đứng oai nghiêm một mình giữa chốn hoang vu, và tất cả là nhờ ta, vì ta đã trốn tránh cháu, ta đã rút lui. Đừng nghĩ đó không phải là một sự hi sinh từ phía ta. Ta đã phải từ bỏ vô số những khoảnh khắc vui sướng chỉ người cha mới có, nhưng ta không muốn kìm kẹp đôi cánh của cháu. Cháu có hiểu không? Ta thích để cho nguồn gien thừa kế của cháu biểu lộ một cách tự nhiên, vì cuối cùng thì đó cũng là bản chất cốt lõi của chúng ta. Suốt nhiều thiên niên kỷ, ADN của chúng ta đã tự nó xoay vần. Cháu sống, tồn tại và rồi chết; mọi thứ đều được ghi rõ trong đó, trong chuỗi vật chất nhỏ xíu đó.”

Trời hôm đó rất nóng. Cháu và ông ấy ngồi trên một chiếc thuyền có gấn mái chèo đã được kéo lên bãi cát và cởi bỏ áo khoác. Cha cháu đốt một điếu xì gà, còn cháu thì hướng mắt về phía một con chim cốc nằm chết cách đó không xa, đang bị lũ ruồi nặng bu kín.

Cha không hề hỏi cháu điều gì về mẹ, mẹ là ai, hay điều gì đã xảy đến với bà. Điều này dường như hơi kỳ quặc với cháu.

“Mẹ cháu mất rồi,” cháu nói, mà không nhìn vào mặt ông.

“À, thế à?”

“Mẹ mất lâu lắm rồi. Lúc cháu lên bốn tuổi.”

“Cả điều này cũng là một kiểu may mắn. Bà ấy ra đi như thế nào?”

“Trong một tai nạn xe hơi. Cháu nghĩ mọi chuyện đã trở nên quá sức với bà...”

Làn khói từ điều xì gà của cha bay lên thành những vòng tròn đồng tâm và trôi về phía mặt ông. Cha hát ra một tiếng thở dài thật nặng nề. “Cái gien ngậy thơ này thường mang lại một sai lầm nào đó.”

“Sai lầm gì ạ?”

“Một xu hướng tự hủy hoại bản thân.”

* * *

Một hôm, sau khi đi dạo, cha đưa cháu đi ăn trưa trong một thị trấn cổ. Có lẽ ông là khách hàng thường xuyên ở đó, vì người phục vụ luống tuổi dẫn cha và cháu vào bàn gọi ông là “Thưa Giáo sư”.

Khi cha và cháu ngồi xuống bàn, ông thì thầm “Họ sẽ nghĩ cháu là người mới nhất ta chinh phục được.”

Cháu muốn nói, “Bác bắt đầu quan tâm tới chuyện người khác nghĩ gì từ bao giờ thế?” Nhưng rồi cháu im lặng.

Trên bức tường phía sau lưng cha, một gã say với chiếc mũ lưỡi trai đội lệch và dòng lệ chảy dài trên má trong bức vẽ sơn dầu nhìn chăm chăm vào cháu. Có một chai rượu đã cạn trên

cái bàn của ông ta. Trong bức tranh bên cạnh, một mặt trời màu cam to lớn chiếu những tia nắng xuống hai con ngựa đang đứng đối đầu vào nhau, không rõ là vì thù địch hay vì tình yêu.

“Cháu nên gọi bánh ngô chiên nước xốt,” cha gợi ý.

“Không, cháu thích mực chiên hơn.”

Trong lúc chờ đợi, họ mang ra vài món nguội để khai vị và một chai vang trắng. Đó là lần đầu tiên cháu thấy cha ăn. Cháu cứ ngỡ ông sẽ đối xử với thức ăn, giống như với mọi thứ khác, bằng sự hờ hững tột cùng; tuy vậy, cháu vô cùng ngạc nhiên khi ông ăn mọi thứ một cách ngẫu nhiên, cứ như đã nhịn ăn khá lâu.

Tới lúc đó, cha vẫn chưa hề bảo cháu kể cho ông nghe bất kỳ điều gì về cháu và cuộc đời cháu. Nhìn ông cúi rạp xuống chiếc đĩa, cháu cảm nhận được là sẽ chẳng có gì khác nếu cháu có là một manơcanh hay một tấm bìa được cắt ra. Nhưng cháu muốn biết chút ít về ông, và vì vậy, trong lúc chờ đợi món ăn được mang ra, cháu hỏi cha về gia đình ông.

* * *

Mẹ ông là người ở đảo Rhodes, và cha ông, Bruno Ancona, là một người buôn thảm - đây là công việc kinh doanh được thừa kế lại từ bố vợ. Họ sống ở Venice, nơi cha cháu được sinh ra vào năm 1932.

Ngay trước khi Bộ Luật Chủng tộc được ban hành năm 1938, Bruno Ancona và gia đình, cùng với một hòm đầy thảm, đã lên tàu sang Brazil. Vợ ông Bruno, tức mẹ của ông Massimo, đã phản đối quyết định này kịch liệt; các cuộc gặp gỡ ở câu lạc bộ chơi bài canasta vẫn diễn ra thường xuyên, tất cả các quý bà vẫn đang chơi, và không có lý do gì để phải lo lắng.

Họ là người Italy mà, giống như mọi người chung quanh đó thôi.

Trong suốt chuyến đi, Bruno phải chịu đựng những lời phàn nàn của vợ. “Anh tưởng tượng quá nhiều đấy,” vợ ông lái nhái. “Trí tưởng tượng của anh đã hủy hoại tất cả chúng ta.”

Sự dày vò của bà vẫn tiếp diễn tận tới khi họ đến São Paulo. Mọi thứ đều quá sức chịu đựng với bà; thành phố này quá ẩm thấp, quá nóng nực, quá bẩn thỉu, quá nghèo nàn, quá nhiều người da đen, và tệ hơn nữa, không có ai để cùng chơi bài canasta. Gắng gượng thêm được hai năm, cuối cùng bà bệnh và mất.

“Chúng quy lại là một người đàn bà ngu muội” cha cháu nhận xét. “Rất đẹp, nhưng ngu ngốc.”

Ông Bruno, trái lại, không hề ngu ngốc; một năm sau khi góa vợ, ông tái hôn. Người vợ mới của ông là một mỹ nhân Brazil có nước da sậm màu, người đã sinh ra cho ông một đàn con da màu.

Sau chiến tranh, ông Massimo xin cha cho tài sản thừa kế và trở về châu Âu. Từ đó hai người không bao giờ gặp lại hay liên lạc gì nữa; người này thậm chí còn không biết người kia còn sống hay đã chết.

Khi trở lại Trieste tối hôm đó, mùi đồ ăn chiên vẫn còn ám vào cháu suốt chặng đường về nhà. Cháu mệt mỏi và tất cả những gì cháu muốn là một giấc ngủ, nhưng cháu phải tắm trước đã. Cháu sợ cái mùi buồn thảm đó sẽ ngấm vào cháu và trà trộn với nỗi buồn của cháu.

TUẦN TIẾP THEO, cháu không đến thăm cha nữa.

Những lời nói của ông ngấm vào suy nghĩ của cháu giống như bụi bám lấy đồ đạc, luồn lách vào những kẽ nứt và những khoảng trống khiến mọi thứ mờ mịt; đó không phải là thứ bụi gây thương vô tội do sự bỏ mặc, thứ bụi mà bạn có thể phủ đi ngay bằng một mảnh vải hay thổi phù một hơi, mà là thứ bột mịn, bốc hơi độc, có thể giấu giếm trong phân tử của nó thứ nguy hiểm như chì và thạch tín, những chất mà, chỉ cần hấp thu một liều nhỏ, ban đầu không gây ra triệu chứng gì, nhưng sau đó, qua thời gian, sẽ dẫn tới ngộ độc và tử vong.

Nhiều lần, khi cha nói chuyện, cháu nhận thấy mình đồng tình với những gì ông ấy nói: rất cuộc, cháu lại cùng chia sẻ sự khinh miệt của ông về diện mạo và về những tình cảm hư cấu. Nét trì độn thoáng thấy ở khuôn mặt của nhiều người vừa làm cháu bực bội lẫn khiếp sợ. Phía sau những ánh mắt mờ nhạt đó là cuộc đời như thế nào? Cái gì có thể thay thế cho sự trì độn đó? Nhờ tính điềm đạm của ông (cũng là của chính cháu), cha đã bước theo một nhịp trống khác, nhưng cuộc đời ông có thực sự tự do?

Hình ảnh ẩn dụ mà cha muốn hướng tới, là cái cây cô độc giữa chốn hoang vu, vươn những tán rộng oai nghiêm lên trời cao. Nhưng chẳng phải cuộc đời ông lại giống một trong những cây tiêu huyền cao lớn xếp hàng trên các đại lộ, ngó lơ những con chó tè bậy, hay các loại giấy rác chất đống lên gốc cây, lãnh đạm trước những chữ viết vô cùng tục tĩu được khắc vào lớp vỏ cây ư?

Một cái cây mà rễ của nó ngọt ngọt bởi nhựa đường, một cái

cây với màu lá xám xịt và thân cây đen kịt như bồ hóng, một cái cây kiệt sức trước những chấn động của xe cộ chạy qua, mà tuy vậy, bất chấp mọi điều, vẫn hiên ngang vươn lên, vì giống như mọi cái cây khác nó khao khát một và chỉ một điều: đó là uống ánh sáng. Và để được như thế, nó phải tiếp tục vươn lên cao và cao nữa, cho tới khi vượt qua bóng của các tòa nhà xung quanh. Cứ đông sang, Sở Quản lý Công viên và Giải trí Đô thị lại xóa bỏ chiến thắng nhọc nhằn này, bằng cách chặt bỏ, xén bớt những cành cây oai vệ cho đến khi chỉ còn những thân cây trơ trụi. Bất chấp bị làm cho què quặt, xuân tới, những chồi non lại nhú ra từ những cánh tay bị cắt cụt và rồi, những chiếc lá đầu tiên ra đời.

Thật đau lòng khi phải chứng kiến một cái cây khuất phục trước những cảnh huống đó, nhất là nếu bạn biết nó có thể phủ rộng bao nhiêu trong một không gian trống trải. Cái cảnh hốc hác mỗi mùa đông kia chính là kết quả của nỗi đau đớn chết chóc tột cùng dai dẳng qua nhiều thập kỉ, bài ca của chú cá voi chết mòn bởi cây lao móc đâm xuyên và chìm dần xuống đáy biển.

Khi ở bên cha, sự rối ren và táo bạo trong cách lý luận của ông làm cháu kinh ngạc và khiến đầu óc cháu quay cuồng.

Nhưng ngay khi không còn sự hiện diện của ông, cháu suy nghĩ về những lời ông nói, và sự choáng váng đó lại biến thành khó chịu, rồi hình ảnh cái cây tiêu huyền kia cứ lập lờ trong tâm trí cháu. Cha đã tìm ra chân lý bằng chính sức mạnh đã thôi thúc cái cây đó khao khát vươn lên phía ánh dương, nhưng đồng thời ông lại cự tuyệt cuộc sống, và cuối cùng tất cả những gì ông có thể làm là bó buộc trong chính bản thân mình.

Chuyện gì đã đến, nếu ông chấp nhận chia sẻ trách nhiệm về cái thai trong bụng mẹ thay vì phủi tay trước mối quan hệ đó, nếu ông cưới mẹ, nếu ông giữ được tình cảm với cha mình và những thành viên khác trong gia đình, và nếu ông vẫn làm

công việc giảng dạy ở trường đại học và dành trọn cuộc đời mình cho việc dạy dỗ?

Đó là một câu hỏi lớn mà cháu luôn tự vấn mình suốt những tháng qua. Cháu cứ day dứt về nó, vì ông ta nhưng cũng vì chính cháu.

Khi hướng suy nghĩ chuyển sang mẹ, nổi bực tức trong cháu trở thành cơn thịnh nộ. Nếu mẹ chân thật, ngây thơ như vậy, tại sao cha lại phó mặc mẹ cho số phận? Ông không thấy xót thương sao? Cháu có thực sự chỉ là kết quả của một phản ứng sinh hóa giữa hai tác nhân không thể không tìm đến nhau? Hay là ánh sáng tháng Ba, nhờ kích thích vùng điều khiển khao khát và làm trôi dạt đục vọng, đã thôi thúc cha mẹ cháu gặp nhau, rồi thì những chất dịch của họ trộn lẫn với nhau và chỉ có thế?

* * *

Hơn một lần, giữa đêm khuya, lòng nhùng trong mớ suy luận này, cháu đã chộp lấy điện thoại, sẵn sàng thét vào tai cha, “Ông làm tôi ghê tởm! Tôi căm hận ông! Ông chết đi!” Nhưng mỗi lần đó, cháu lại ngừng quay số và cố vượt qua nỗi khiếp sợ rồi bời.

Phải chăng cháu sợ cái giọng nói mỉa mai của cha, “Ta biết sẽ kết thúc thế này mà”? Hay vì cháu sợ rơi vào - và không có quyền kháng cáo - đồng nhầy nhựa mà ông ta khinh khỉnh ném “người khác” vào đó?

Những người khác, những người bình thường như mẹ cháu, như ông nội cháu (với người vợ da màu và đàn con lai), như những sinh viên không dám đương đầu với ông, như những người bạn (nếu như ông ấy có) hoặc những phụ nữ không đủ can đảm để tìm tới ông ở tiền đồn giữa chốn hoang vu này của ông.

Và vâng, thực lòng mà nói, sự áp úng của cháu cũng chính là do sợ sự khinh miệt của cha; cháu chưa sẵn sàng để hứng chịu bất kỳ sự sỉ nhục nào từ phía ông. Rốt cuộc (ít nhất đây cũng là điều cháu tin vào lúc này), ông là người thân thích duy nhất mà cháu có trên thế gian này. Xấu tốt thế nào, cháu cũng mang năm mươi phần trăm gien của cha.

Trong những tháng ngày đó, cháu bắt đầu chú tâm tới những điểm chung giữa cha và cháu; càng quan sát kỹ, cháu càng nhận thấy rõ lý do vì sao cháu không thể buộc mình đột ngột chấm dứt mối quan hệ này. Tới thời điểm phù hợp, cháu sẽ đến nhà cha và liệt kê cho ông biết, một cách thật bình tĩnh và rõ ràng, những lý do cho sự khinh miệt của cháu.

Cháu tự nhủ rằng mình sẽ là người quyết định chấm dứt với cha, chứ không phải là ngược lại, cháu chẳng muốn một kết cục giống mẹ mình, bị bỏ rơi trên đường giống như một chiếc túi bị gãy tay cầm.

Trước khi mùa hè đến hồi cao điểm, mọi niềm đau khổ trong năm - việc bà bị bệnh, bà mất, gặp cha - đã tác động nặng nề lên cháu, và cháu mệt mỏi, tơi tả như mảnh giẻ rách cũ kỹ. Việc duy nhất cháu muốn làm là ở một mình, nằm ườn ở đâu đó, không ăn, không nói, để thu hồi sức lực giống như một cái cây vào mùa đông, hoặc như con macmôt chờ tuyết tan.

* * *

Đã ba tuần trôi qua kể từ lần cuối cháu tới Grado.

Một buổi chiều muộn, có tiếng điện thoại reo. Đó là cha. Giọng cha nghe hơi lạ - chuyện gì đã xảy ra với thái độ xa lánh mỉa mai kia? - khi ông phàn nàn: “Có chuyện gì thế? Cháu không đến đây nữa à?”

Gần như không ý thức được, cháu cố thanh minh. “Cháu thấy không được khỏe. Khi nào khỏe lại, cháu sẽ đến.”

Tại sao cháu lại cho phép mình cảm thấy có lỗi về kẻ đã gặp khoảng mười lần, một kẻ thậm chí không bao giờ tự nhận thấy ngay cả một nỗi ăn năn nhỏ nhất, một kẻ dù luôn hành xử như thể chẳng một hành động nào của mình gây ra hậu quả?

Cháu đã không đến Grado tuần tiếp theo và cả tuần sau nữa, mặc dù đã thấy khỏe hơn, và cũng không gọi cho cha. Thế rồi chuông điện thoại lại reo cùng thời điểm vào ba buổi chiều liên tiếp, nhưng cháu thậm chí không có ý định giơ tay ra nhắc điện thoại. Rõ ràng là cha đang tìm cháu, một cách vô vọng. Cháu đã tìm thấy một chút tự mãn ngầm từ ý nghĩ là ông ấy đang lo lắng.

Vào ngày thứ tư, cháu đã trả lời điện thoại.

Cha bắt đầu cuộc đàm thoại bằng câu “Có phải cháu đó không?”

Có một chút ngập ngừng gần như là sợ hãi trong giọng nói của cha; nghe như giọng một ông lão. Có lẽ cha hơi say, vì giọng hơi run và loạng choạng như ánh lửa của ngọn nến trước gió.

Cháu chờ cha nói gì đó với mình, hỏi xem sức khỏe cháu thế nào hoặc cháu đã khởi ốm chưa, nhưng thay vì thế, sau một tiếng thở dài nặng trĩu, ông nói, “Ta không thể sống ở đây nữa. Cả khu này đã trở nên rất náo loạn. Đâu cũng thấy tiếng trẻ con khóc và tiếng tivi oang oang, cầu thang thì bị xâm chiếm bởi những mục nội trợ béo ú và những gã đàn ông đam mê mấy trò tự sửa chữa với máy khoan, máy cắt cỏ thô kệch; thay vì tấn công mấy mục vợ, họ tra tấn thần kinh hàng xóm. Năm nào cũng thế, hoặc đúng hơn, mỗi năm lại tồi tệ hơn. May mắn, vào mùa hè, một người bạn cho ta mượn căn hộ ở Busto Arsizio, nên nơi đó trở thành nơi ẩn náu mùa hè của ta. Ta đến đó bây giờ đây, nhưng ta muốn cho cháu địa chỉ, chỉ là trường hợp...”

“Trường hợp gì ạ?”

“Trường hợp cháu thấy muốn đến thăm ta. Ta có thể cho cháu cả số điện thoại nữa. Cháu có gì để viết không?”

“Có ạ,” cháu trả lời, nguệch ngoạc số điện thoại lên mặt sau của một tờ biên lai cũ.

“Nhưng nhớ để qua ba hồi chuông, gác máy, và gọi lại. Nếu không, ta sẽ không nghe máy đâu. Ta muốn xa lánh hầu hết mọi người.”

“Cháu biết rồi.”

“Nghe này...” Giọng cha chùng xuống với vẻ lo lắng.

“Ta muốn nói với cháu một điều khác nữa...”

“Dạ?”

Cha bị ngắt lời bởi vài giọng nói trẻ con la hét om sòm trên nền tiếng nhạc rap đột nhiên được vặn to hết cỡ. “Để lúc khác ta nói vậy,” ông nói. “Ta không chịu nổi nữa rồi... Ta phải đi đây!”

Thế rồi, sau khi nhắc tới chuyến bay, ông gác máy.

Khi cha nói “Ta muốn nói với cháu một điều khác nữa,” tim cháu đập nhanh hơn; cháu chờ đợi một sự tiết lộ, một lời thừa nhận, một ký ức, một dấu hiệu ăn năn, một thứ gì đó đưa mối quan hệ của hai cha con theo một chiều hướng cho phép cháu thôi gọi ông là bác Massimo và bắt đầu gọi ông là Cha.

Có thể cha chỉ đơn thuần muốn báo cho tôi biết là ông sắp đi, và chẳng phải chính hành động đó là bước đầu tiên trên con đường dẫn tới sự đầu hàng sao? Tôi cho bạn biết tôi sẽ ở đâu vì tôi cần bạn, vì tôi chờ bạn tới thăm, vì tôi không thể tiếp tục sống mà không nghe giọng nói của bạn, không được thấy khuôn mặt bạn?

Sau cú điện đó, cháu bước ra vườn.

Không khí thật sáng khoái trong lành, và những đám mây bay gấp gấp báo hiệu một trận bão lớn đang cuốn về từ phía đông, vẫn còn khá xa, nhưng đã bị xé toạc bởi những ánh chớp

lóa lên thấp sáng cả chân trời. Một cơn gió khô hanh - thường đến trước bão - quạt vào những ngọn thông đen thưa thớt và khiến các cành thông kêu rảng rác trước khi gãy gập xuống những quả mận mọng nước chín vàng trên cây, khiến chúng rơi thành thạch xuống đất. Ở hướng kia, mặt trời đã dần biến mất khỏi nền trời, và ánh sáng mà vòng xoay trái đất thông thường trước giờ vẫn dư thừa nay bị những đám mây xông tới nuốt chửng.

Rất nhanh thôi, cơn bão sẽ đổ ập tới vùng đất miền cao này, nhưng trong trái tim và trí óc của cháu thì bão đã về, nó đánh sập những đường dây điện, và dòng điện chạy tung tóe khắp nơi, giống như đám yêu tinh đang nhảy nhót.

KHI MÁY BAY RƠI, thứ đầu tiên người ta tìm là chiếc hộp đen. Mọi thứ được ghi lại trong đó, bao gồm cả những yếu tố góp phần, dù là rất nhỏ, gây ra tai nạn - tốc độ, đường đi, lỗi của con người, sự do dự, đêm tối, và vân vân - cho đến đúng thời khắc tai nạn. Ở con người, những quy trình tương tự cũng được gửi gắm cho khả năng hồi tưởng. Trí nhớ tạo nên con người, tạo nên môi trường sống của con người trong cuộc đời của chính họ cũng như trong thế giới xung quanh họ, và lời nói là những dấu tích mà họ để lại phía sau.

Lời nói giống như dấu chân bạn thấy trên bãi cát buổi chiều tà. Đêm xuống, vô vàn những sinh vật xuất hiện rồi biến mất giữa những đụn cát: nào là cáo, chuột, quạ, mòng biển, cua, và cả những con gián nhỏ trườn bò, lao đi trên cát trong bóng đêm và để lại dấu vết của mình. Một số gặp nhau, đánh hơi một cách tò mò; số khác bay sà xuống rồi lại vút lên; những con kém may mắn nhất sẽ biến thành mồi, trong khi những con khác kết đôi hoặc chỉ đơn giản đuổi những cặp chân khoan khoái. Lũ cua xây thành lâu đài cát khi chúng dũi ra biển. Dấu vết của lũ chim chỉ còn lại cho tới khi đợt sóng kế tiếp cuốn trôi. Bọn gián để lại những vệt dài và gọn ghẽ trên nền cát phía sau, giúp chúng dễ dàng tìm lại lối về hang.

Nếu con gián không biết nó thuộc loài nào, làm sao nó cư xử đúng đắn được? Làm sao nó biết nó sẽ ăn phân, phấn hoa, hay xác con vật chết?

Một con vật vốn sinh ra đã hiểu được là nó sẽ sinh sống bằng gì; hương vị thức ăn mà nó nhớ định hưởng lựa chọn cho nó, và nó, cũng nhờ vậy, có thể nhận biết tổ của mình và lý do khiến

nó rời tổ. Tất cả đều được khắc trong gien của nó.

Ở con người, mọi thứ phức tạp hơn nhiều.

Con người chúng ta có các chức năng cơ thể giống nhau, còn lại thì khác nhau hoàn toàn. Mỗi chúng ta có nguồn gốc của riêng mình, và nó bắt nguồn từ trước đó rất xa, từ thời ông bà, cụ kỵ, cố tổ, xa, xa nữa, tới tận người đầu tiên, tới khi mà - thay vì cư xử như loài gián - chúng ta bắt đầu biết lựa chọn.

Tổ tiên của chúng ta đã chọn lựa gì? Gánh nặng nào mà họ đã đặt lên chúng ta? Và tại sao các gánh nặng này khác nhau đến vậy? Tại sao một số người có thể bước những sỏi chân dài, nhẹ bẫng, trong khi một số khác, lại chẳng thể lê nổi một bước chân?

* * *

Đeo đẳng mãi những suy nghĩ này, cháu lại lọ mọ chui vào tầng áp mái. Mặt trời mùa hè bắt đầu nung nóng bầu không khí tù túng, và cháu mở cánh cửa sổ nhỏ cho đỡ ngột ngạt. Cháu khoanh chân ngồi bên chiếc va li mở sẵn trên sàn. Không còn nhiều thứ trong đó: vài lá thư cũ, đầy bụi, một cuốn sổ tay nhỏ trông có vẻ mới hơn, tất cả bị bỏ bê như những bông hoa giấy sau lễ kỷ niệm linh đình. Đây là những dấu vết cuối cùng, những vết gợn trên cát còn lại khi lũ gián tìm về với tổ.

Những trang giấy này sẽ đưa cháu tới những đâu?

Cháu mang đồng thư và cuốn sổ xuống gác, đặt chúng lên bàn, sắp xếp theo ngày tháng, nhưng tới lúc đó, trời đã muộn; cháu không muốn mở chúng khi một ngày chẳng còn lại gì ngoài bóng tối. Cháu quyết định đợi đến khi ánh sáng của ngày mới trở lại.

Dù đã lên giường, nhưng tiếng nhạc inh ỏi của một lễ hội

mùa hè nào đó khiến cháu không tài nào ngủ được. Đồng hồ báo thức điểm một giờ sáng, với giai điệu bài “Lá cờ đỏ thắm” vang vọng. Mãi tới tận ba giờ sáng, khi không gian cao nguyên vừa được trả lại sự tĩnh mịch, thì tiếng gầm rú của một chiếc xe tải lại âm ỉ cả lên. Vẳng lại mơ hồ từ tít mãi xa, là tiếng dây chèo rung bần bật trên các thuyền buồm neo ở bến cảng. Tất cả như hòa thành một bản giao hưởng khiêm nhường trong làn gió hè mơn man.

Khúc nhạc đó là gì nhỉ, cháu tự hỏi trong giấc ngủ lơ mơ vừa đến, là khúc nhạc của ly tan hay tái hợp?

* * *

Trên bìa cuốn sổ tay là một khung cảnh mùa đông. Mặt trước là hình ảnh con thỏ chạy xuyên màn tuyết; ở giữa là một hàng cây trụi nặng tuyết trắng; nền phía sau, nối liền chân trời với vòm trời trong trẻo, sáng bừng là một dải núi phủ băng lấp lánh. Đó là một cuốn sổ tay đơn giản, loại sổ bà thường dùng để làm bài tập tiếng Latin hoặc ghi chép sổ sách nội trợ. Có lẽ vì thế mà cháu đã mở nó ra một cách hồ hững.

Nhưng cháu chết đứng ngay khi nhận ra đó là chữ của mẹ.

Có một chữ trên trang đầu tiên: Thơ. Cháu từng đọc nhật ký của mẹ và những bức thư mẹ viết cho cha mà không hề bối rối, nhưng giờ đây, với cuốn sổ tay trước mặt, cháu cảm thấy lúng túng và sợ hãi; cháu chưa từng nghĩ mẹ lại có chút lòng cho thi ca.

Có vài bài thơ - ngắn có, dài có. Cháu lướt qua những bài thơ trong cuốn sổ.

Tôi sẽ không bao giờ là hoa

Vì tâm hồn tôi là cỏ

Một chiếc lá mỏng manh sánh ngang ngàn chiếc lá

Sương mù

Sương che vạt vật nhà cửa và con người; xe đạp cũng ngừng
huyền não.

Thế gian thành nơi hư ảo hay chính tôi vô hình như hồn ma?

Tim tôi trong bọc giấy gói hoa

Món quà quý, chẳng nơi nao thêm nhận.

Nỗi sợ

Chẳng quái vật nào hù dọa được ta kể cả những tên giết người
man rợ

Ta chẳng sợ đêm tối bão lũ hay cuồng phong bản án hay cái chết

Hay một tình yêu vô hình

Ta chỉ sợ bàn tay con bé bỏng dò dẫm tìm tay ta

Sợ ánh mắt thơ dại

“Tại sao?” con thường hỏi.

Mắt cháu nhòe đi; cháu cảm thấy như có gì đó đè lên lồng
ngực. Nó như một cái cọc vót nhọn để giết lũ ma cà rồng. Một
bàn tay đang thọc mạnh, cố gắng xé roạc lồng ngực của cháu.

Sẽ thật đáng yêu biết bao

Nếu đời ta vui nhộn

Như bản nhạc lễ hội Sanremo

Anh và em, tay trong tay đến bên cửa sổ,

Với hộp đầy hoa tử đinh hương

Sẽ thật đáng yêu biết bao bên nhau chờ hoàng hôn xuống

Sẽ thật đáng yêu biết bao được dung dăng dẫn bước con cái ta
trên đường đời...

Cái cọc đâm sâu hơn, chỉ một chút nữa thôi là nó sẽ đâm
thủng màng tim của cháu.

Người phụ nữ này là mẹ cháu ư? Chuyện gì đã xảy ra với cô

gái phiền toái, nông cạn trong cuốn nhật ký kia, người phụ nữ lầm lỗi, tuyệt vọng ở những lá thư? Hẳn mẹ đã viết các vần thơ này không lâu trước khi mất, nhưng dù trong trường hợp nào, chúng như ghi lại suy nghĩ của một con người khác hẳn.

Nghe nói, khi cận kề cái chết, mọi thứ hiển lộ rõ hơn; nó xảy ra ngay cả khi chúng ta không hề biết ngày tháng của mình đã được định đoạt. Rồi bỗng nhiên, bức màn bị xé toạc, và tới giây phút ấy, chúng ta sẽ nhìn thấy rõ những gì vốn vẫn bị giam cầm trong bóng tối.

Mẹ của cháu đã phó mặc bản thân cho dòng chảy của thế hệ, không hề hoài nghi rằng mình sắp bị rơi xuống vực thẳm. Vì mẹ trưởng thành mà không có cội rễ vững chắc, nên thác ghềnh tàn bạo đã cuốn mẹ đi. Khác loài liễu rủ có thể bị lũ lụt nhấn chìm nhưng vẫn bám sâu vào lòng đất; rõ ràng mẹ là một lá cỏ mỏng manh, như mẹ viết trong thơ. Cục đất nhỏ nhoi mà mẹ bầu vú đã bị cuốn khỏi vách núi, đẩy mẹ vào dòng trôi nổi đơn độc. Có lẽ mãi tới khi nghe tiếng gầm rú của dòng thác đổ xuống, khi sắp bị quăng vào chôn vô định, mẹ mới thấy hối tiếc vì không có những chiếc rễ sâu để mà bầu vú.

Rốt cuộc thì, cháu nghĩ, cái cách mà con người được ghép lại với nhau cũng không khác gì vùng đá vôi Kras: nhìn bề ngoài, lịch sử biến đổi không ngừng, qua từng ngày, từng tháng, từng năm và từng thế kỷ, nối tiếp nhau theo dòng chảy thời gian - hết xe ngựa lại tới xe hơi lăn mình trên đó - trong khi bên dưới, đời sống của nó vẫn nguyên vẹn và mãi như thế. Không một dao động ánh sáng hay nhiệt độ trong các hang động tối om, không thay đổi theo mùa; bày kỳ nhông vẫn búng mình vui vẻ, dù mưa hay nắng, thạch nhũ vẫn tí tách nhỏ xuống măng đá. Trong thế giới được tạo nên từ nước ấy, vạn vật tồn tại và tái sinh theo một trật tự gần như không biến đổi.

Vậy là trong những năm tháng cách mạng, mẹ đã sống một cuộc đời sôi nổi. Để hết lòng với giấc mơ ấy, bà đã bóp méo cảm

xúc của chính mình. Ngày đó, cảm xúc không quan trọng bằng tinh thần đồng đội.

Cùng đứng trên mũi tàu phá băng tưởng tượng, họ hùng hồn tiến lên, phá vỡ vỏ bọc băng giá, trì trệ, mắt họ dán vào chân trời công lý chung đầy tươi sáng. Nếu con tàu có thể đi tiếp, thì rốt cuộc họ sẽ tới được một thế giới mới, một vùng đất nơi cái xấu không còn lý do để tồn tại, và tình bằng hữu được đặt lên đỉnh cao. Tầm quan trọng của sứ mệnh này không cho phép dao động hay do dự. Họ phải cùng nhau tiến lên, không lý tưởng cá nhân, không nuôi tiếc, hợp thành một nhịp điệu duy nhất, như đàn kiến châu Phi có thể ăn trọn một con voi trong vài phút.

Tuy nhiên, tới một lúc, chắc hẳn mẹ đã xa rời nhóm theo một cách nào đó. Khi bạn bè xung phong tiến lên, mẹ chọn con đường nội tâm đơn độc. Đang lúc quá đổi mong manh và bối rối tới mức không thể tự cứu mình, thì mẹ gặp Ngài G, chiếc phao đầu tiên có thể bầu vùi. Ông ta nâng mẹ lên, giúp mẹ nổi, và thế là quá đủ. Trong một thời gian ngắn, cái kim chỉ nam ấy giúp mẹ đi tiếp, nhưng trong thực tế, dưới vỏ bọc tư tưởng cứng rắn và khát vọng mơ hồ vươn tới mối hòa hợp chung trừu tượng, có một phụ nữ trẻ, trong phần lớn cuộc đời ẩn náu của mình, đã mơ về tình yêu.

Dòng sông cứ trôi trong những hang động bí ẩn, và nước của nó vẫn là nguồn sống cho đời, với quyền năng xoa dịu, nuôi dưỡng, bồi đắp, củng cố và đoàn kết nhân loại từ mọi góc ngách trên địa cầu. Nhưng yêu và được yêu, chứ không phải cách mạng, mới là khát vọng sâu thẳm trong tâm hồn mỗi sinh vật trên thế giới.

CÓ NHIỀU NHÂN TỐ khiến cây cối bị sâu bệnh, và còn nhiều yếu tố hơn nữa góp phần gây ra những căn bệnh khiến con người khốn khổ.

Nếu bệnh tiến triển quá xa, cơ hội tồn tại của cái cây rất mong manh. Rễ nó mục ruỗng, thân phồng rộp, các quy trình trao đổi chất bị gián đoạn, và lá cây, cạn kiệt nhựa sống, bắt đầu rụng xuống.

Khi một người bị ốm, vi rút hay vi khuẩn thường là mối nghi ngờ và cũng phải thôi, nhưng không ai hỏi chúng đến từ đâu, làm sao chúng chui được vào người, tại sao là hôm nay, chứ không phải tháng trước, và tại sao người này, mà không phải người kia, ai sẽ là người dễ bị lây nhiễm hơn? Khi hai bệnh nhân được chữa trị giống nhau, sao một người khỏi bệnh, còn người kia thì không?

Một tia chớp xẹt qua vỏ cây sồi già có thể đủ để khởi đầu một quy trình dẫn tới sự tàn lụi của nó: vi khuẩn, nấm mốc, và sâu bọ chui qua lỗ thủng, nhanh chóng lan truyền và sớm muộn, cây sẽ chết.

Loại cây ăn trái trở nên yếu ớt khi chúng mất đi dáng đứng thẳng. Dù cơn gió thổi ngã rạp một cây thông, nó vẫn tiếp tục phát triển, nhưng cây mơ thì không; chỉ có đứng thẳng trên mặt đất mới giúp nó sống và ra trái.

Để hủy hoại một con người, để khiến anh ta bị ốm, cần những gì? Và cần thứ gì để chữa lành cho anh ta? Ý nghĩa của một trận ốm trong một giai đoạn cuộc đời là gì? Sự đọa đày? Vận rủi? Hay có lẽ là một cơ hội bất ngờ, một món quà quý từ thiên đường?

Suốt những tuần dài nằm viện, hình ảnh ngọn đèn cứ lớn vớn trong tâm trí cháu. Cháu thấy mình như một thần lùn trong cổ tích, tay cầm đèn lồng, cố khám phá một không gian xa lạ. Cháu không biết mình đang đi đâu nữa. Bước những bước sợ sệt, cháu lẩn trốn giữa đám rễ to lớn của một cái cây cổ thụ, hoặc bò xuống một hang chuột trũi, hay tìm đường qua mê cung của kim tự tháp. Cháu dò dẫm thận trọng, sợ hãi nhưng cũng đầy nôn nóng. Cháu đoán chẳng chóng thì chày, sẽ tới được một cánh cửa bí hiểm, và càng tới gần, cháu càng thấy rõ, đi qua cánh cửa ấy, mình sẽ tìm ra kho báu. Giống như cánh cửa mở sẵn mà Aladdin tìm thấy, cánh cửa này dẫn tới căn phòng cất giấu những rương hòm đầy ắp ngọc trai, đá quý và vàng thỏi, chờ đợi riêng cháu thôi. Không cần biết ai giấu chúng ở đó hay động cơ của họ là gì; cháu chỉ muốn tìm ra chúng, mang ra ngoài, và ngắm nhìn chúng tỏa sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Mẹ của cháu đã chết. Vì những lý do khó hiểu, mẹ đã quyết định đâm xe vào một bức tường; tuy vậy, trước khi thực hiện kế hoạch này, mẹ đã viết cho cháu mấy dòng, và lần đầu tiên ký tên là “Mẹ”. Chấp nhận vai trò của mình, và chết, đối với bà, chỉ là một việc.

Cha cháu đang lang thang quanh các trung tâm mua sắm vắng tanh ở Busto Arsizio trong chiếc xe cũ rích, chẳng ai bầu bạn ngoài chính những suy nghĩ của ông, cô đơn hơn bao giờ hết, tuyệt vọng hơn bao giờ hết, bó buộc trong trí tuệ của ông như một chiếc lồng Plexiglas.

Quãng thời gian từ khi bà mất tới nay chưa đủ lâu; hình ảnh thời thơ ấu của cháu có bà thường bị che mờ bởi ký ức về gương mặt bà méo mó mỗi khi tức giận với các UFO đang xâm chiếm.

Trong ngôi nhà trống trải ấy - nơi âm thanh duy nhất là tiếng vang từ những bước chân mình - cháu ngày càng cảm thấy khó thở.

Một đêm, cháu tỉnh linh tinh dậy, cảm thấy như ai đó đang bóp nghẹt cổ mình. Cháu hỗn hển hít lấy không khí giống như người thợ lặn đã lặn quá lâu. Từ ngày hôm đó, càng ngày cháu càng thấy khó thở. Trong lúc thao thức, cháu có thể thấy phổi của mình thắt lại và nở ra giống hai miếng bọt biển khô; không tồn nhiều sức để bóp vụn chúng ra thành mảnh nhỏ.

Tuy nhiên, vào tháng Chín, khi nhận ra cơ thể mình đang lùng bùng trong áo quần thay vì mặc vừa vặn chúng, cháu quyết định đi khám. Lần khám này dẫn cháu thẳng tới bệnh viện. Một con vi rút đã chui vào túi phổi của cháu, vô tư sinh sôi nảy nở trong đó. Cháu nhiễm chứng viêm phổi không gây sốt hay ho, nhưng dù vậy, vẫn hoàn toàn có thể dẫn tới tử vong.

Thời gian nằm viện của cháu không quá buồn; cháu kết bạn với vài bà cụ cùng phòng bệnh. Họ thấy lạ vì không hề có ai tới thăm cháu.

Ngày cháu ra viện, chúng cháu trao đổi địa chỉ và những hứa hẹn dài dài rằng sẽ gặp lại nhau. Đó là tuần thứ hai của tháng Mười. Cháu lơ đãng bước những bước yếu ớt, ngập ngừng trên phố. Sự giao thoa dữ dội của âm thanh và chuyển động khiến cháu choáng váng.

Trong vườn, bụi hồng vẫn nở rộ - những bông hoa nhỏ xíu vẫn nở dày đặc, hiên ngang trong giá lạnh - nhưng thảm cỏ bắt đầu chuyển sắc vàng. Chiếc bát của Buck đầy nước mưa, lênh bênh xác vài con ong bắp cày.

Một tháng vắng cháu đủ để mùi ẩm mốc xâm chiếm khắp cả căn nhà.

Thu trải dài trước mắt cháu, xung quanh một khoảng không trống trải. Cháu cảm nhận được cơn gió bora rình rập trên dãy núi Carpathians, và thấy nó bắt đầu tràn xuống, vây phủ lấy

cháu trong những tiếng rít, len lỏi vào tận xương tủy.

Cháu không thể chịu thêm một mùa đông nào nơi đây nữa.

Cháu muốn ánh sáng. Cháu muốn cảnh huy hoàng.

Cháu muốn hoặc là khám phá liệu chân lý có tồn tại hay không - liệu mọi thứ có xoay vần hướng tới nó, như trong chiếc kính vạn hoa hay không - hoặc là được chết.

Một sáng xuống phố mua vé để ra đi, cháu chứng kiến một hiện tượng kỳ lạ. Biển vẫn lặng, hàng trăm hàng ngàn con cá bơi lên kênh đào Canal Grande, lượn lờ trên mặt nước như những chiếc thảm bay. Khi tới cuối kênh đào ở phía nhà thờ Thánh Antonio, chúng tụ lại thành một khối lớn, không bơi đi đâu được nữa.

Một đám người tụ tập trên cầu, tò mò và kinh ngạc khi được thấy kiểu tự tử tập thể lạ lùng này. Có nhiều suy diễn lắm. Chuyện gì đang xảy ra? Phải chăng đây là dấu hiệu từ thiên đường? Hay một tàu ngầm hạt nhân bị nổ? Hay một lực lượng quân đội nước ngoài đang thử nghiệm loại vũ khí độc hại mới?

Vài ngư dân bắt đầu múc từng xô đầy cá bơi lên và đổ vào thuyền. “Có ăn được chúng không nhỉ?” mọi người trên cầu xì xào. “Chúng ta biết được gì về những chuyện thực sự đang diễn ra trên thế giới?”

Trước mắt họ, đàn cá quần quai hấp hối, hết con này tới con khác, giữa một mớ bụng và đuôi hỗn độn, trong khi bày mòng biển kêu rít ồn ào, bay lượn vun vút phía trên. Chúng sà vào từ mọi phía, những thân hình trắng ngần lao xuống từ các nóc nhà hoặc từ ngoài biển, theo đội hình các biệt đội máy bay oanh tạc. Mặt nước khuấy động bởi năng lượng chết chóc; ngay khi một con mòng biển bay lên, miệng ngậm một con mồi, số khác đổ xô xuống, bay ráo riết theo và cố đoạt lấy phần thưởng của nó.

Sự việc lúc đầu đơn thuần là tò mò, nay thành náo loạn. Các bà mẹ và lũ trẻ không còn nấn ná trên cầu nữa, và đám người già tản dần ra.

Trong lúc ấy, cuộc sống thường nhật của thành phố vẫn tiếp tục. Trên con đường vòng quanh bờ biển, dòng xe cộ xếp hàng chờ tín hiệu đèn xanh. Ngoài cảng, một con tàu khách được tàu kéo lai dắt, tiến hành công cuộc thao diễn thường ngày. Tại Ponterosso, tiếng nhạc đình tai nhức óc (vọng lại từ một shop quần áo dành cho giới trẻ) được đệm bởi những giai điệu lười biếng của một vài quầy hàng rải rác.

Thiên đường đang gửi đi những tín hiệu, nhưng không ai đọc được chúng, cháu vừa suy nghĩ vừa bước vào văn phòng của công ty tàu thủy, nơi vô tình đối diện với kênh đào.

Một tuần nữa sẽ có chuyến tàu kế tiếp. Người nhân viên tiếp chuyện cháu nói rằng có thể đặt trước một buồng - luôn có sẵn. Thời đại này, ai còn ngốc tới mức lãng phí năm ngày trời để tới một nơi mà chỉ mất hai giờ bay?

Cháu đặt một buồng thuộc hạng rẻ nhất sâu trong thân tàu.

Khi trở về nhà, cháu thấy mình bước đi nhanh nhẹn hơn. Quyết định rời đi khiến cháu nhìn mọi thứ bằng ánh mắt cởi mở, có đôi chút luyến tiếc. Đã nhiều tháng nay cháu không chăm sóc khu vườn. Những thảm hoa chen đầy cỏ dại, các bụi cây cứ lùm xùm lả chĩa. Hoa tú cầu và nhiều loài hoa khác đã khô quắt queo vì thời tiết, trong khi một lớp lá gần như che phủ toàn bộ khu vườn.

Lá cây - một trong những nỗi ám ảnh của bà. Lá cây và cỏ dại. Chúng ta đã nhiều lần tranh luận về lá cây và/ hoặc cỏ dại. Bà nghĩ chúng rất phiền toái và vì thế, cần phải loại bỏ; còn cháu, ngược lại, tin rằng cả hai đều cần thiết. Đôi lúc, bà bảo cháu lười biếng, và cháu phản đối bằng cách nói bà chẳng biết cách chăm sóc cây cối. “Nếu lá bị rụng, chắc hẳn phải có nguyên nhân”, cháu bảo bà thế. “Bởi vì thiên nhiên không ngốc như con người. Và những cái cây mà bà gọi là cỏ dại không biết chúng là cỏ dại. Bà có thể phán xét hay kết tội chúng, nhưng chúng nghĩ chúng là hoa và thảo mộc, cũng đẹp và quan trọng

như tất cả các loài cây còn lại.”

Một ngày nọ, cháu đã thét lên với bà trong cơn giận dữ: “Bà không thấy được cái hồn của khu vườn! Bà không thấy được cái hồn của bất kỳ thứ gì.”

* * *

Cháu bắt đầu âm thầm chuẩn bị cho chuyến đi. Đầu tiên, cháu tới ngân hàng để đổi tiền, rồi giặt giũ và bỏ thuốc chống mọt vào trong các ngăn tủ. Cũng vì thế mà cháu chuyển toàn bộ đồ đạc ra khỏi nhà bếp, sợ rằng vài mẫu thức ăn trong các khe hở có thể thu hút hàng trung đội bướm đen chiếm lĩnh sàn và trần nhà.

Trong mấy ngày còn lại, cháu đóng gói khá tỉ mỉ một ba lô quần áo cùng các vật dụng cần thiết cho chuyến đi. Trước khi đóng ba lô, cháu lấy cuốn kinh thánh không bìa cũ kỹ tìm thấy trong tầng áp mái và bỏ nó lên trên cùng.

Cha không liên lạc lại với cháu nữa. Mùa tắm biển đã qua, và ông chắc hẳn đã trở lại Grado Pineta. Cháu không muốn gọi cho cha, nên chỉ viết cho ông dòng nhắn.

“Cha yêu quý” có vẻ không phù hợp, nên cháu quãng đi cố gắng đầu tiên của mình. Trong tờ giấy thứ hai, cháu chỉ viết, “Con đang tới vùng đất của tổ tiên của cha và con”. Dưới dòng chữ ngắn ngủi này, cháu ghi thêm địa chỉ nơi mà có thể cháu sẽ tới và ở đó.

* * *

Chuyến tàu khởi hành vào sáng sớm, sau khi nuốt trọn một

dây toa hàng dài vô tận từ Anbani và Hy Lạp. Không có nhà hàng trên tàu, chỉ có một quầy ăn nhẹ với đồ đặc bằng nhựa và một ngọn đèn nê ông khiến mọi khuôn mặt đều mang vẻ nhợt nhạt như xác chết.

Ngoài các bác lái xe tải, bạn đồng hành của cháu còn có hai khoang đầy người Israel nghỉ hưu trở về từ một chuyến đi tới châu Âu. Cháu quan sát họ xuất hiện từ thân tàu, mang theo những chiếc hộp đựng đồ nấu nướng.

Cháu lên boong tàu để nhìn thành phố dần xa khuất.

Con tàu lai dắt đi bên cạnh để dò đường. Luồng sáng từ ngọn hải đăng nhảy nhót trên mặt biển theo nhịp nhấp nháy đều đặn. Mặt nước phẳng lặng, tối sẫm như một vết mực loang rộng lớn, đáng sợ.

Những ngôi sao đang lấp lánh trên nền trời, cũng chính những ngôi sao này, hai mươi năm trước đã tỏa sáng lấp lánh trên đầu mẹ và mầm sống bé nhỏ đang lớn dần trong bụng. Có lẽ sao trời cũng có mắt và nhìn thấu mọi vật như ta thấy chúng, cháu nghĩ vậy. Có lẽ chúng cũng mang những trái tim bí ẩn và - như người ta thường nghĩ - có khả năng tác động tới hành động của chúng ta. Có lẽ, trên các đỉnh sao trắng bạc ấy, người chết đang sinh sống, những người không còn ở trên trái đất, những người đã già từ hình thái thể xác của mình.

Hồi nhỏ, trước khi đi ngủ, cháu thường đòi được nhìn ra ngoài cửa sổ và vẫy chào Mẹ, người mà theo lời bà, đã đi xa để sống ở thiên đường. Lắm khi, nếu mây che phủ bầu trời, cháu sẽ bật khóc. Cháu hình dung mẹ như nàng tiên, mặc chiếc váy nhẹ, dài bằng vải chiffon rục rỡ, đội mũ chóp sáng lòa cùng những ngôi sao nhỏ trên đầu, một gương mặt thanh thản, mong manh kỳ lạ, và ở chỗ lẽ ra phải có đôi chân, lại là một vệt nước lấp lánh, thành vệt dài phía sau khi mẹ đi theo cháu, dập dờn từ ngôi sao này tới ngôi sao khác.

Nhưng thực tế, gần như chẳng còn lại gì về mẹ trong chiếc

quan tài bằng thiếc; và bà, cũng đang phân rã trong đó, cũng như cháu, một ngày nào đó, sẽ thành cát bụi.

Vậy cuộc đời của chúng ta có ý nghĩa gì? Cốt lõi của những giấc mơ mẹ dành cho cháu, ước mơ của bà dành cho mẹ, là gì? Phải chăng chúng ta buộc phải tuân theo số mệnh chìm sâu trong bóng tối, hay là có ý nghĩa gì đó ngoài sự trống rỗng bao la này?

Sao tất cả mọi người - bà, mẹ của bà, cha của cháu, đều từ bỏ cội nguồn của mình? Vì sợ hãi, vì lừa dối, vì cuộc sống tiện nghi ư? Hay có lẽ để sống cuộc đời hiện đại và tự do?

Khi cháu hỏi cha câu ấy, cha đã trả lời rằng đạo Do Thái thực ra chẳng là gì ngoài những tập tục của con người và mối liên kết xã hội ngày càng mở rộng; và, để chứng minh nhận định của mình, ông lấy chính cuộc đời của ông nội làm ví dụ minh họa, một người vô cùng sùng đạo khi làm việc cho bố vợ ở Venice và thường xuyên lui tới nhà ông ấy, nhưng lại sẵn sàng nhảy điệu samba mà không hề hối tiếc sau khi chôn cất vợ mình ở Brazil.

Và có lần bà từng nói với cháu rằng chúng ta không theo tôn giáo nào. Chúng ta không thuộc dòng nào cả. Khi bà thấy điều này làm cháu lo lắng, bà chữa “Như vậy không hẳn là xấu đâu. Thực ra lại tốt. Nghĩa là cháu tự do, và tự do là tài sản thực duy nhất mà một người có được.”

Cội nguồn

SAU SÁU NGÀY YÊN BÌNH TRÊN BIỂN, cháu đã tới cảng Haifa.

Đứng trên boong tàu, ngắm nhìn thành phố hiện dần trước mắt, cháu cảm nhận được sự thân quen đến kỳ lạ, gợi cho cháu nhớ về Trieste. Phía sau thành phố, thay vì cao nguyên Kras, sừng sững dãy núi Carmel lởm chởm đá; những ngôi nhà cao tầng mọc lên khắp nơi - những ngôi nhà mới nhất là to nhất. Bên trái, nơi những dải đồi thoai thoải nhường chỗ cho đồng bằng, luồng khói đen đặc từ các nhà máy công nghiệp phun thẳng lên bầu trời và hòa lẫn với ngọn lửa của một nhà máy tinh chế.

Nhưng Haifa không có thành phố quay mặt ra biển như Trieste. Thay vì con đường lượn quanh bờ biển và tòa nhà Piazza d'Unità, là các bến neo tàu hàng, và bên trên, một dãy cầu cầu màu vàng với những cánh tay cầu khổng lồ đang hạ xuống. Phía dưới, hàng tá tàu container từ khắp nơi trên thế giới đang được xếp dỡ hàng hóa, tầng tầng lớp lớp.

Trong khi chờ đợi làm thủ tục để lên bờ, cháu tha thẩn trên boong tàu, ngắm nhìn đường nét của một tòa nhà lạ lùng trên đỉnh một ngọn đồi, bao bọc bởi những khu vườn trên nền đất bậc thang, thoai thoải dốc xuống biển, mái vòm hình tròn, mạ vàng của ngôi nhà giống một nhà thờ Hồi giáo, chỉ thiếu tòa tháp bên cạnh.

“Cái gì thế ạ?” cháu hỏi một phụ nữ đến từ Ashkelon mà cháu quen trong chuyến đi.

“Kia á? Đền Bahá'i đây”, bà ta trả lời, mỉm cười như muốn nói thêm, *Đúng thứ chúng ta cần*. Thực ra, đó là lăng mộ của

Bahá'u'lláh, một người Ba Tư cải đạo Hồi trong nửa sau thế kỷ mười chín và lập nên phong trào tôn giáo của chính mình, pha trộn các tôn giáo dựa trên tình yêu thương chung của con người thuộc mọi đức tin và dân tộc.

* * *

Đặt chân xuống nền đất khô khốc, cháu mới thấy sức nặng của chiếc ba lô trên lưng, cứ như cả thế kỷ đang tới hồi kết, và cháu biết đã đến lúc dừng lại xem xét gánh nặng của mình, đã đến lúc lấy ra tất cả những tảng đá, lần lượt, đặt tên chúng, liệt kê chúng, rồi quyết định cái nào cần mang theo, và cái nào nên bỏ lại.

Bất giác, trên mảnh đất xa lạ nhưng rất đổi thân thương ấy, cháu hiểu rằng câu chuyện cá nhân của ta cũng chính là chuyện của những người đi trước ta, và những lựa chọn của họ. Chính những chọn lựa đó đã nhào nặn ra chúng ta; như canxi cacbonat trong hang động, chúng là kết cấu vô hình của mỗi cá nhân.

Thay vì là tấm bảng trắng để viết bất cứ điều gì, đứa trẻ sơ sinh như tấm khăn trải bàn mà ai đó đã thêu dệt vào đó những đường nét văn hoa. Đứa trẻ đó có đi theo con đường mà người khác đánh dấu, hay nó sẽ chọn một con đường khác? Nó sẽ tiếp tục bước theo vết xe quen thuộc, hay sẽ can đảm bật ra khỏi lối mòn đó? Và tại sao một người có thể xé bỏ khuôn mẫu, trong khi người khác lại mù mịt, cần mãi bước theo đường đã định?

Và rồi, đây có thực là cuộc đời duy nhất ta có được không? Phải chăng đây là không gian chiếu sáng duy nhất mà ta phải đi qua? Lẽ nào ta buộc mình phải im lặng, và vươn cổ ra như người cuối cùng trong một hàng dài các vật tế thần? Phải chăng đến với thế gian này và rồi chìm dần vào cái chết, giống như

một ngôi nhà xếp hình, tự đổ sập xuống trong câm lặng?

Ai quyết định các vai cho một vở diễn? Hay mọi thứ chỉ là chuỗi tiếp nối liên hồi của ánh sáng và bóng tối?

Giết hay bị giết: ai là người định đoạt? Có lẽ là những người tự cho mình đang sống dưới ánh sáng. Nhưng còn những người trong bóng tối, họ sẽ làm gì? Và còn cháu nữa? Đây là vị trí của cháu? Có thật là mọi việc đều diễn ra như trên sân khấu - mở màn, hạ màn, những lời thoại được nói ra hay quên lãng? Chuyện gì sẽ xảy ra với tiếng kêu trước khi chết của những nạn nhân và những giọt mồ hôi lạnh toát trong cơn hấp hối sau cùng? Liệu trên thiên đường có chỗ nào để chứa tất cả, một danh mục, một kho trữ, một bộ nhớ khổng lồ chẳng hạn? Và, cùng với việc ghi chép đơn thuần, liệu có một bàn cân, hay có ai đó đếm đo sự sống? Làm sao đĩa cân bên trái cân bằng đĩa cân bên phải: hành động bên đĩa cân này, còn phán xét là đối trọng ở đĩa bên kia? Liệu thanh gươm của thiên sứ Michael có lóe sáng, vung lên đây đó, hay chỉ là tiếng vút của hư vô dội lại trong không gian?

Phải chăng vũ trụ chỉ là chiếc dĩa cỏ khổng lồ, toàn lỗ hổng đen ngòm nghiền nát và hấp thu mọi loại hình năng lượng? Phải tìm ý nghĩa của thế giới trong cái động cơ không mệt mỏi, cỗ máy nhai nuốt - hấp thu - bài tiết, trong bản giao hưởng của các dịch vị dạ dày?

Nhưng khi chiếc dĩa cỏ đóng lại, con bò sẽ chết.

Thế còn vũ trụ thì sao?

Chúng ta là các protein, khoáng chất, axit amino, chất lỏng, các phản ứng về men, và thế thôi ư? Còn lũ ấu trùng trắng ờn, lúc nhúc, lúc nào cũng ngấu nghiến ăn và bị ăn ngấu nghiến thì sao? Nhưng ngay cả ấu trùng cũng biết chân giá trị của chuyển hóa; lớp mô mềm của nó có thể biến thành nét đẹp huy hoàng của một cánh bướm.

Và sẽ ra sao nếu từ ngữ nhiệm màu thực chất chính là từ

“chuyển hóa”? Nếu bóng tối tồn tại rõ ràng chỉ là để đón chào Ánh sáng?

TRONG TẤT CẢ CÁC CÂU CHUYỆN VỀ GIA ĐÌNH TA, chuyện về bác Ottavio là nổi tiếng nhất.

Bà chỉ nói bóng gió với cháu vào một buổi tối khi chúng ta ngồi trên ghế sofa và xem các bức ảnh gia đình mà bà lấy ra từ một chiếc rương. Lúc ấy cháu bao nhiêu tuổi nhỉ? Khoảng mười hoặc mười hai gì đó - cháu đã tới cái tuổi khi mà sự thiếu vắng một gương mặt (của cha cháu) bắt đầu dày vò cháu. Bà không có ảnh cha cháu để cho cháu xem, vì bà không biết ông ấy là ai, và theo cách nào đó, có lẽ bà đang cố gắng bù đắp cái khoảng trống đang lớn dần trong cháu.

Địa điểm được chụp ảnh nhiều nhất là một trang viên lớn màu trắng, bao bọc bởi một công viên, nơi bà lớn lên. Đó là một buổi đoàn viên gia đình, có cả những người hầu, chụp trước một trận đấu cricket, và trong nhiều bức hình in liền khác, có vài bức chụp con chó Argo của bà. Nó - với đôi mắt tinh anh - duỗi dài người trước cổng vào nhà kính. Có những bức chụp trang viên trong cảnh mùa hè trắng lệt, với các bụi hồng nở rộ rải rác trên thảm cỏ, những cánh cửa chớp mở ra dãy ban công đầy hoa, và rồi, có một bức hình chụp trang viên sau khi máy bay ném bom tàn phá nó: một đồng cỏ nát dưới một đám khói đen sì.

Nhiều bức ảnh chụp bà thời bé, bím tóc cột dải ruy băng dài, hoặc chụp với cha mẹ của bà trong một phòng chụp hình, trước một phông nền sơn màu lòe loẹt; rồi có một bức chỉ có ảnh của cụ ngoại, chụp khi cụ đang hát. Có vài bức ảnh những đứa trẻ khác - tất cả đều mặc đồng phục thủy thủ, tay cầm váy hoặc những chiếc đàn vĩ cầm đồ chơi, đi đôi ủng cao tới cổ chân -

những người mà bà thường vui vẻ kể với cháu về tên của họ, mỗi dây mơ rễ má với bà mà không hề làm cháu hào hứng. Cháu quan tâm tới họ làm gì chứ, những người ấy trong mắt cháu chẳng khác nào vừa mới bước ra từ một bộ phim cả.

Một lần, khi cùng đi qua nơi từng là trang viên, bà chỉ cho cháu một cây tuyết tùng đơn độc, lọt thỏm trong hàng chục tòa chung cư ảm đạm, tối tăm vì khói phả ra từ các xưởng đúc. “Cháu thấy cái cây đó không?” bà nói “chiếc bập bênh của bà được đặt trên cành cây thấp nhất của nó đấy.”

Cái cây lá kim phủ đầy bồ hóng ấy là kẻ duy nhất còn sót lại trong công viên rộng lớn đã từng bao bọc gia trang của bà.

* * *

Cụ Ottavio là em trai của mẹ bà; bà cho cháu xem ảnh ông ngồi bên chiếc dương cầm, trong khi người chị gái đứng bên cạnh, hát một bản tình ca. Trong một gia đình mà mỗi người ít nhiều đều biết chơi nhạc cho vui, thì cụ là người duy nhất theo đuổi sự nghiệp âm nhạc. Là nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng, cụ lưu diễn liên tục khắp châu Âu, và khi về nhà, cụ dành hầu hết thời gian tập đàn trong phòng khách.

Bà không chịu được cụ, bà bảo cháu thế, nhưng bà cũng nói thêm, có lẽ bà chỉ ghen tị với tài năng của cụ, bởi tự thấy mình chẳng có khiếu gì cả. Cụ Ottavio lập gia đình - khá muộn ở thời đó - với một nghệ sĩ chơi đàn hạc người Gorizia. Họ có hai con, một trai một gái, cách nhau vài tuổi. Người con gái, Allegra, thừa hưởng năng khiếu âm nhạc của cha mẹ, và sau khi tốt nghiệp trường nhạc ở Trieste, đã chuyển sang Mỹ để hoàn tất chương trình học đàn viola của mình. Em trai của bà ấy, Gionata, chuyển sang Israel khi kết thúc chiến tranh Thế giới thứ Hai.

“Sao lại là Isarel?” cháu hỏi, với vẻ băn khoăn như thường lệ. “Ông ấy đã yêu phải không ạ?”

Bà sửng người trước câu hỏi ấy, “Yêu ư?” bà lặp lại. Rồi, với ánh mắt xa xăm, bà nói thêm “Phải, có lẽ vậy... nhưng, đó là cả câu chuyện dài, và cũng hơi buồn: quá dài và quá buồn với một bé gái đã tới giờ đi ngủ.”

Cháu hoài công phản đối. Cháu thích các câu chuyện cổ tích buồn; mỗi tối đi ngủ, cháu ôm chặt cuốn Nàng tiên cá út, lẩm nhẩm những đoạn tuyệt vọng nhất bên dưới tấm chăn trong khi chú Vịt con Xấu xí ngấm nhìn cháu từ chiếc bàn bên cạnh.

“Nhưng đây không phải chuyện cổ tích” bà chặn họng cháu. Vậy là cụ Ottavio, vợ của cụ ấy, cây dương cầm của cụ, cây đàn hạc, đàn viola, bà Allegra, ông Gionata và điểm đến lạ lùng của ông ấy (đối với cháu) đều biến mất trong cái giếng thời gian hun hút.

* * *

Cháu mang theo ba lá thư tìm thấy ở tầng áp mái trong chuyến đi này. Hai trong số chúng được gửi từ Mỹ; lá thư đầu tiên là của bà Allegra, và lá thư thứ hai ký tên Sara, một trong các con gái thông báo về cái chết của bà.

Lá thư thứ ba từ Israel. Với mấy dòng sơ sài, người anh họ Gionata của bà gửi lời chúc mừng bà hạ sinh Ilaria và báo rằng ông đã cưới vợ và định cư luôn trên một hòn đảo phía bắc Biển hồ Galilee. Bức thư có địa chỉ đầy đủ của ông ấy, phòng khi một ngày nào đó bà muốn tới thăm ông.

Địa chỉ ấy là điểm đến của cháu sau khi cháu xuống Haifa. Giả dụ ông Gionata là con trai người em út của mẹ bà, ước chừng ông ấy tầm 70 tuổi và có lẽ vẫn còn sống. Ở phần bán cầu

này, không kể đám anh em con lai da màu mà cháu có thể có trên các bãi biển Rio de Janeiro, người em họ Gionata của bà là người thân duy nhất còn sống của cháu, trừ cha cháu.

* * *

Sau gần một tiếng đồng hồ chờ đợi, cháu đón được chuyến xe đến nơi cháu muốn. Máy điều hòa nhiệt độ và âm nhạc đều mở hết công suất, hầu hết các chỗ ngồi đều chật kín những nam nữ mặc quân phục. Vài người trong số họ đeo súng máy lủng lẳng trên vai.

Xe rời Haifa từ hướng bắc, phía đối diện dãy núi Carmel, đi qua khu công nghiệp nơi có nhiều cầu vượt lớn. Cháu nhìn qua cửa sổ, ngắm các nhà kho, phân xưởng, siêu thị... Tình trạng giao thông khá lộn xộn, các lái xe khoa tay múa chân đầy hăm dọa qua những cửa sổ xe đang mở và nhấn còi liên tục. Thật kỳ lạ, cháu không cảm thấy xúc động mà thấy khá lưỡng lự ngay khi đến được khu định cư nêu trong bức thư. Cháu không biết liệu mình có thực sự tìm được ông Gionata không; có thể ông đã chết từ lâu, hoặc có thể ông đã đổi địa chỉ rồi. Có thể cháu sẽ tìm được người bà con nào đó đời sau ông, hoặc khả năng xấu nhất là sẽ không tìm được ai cả.

Ngay cả giả thuyết ấy cũng không đủ khiến cháu lo lắng, vì cháu biết chắc: chuyến đi của mình không phải một cuộc chạy trốn (như chuyến đi tới Mỹ ngày trước). Lần này, cháu đang thẳng bước đương đầu với một điều mà mình không biết, nhưng lại liên quan sâu sắc đến cháu.

Cháu xuống xe buýt - hành khách duy nhất xuống xe - và đứng bên lề con đường chạy qua các cánh đồng. Trước mặt cháu, một cánh cổng kiên cố bọc dây thép gai bảo vệ một công trình nửa như chòi gác nửa như phòng trực.

Cháu đến chỗ nhân viên bảo vệ có vũ trang, một thanh niên trẻ, nói tên cháu và tên người cháu muốn tìm. Người gác dẫn cháu bước vào cánh đồng. Khi ngồi trên xe buýt, cháu đã cố tưởng tượng xem một khu định cư trông sẽ thế nào; hình ảnh trong não cháu, dựa trên những câu chuyện mà một người bạn của bà đã kể, đó là khu toàn lều lán đơn sơ dựng lên lộn xộn trên một mảnh đất khô cằn nứt nẻ.

Nhưng khi đi theo người lính trẻ, cháu nghĩ rằng nơi mình đang vào trông giống một khuôn viên đại học hơn. Rải rác đây đó là những căn nhà một tầng nho nhỏ, mỗi nhà lại được tô điểm bằng một thảm cỏ và khu vườn nhỏ xinh. Có cả một bể bơi và sân tennis ở khu tiện ích chung. Giữa cánh đồng là ngôi nhà cao và rộng hơn so với những nhà khác; người dẫn đường bảo cháu đó là nhà ăn.

Điểm khác biệt duy nhất giữa nơi này và khu đại học là mùi phân bón nồng nặc từ mấy hầm chứa lớn ở đằng xa.

Cây hoa giấy với những chiếc cánh đủ màu, từ đỏ thắm và tím sẫm, tới màu vàng và trắng, điểm tô cho mỗi bức tường. Những dây nho lan rộng sum suê đầy kiêu hãnh. Từng bầy chim sẻ lớn bay lượn giữa giàn hoa lá sặc sỡ.

Người bạn đồng hành trẻ tuổi bảo cháu nên đợi. Cháu tháo ba lô và ngồi xuống một chiếc ghế dài, ngạp ngừng quan sát xung quanh. Cháu không dám chắc liệu anh ta có biết người cháu đang tìm không nữa. Tuy nhiên, sau khi chờ đợi khoảng 15 phút, cháu thấy một ông già râu bạc dáng người tầm thước tách ra từ một nhóm nhỏ, và ngay lập tức cháu nhận ra (nhờ những quy luật bí ẩn về gen di truyền) đó chính là ông cậu Gionata.

Ông cậu rõ ràng đã rất ngạc nhiên, nhưng không có vẻ phiền gì về sự xuất hiện của cháu. Dù mang tên thánh là Gionata, ông đã không nói tiếng Ý trong nhiều năm. Còn tên của ông bây giờ là Jonathan, nhưng ông xưng hô với cháu theo một cung cách khá cổ lỗ mà bà thi thoảng cũng dùng mỗi khi bị ốm.

Ông cậu nâng nặc mời cháu về nhà - một căn nhà đúc sẵn, thấp lè tè đối diện khu vườn nhỏ đầy hoa - để uống trà. Bất chấp tuổi tác, ông vẫn giữ được vóc người rắn chắc, khỏe mạnh. Phong thái nói chuyện của ông rất thẳng thắn.

Cháu kể cho ông nghe về bà - cháu nói bà đã mất một năm trước - kể về chuyện mẹ đã qua đời khi cháu bốn tuổi, và sau cùng là kể về cha, một giáo sư triết học sống ở Grado và chẳng liên quan gì tới quá trình trưởng thành của cháu.

Vợ ông Jonathan mới mất vài tháng trước. Ông có hai người con: con trai lớn, Arik, là một kỹ sư sống ở Arad; người em gái là bác sĩ tâm thần học tại một bệnh viện ở Beersheba.

Ông Jonathan rất tự hào với hai cô cháu song sinh 7 tuổi, con gái cậu Arik; cả hai đứa đều biết chơi vĩ cầm từ khi còn rất nhỏ; và nhờ phương pháp giảng dạy của nghệ sĩ vĩ cầm người Nhật Shinichi Suzuki, chúng đã có thể chứng tỏ mình được thừa hưởng trọn vẹn khiếu âm nhạc của ông bà cố nội - ông Ottavio và người vợ chơi đàn hạc của ông. Ông Jonathan mới dự một buổi biểu diễn đầy xúc cảm của hai cô cháu nhỏ ở Arad về.

Ông kể với tôi, thật lạ lùng làm sao, tiếng nhạc nuôi dưỡng tuổi thơ của ông bỗng nhiên biến mất khi ông rời nước Ý; ông ngừng nghe đĩa và không tới các buổi hòa nhạc nữa. Thứ nhạc duy nhất đồng hành với cuộc sống thường nhật của ông ở Israel là âm thanh của máy kéo. Trong thực tế, từ lúc chuyển tới đó, ông chỉ làm mỗi việc canh tác trồng trọt. Chính ông đã trông những hàng nho dài trải rộng khắp các sườn đồi, và chịu trách nhiệm với các vườn bơ.

Trước khi ông Jonathan và những người bạn trong khu định cư tới, nơi đây chẳng có gì ngoài đá sỏi và cỏ dại. Họ đã dành nhiều năm đầu để xới và đào đất bằng tay, rồi mới dùng đến máy kéo. Vì luôn say mê những món đồ cơ khí, ông Jonathan đã học một khóa sửa chữa máy kéo. Mọi người trong khu định cư muốn tự túc về mọi mặt; đây chính là triết lý đã truyền cảm

hứng cho họ xây dựng cộng đồng từng chút một theo năm tháng.

Thế hệ trẻ hơn không quan tâm gì đến những tinh hoa xưa cũ mà các bậc tiền bối của họ đã chọn. Họ muốn có mọi thứ, ngay lập tức. Họ không biết chờ đợi; họ không có khả năng tự hi sinh vì tương lai của cộng đồng - hoặc có lẽ họ không có đủ nghị lực. “Đó là lý do khiến ta đau khổ,” ông Jonathan tâm sự với cháu, “và cả những người tầm tuổi ta nữa. Là lỗi do ai đây? Lỗi của bọn ta, hay của thời đại? Lẽ ra ta không nên quá khát khe. Từ khởi nguồn thế giới, bọn trẻ đã có xu hướng phá hủy mọi thứ mà cha mẹ chúng xây dựng, và cuộc sống vẫn tiếp diễn như vậy...Ừm, có lẽ đây chỉ là những lời cầu nhàu buồn bã của một ông già.”

Cháu được ở trong “phòng dành cho khách”: một không gian nhỏ hẹp với những bức tường bằng gỗ dán, vừa đủ để kê một chiếc ghế tựa và một tấm phản. Ô cửa sổ đơn với khung làm từ gỗ thơm của cành cây bạch đàn.

Chưa bao giờ cháu được nghe chim đầu riu và chim cu gáy hót sôi nổi đến vậy. Như thể mặt trời thiêu đốt miền đất ấy dữ dội bao nhiêu thì lại càng truyền cho mọi vật sức sống mạnh mẽ bấy nhiêu. Các bông hoa lớn hơn và rục rở hơn; những con chim hót với âm điệu hào hứng hơn. Mọi việc có diễn ra tương tự đối với cảm xúc, chẳng hạn như yêu và ghét, với năng lực dữ dội của ký ức hay không?

Cháu ngủ thiếp đi với câu hỏi ấy lơ lửng trong đầu.

Khi nghe thấy tiếng gõ cửa, cháu vẫn tưởng đang là nửa đêm. Hóa ra là ông cậu muốn cùng cháu dùng bữa điểm tâm. Mới gần năm giờ sáng mà mặt trời đã lên cao. Nhìn vẻ mặt ngơ ngác của cháu, ông Jonathan giải thích rằng ông còn phải ra đồng càng sớm càng tốt, trước khi trời nóng quá không làm việc được.

Nhà ăn lớn đã chật ních người. Những giọng nói trộn lẫn vào nhau, ồn ào như tiếng chuyện trò của thực khách tại một tiệc

cười.

Cả sáng hôm ấy, cháu lang thang quanh khu định cư và tận tới bữa trưa mới gặp lại ông Jonathan. Ở nhà, chiếc máy điều hòa cũ kỹ, ồn ào đã được bật lên. Cháu ngồi trên chiếc sofa hẹp trong phòng khách và ngắm bức tranh về Trieste treo trên bức tường trước mặt. Bức tranh vẽ một phần bờ biển với tòa nhà Palazzo Carciotti ở đằng sau: các quý bà cầm ô, các quý ông cầm cần và đội mũ chóp cao, các y tá đưa trẻ em đi dạo dọc cầu cảng San Carlo (ngày nay là Audace), trong khi những chiếc sọt đủ mọi kích cỡ đang được dỡ xuống từ một hàng tàu dài trên kênh đào Grande.

Cháu bước tới gần để nhìn nó kỹ hơn. “Họ đang dỡ gì thế ạ?” cháu hỏi ông cậu.

“À... cà phê, hầu hết là thế, nhưng cũng có cả gia vị và vài vốc. Cháu có biết tại sao ta treo bức tranh đó trên tường không? Vì nó khiến ta nhớ về khoảng thời gian đã xa, khoảng thời gian khi cháu có thể dành nhiều giờ để thảo luận say mê mọi chủ đề... một buổi biểu diễn bản Carmen của Bizet chẳng hạn, hoặc gần như đánh nhau để bảo vệ nhà thơ yêu thích của cháu. Vợ ta không thích bức tranh đó. Bà ấy chủ trương rằng quá khứ là quá khứ và không nên để nó đeo đẳng lấy chúng ta, nhưng bức tranh gợi cho ta một loại cảm giác...không hẳn là yên bình, nhưng ít ra là chút khuây khỏa. Ta thấy dễ chịu khi biết đã từng có một thời đại mà cháu có thể nói về nghệ thuật cứ như đó là điều quan trọng nhất trên thế giới; thời đại mà nỗi sợ hãi vẫn bị giữ lại ở phía sau. Không phải nó không tồn tại nhưng không ai nói về nó nữa, không ai nhìn thấy nó, và cháu vẫn có thể sống như thể nó không hề tồn tại. Cháu biết không, cha mẹ ta tin rằng - có lẽ bởi vì họ là nghệ sĩ, hoặc có lẽ vì thời đại của họ khác - cái đẹp là ánh sáng soi rọi trái tim con người. Cha ta thường bảo “Âm nhạc mở được mọi cánh cửa.”, còn mẹ ta thường đưa ta ra vườn để lắng nghe tiếng xào xạc của từng loại lá.

“Họ là những người lý tưởng hóa, chắc chắn là thế. Nếu họ sống thực tế hơn một chút, ít ra họ có thể tránh được một phần bi kịch, nhưng đó là cách họ sống - họ luôn nhìn vào mặt tích cực của mọi việc. Họ tin rằng cái đẹp và đức hạnh đáng kính đi liền với nhau. Ký ức về những năm tháng ta sống cùng cha mẹ ở trang viên luôn ngập tràn một loại ánh sáng bằng vàng. Không hề có chút bóng tối nào giữa họ, không có gì làm vẩn đục mối quan hệ của họ với bọn ta. Họ chơi với đám trẻ bọn ta, nhưng việc học tập của bọn ta luôn đặt lên đầu. Họ yêu cầu tuân thủ rất ít kỷ luật, nhưng họ phải được tôn trọng tới mức uy nghiêm tột bậc. Trong bàn ăn, mỗi đề tài là một cuộc chơi công bằng để thảo luận; không có câu hỏi nào bị né tránh.

“Ta nghĩ một yếu tố quan trọng góp phần vào tất cả điều này là mối quan hệ họ có trong sự đồng điệu về âm nhạc. Một khi bước vào lĩnh vực cái đẹp, họ có thể giải tỏa bất kỳ mâu thuẫn nào.

“Tính chất phác của họ nằm trong việc họ tin rằng thứ gì giá trị đối với họ cũng sẽ giá trị với người khác, rằng tất cả mọi người đều có chung áp lực nội tâm để mang lại ánh sáng cho mọi thứ.

“Cha mẹ ta, luôn được bao bọc trong sự hòa hợp về âm nhạc, đã sa vào niềm tin đáng sợ rằng trái tim con người về cơ bản là tốt, kể cả tên tội phạm tội tệ nhất, độc ác nhất cũng có lòng tốt, vì đó là điều bẩm sinh. Mọi việc cần làm là đánh thức lòng tốt bên trong hấn - bằng một nụ cười, một bài hát, một bông hoa.

“Mẹ ta tin vào đáng tối cao, thích đọc sách về các đề tài tâm linh và quan tâm sâu sắc đến sự luân hồi của linh hồn - nói cách khác, chính là sự đầu thai. Ta nhớ một lần bắt gặp bà nhìn con sâu bướm đầy lông trên một chiếc lá trong vườn và nói, “Ngày mai mày sẽ thành một con bướm, nhưng trước đây mày là ai?”

“Ta thấy thật rắc rối khi nghĩ rằng có một sự thật được giấu sau mọi thứ, những thứ mà, nói ngắn gọn, không giống như bề

ngoài của chúng. Ta biết ta không còn nhiều thời gian nữa, nên ta thường thức rất khuya, lắng nghe tiếng xe cộ âm ì nhỏ dần, và nghe tiếng tru của lũ chó rừng. Những tiếng tru đó là gì, nếu không phải là những câu hỏi dành cho mặt trăng, ngôi sao, bầu trời?

“Khi nhìn về phía lũ chó rừng đang hú, ta có thể thấy hơi nước bốc lên từ mặt đất. Mẹ ta ở trong đám mây đen, tinh hoa của bà hòa trộn cùng hàng ngàn thứ khác - những mơ ước của bà, tài năng của bà, cái nhìn của bà, mọi đám tro rải trên sông Vistula, trên cây cối, trên các cánh đồng xung quanh Birkenau. Chất ka-li từ các cơ thể ấy khiến cả vùng màu mỡ, giúp mang đến cho đời những cây hoa giọt tuyết cao lớn, những bắp cải xa-voa khổng lồ, những trái táo to như quả cầu.

“Liệu linh hồn của bà có thực sự nhập vào một cơ thể mới, như bà hằng tin, giống như cách cháu chuyển từ phòng khách sạn này sang phòng khách sạn khác khi cháu có một chuyến đi? Có lẽ bà đã đầu thai ở châu Phi, hoặc một ngôi làng xa xôi nào đó ở Andes...

“Trong cuộc đời mình, ta đã cố điều khiển mình theo cách tốt nhất có thể, thành thực mà nói, để làm việc, để gây dựng một gia đình và yêu thương nó trong khả năng của mình, thể thôi.

“Ta tới đây sau chiến tranh để trốn tránh các ký ức. Không còn mối liên hệ dễ chịu nào ràng buộc ta với châu Âu, và ta muốn tìm hiểu xem mình là ai, để xây dựng lại cá tính cho riêng mình, và ta đã dần thành công.”

Ông Jonathan chỉ vào một chiếc hộp hình chữ nhật gắn trên cửa “Đó là một tấm bùa da dê mezuzah mà con trai ta đặt. Arik là đứa rất mộ đạo, mặc dù ta chưa bao giờ động viên nó theo hướng ấy. Ở nhà, ta chỉ buộc mọi người tôn trọng nghiêm ngặt các giá trị truyền thống, vậy thôi. Lẽ tất nhiên, ta cũng không ngăn cản nó, nhưng thỉnh thoảng mẹ nó và ta, lại nhìn nó như

thể nó là người lạ, và tự hỏi “Nó từ đâu đến vậy?”

“Nhưng bọn ta không bao giờ tìm được câu trả lời.

“Đôi khi, ta nghĩ rằng linh hồn mộ đạo của bà nội Arik chắc hẳn đã đầu thai vào cơ thể nó rồi. Vợ ta từng nói rằng được sinh ra giống như bị rơi khỏi nóc của một tòa nhà rất cao. Vì thế, rơi xuống là định mệnh của chúng ta, và chúng ta phải cố bám vào thứ gì đó. Người này bám vào bậu cửa sổ, người kia bám vào ban công, người khác nữa thì túm chặt cửa chớp, và có người thì cố gắng, tới giây phút cuối cùng, để chộp lấy cái gờ của máng nước. Nếu muốn sống, cháu phải tìm ra thứ gì đó để bám vào, bất chấp nó là cái gì...”

Mặc dù mới gần sáu giờ, màn đêm đã buông xuống, và cơn gió nhẹ thổi ra biển từ những ngọn đồi mạnh dần lên theo bóng tối. Bên ngoài cửa sổ, cây hoa giấy phát phơ trong tiếng xào xạc như tấm giấy mềm; từ những chuồng bò gần đây, vọng lại tiếng rống của một con bê, một lời kêu gọi tuyệt vọng không có hồi đáp. Có lẽ mẹ nó đã được mang tới lò mổ rồi.

Ông Jonathan rót cho mình một cốc nước và uống hết một hơi. Máy điều hòa đã tắt, và trời rất nóng. Chắc hẳn đã lâu rồi ông mới nói nhiều như thế; thở dài một tiếng, ông ngồi phịch xuống ghế sofa rồi nhìn cháu chăm chú.

“Thế còn cháu? Cháu tin vào điều gì?”.

SỨC NẶNG CỦA MÀN ĐÊM chính là sự đè nén của những câu hỏi không lời giải đáp. Chúng ta bước ra khỏi bóng tối, rồi trở lại bóng tối; trước khi vũ trụ được hình thành, khắp nơi chỉ toàn là màn đêm đen đặc.

Ông Jonathan đã hỏi cháu tin vào điều gì. Cháu trần trọc trên giường trong màn đêm yên tĩnh. Cháu biết giấc ngủ sẽ không đến, nhưng vẫn cứ hi vọng (vô ích) rằng ít ra mình có thể ngủ lơ mơ một chút. Câu hỏi của ông Jonathan cứ quanh quẩn bên cháu, kéo theo nhiều câu hỏi khác mà cốt yếu trong số đó là: Vì sao bạn sống?

Bạn tin vào điều gì? Vì sao bạn sống? Khi sinh ra, mỗi đứa trẻ sẽ nhận được một tấm da dê viết hai câu hỏi đó, chờ được trả lời.

Vậy bà tin vào điều gì?

Cháu tin vào nỗi đau. Nỗi đau đã chiếm hữu cháu từ giây phút cháu mở mắt chào đời, xâm chiếm thể xác và tinh thần cháu, kích thích, tàn phá và làm chúng biến dạng; nỗi đau đã đặt một quả bom hẹn giờ trong trái tim cháu và cài kíp nổ cho một vụ nổ chắc chắn xảy ra.

Những ký ức đầu tiên của cháu đầy ắp nỗi đau thay vì niềm vui, đầy nỗi lo lắng, sợ hãi thay vì sự che chở yên bình của tình thương. Lúc cháu đi quanh căn hộ, tìm kiếm mẹ mình trong số những người đang quá chén, lúc cháu nhìn thấy mẹ đang ngủ cạnh một người tình chẳng lúc nào giống người trước đó, cháu có thể cảm thấy gì khác ngoài sự mát mát? Mặc dù vậy, khi theo bản năng, cháu biết mình là một đứa trẻ được sinh ra không phải bởi tình yêu mà là do sự sợ hãi, thì chính nhận thức này,

thay vì khiến cháu cảm thấy đau đớn hay giận dữ, lại khuấy động trong cháu một mong muốn kỳ lạ được bảo vệ mẹ mình.

Cháu luôn luôn phát hiện ra dấu hiệu của nỗi buồn bên dưới sự vui vẻ gượng gạo của mẹ; cháu cảm thấy mẹ đang trôi dạt về phía một tai họa và cháu sẵn sàng liều mạng sống của mình để thay đổi điều đó.

Linh hồn cháu đến từ đâu? Nó đã hình thành cùng cháu, hay nó mới nảy ra từ bí ẩn của thời gian vượt trên thời gian? Lẽ nào nó đã hạ xuống trần gian, bất chấp các quy luật tự nhiên để giúp một cơ thể đã vô tình triệu hồi nó và rồi buộc nó có một cuộc đời đau khổ và ghẻ lạnh, như cha cháu từng nói: “Không quan trọng cha đến từ đâu hay đến vì ai, bởi vì mọi thứ, kể từ hạt đất tới những con voi, đều tự tái sinh bất động tâm?”

Như vậy, cháu là con gái của sự bất động tâm ư?

* * *

Cháu trở dậy. Trời vẫn tối, đồng hồ trên đài điểm ba giờ sáng. Vài giờ nữa, ánh sáng sẽ chan hòa. Vào ban đêm, định mệnh phải đối mặt với quá nhiều lời năn nỉ; nên mỗi tia sáng khi đêm đã qua là một ký ức không yên bình, cháu nghĩ thế khi đi dọc khuôn viên một vườn cam.

Cháu tới đầu kia cánh đồng và ngồi xuống một phiến đá. CƠN gió đêm đã tắt; mọi thứ, kể cả tiếng ồn ào và mùi hương, đều bất động. Cháu cảm thấy mình như đang trong một khán phòng trước khi bắt đầu một buổi hòa nhạc; mọi thành viên của ban nhạc đã vào vị trí, nhạc trưởng đã sẵn sàng trên bục, nhưng vẫn chưa phát tay nên mọi đôi mắt, trí não, trái tim, cơ bắp vẫn đứng yên, đợi lúc hòa vào một bản hợp xướng âm thanh.

Có tiếng gà gáy từ làng của người Ả rập trên các bậc dốc của ngọn đồi. Một lát sau, tia sáng le lói bắt đầu tràn ngập vòm trời

đen tối.

Tuần sau đó, cháu bắt đầu làm việc ở khu định cư, giúp đỡ bất cứ ai cần. Đó là lúc có ít việc trên các cánh đồng, nên phần lớn cháu giúp làm việc trong bếp hoặc trong phòng giặt ủi lớn.

* * *

Một buổi tối, ông Jonathan kể cho cháu nghe chuyện về cha mình, cụ Ottavio.

Lúc đó bầu không khí ở Trieste trĩu xuống bởi mối đe dọa. Bạn bè của cụ Ottavio đã di cư đến nơi an toàn, sau khi khuyên hai người cùng làm như vậy. Nhưng cụ Ottavio không muốn rời đi; cụ phản đối ngay cả ý nghĩ về từ “chạy trốn”. Cụ nói “Tại sao ta lại phải chạy trốn? Đó là cách hành xử của những tên trộm, và những kẻ sát nhân, những người sai trái, những tên hèn nhát. Còn ta đã làm sai gì chứ?”

Cụ Ottavio không hiểu nổi rằng người ta có thể giết người khác chỉ vì cái họ của anh ta.

“Tôi là một công dân nước Ý”! Cụ Ottavio tuyên bố khi người ta tới bắt mình, như thể sự sáp nhập về địa lý sẽ cho ông tấm thẻ thông hành kỳ diệu.

Ông Jonathan đang ở ngoài lúc xảy ra vụ bắt bớ. Khi trở về nhà, ông hiểu ngay chuyện gì đang xảy ra và lập tức bước theo một phụ nữ đến từ Carso, người mang bớ đến cho gia đình ông từ nhiều năm nay. Tin rằng mái tóc vàng và đôi mắt xanh có thể cứu mình, ông giả vờ làm con của bà và đứng nhìn trong sự bất lực câm lặng khi bố mẹ mình bị bắt đưa đi.

Ông Jonathan không trở lại ngôi nhà đó nữa. Người phụ nữ kia đã mang ông về nơi ở của bà trên cao nguyên và ông ở đó cho tới khi chiến tranh kết thúc. Chìm đắm trong suy tưởng,

ông nói “Đó là lúc giữa đất đai và sách vở ta đã chọn đất. Trong ngôn ngữ in ấn, chỉ có những câu hỏi và chẳng có gì khác nữa, nhưng trong các cánh đồng, có đời sống, và cuộc đời cứ tiếp diễn, một cách giản dị.”

Trong những tuần sau đó, một giám mục, người từ lâu ngưỡng mộ tài năng âm nhạc của cụ Ottavio đã cố gắng tác động cùng với sự giúp đỡ từ những người bạn có tầm ảnh hưởng của mình đòi trả tự do lại cho cụ. Nhưng do giấy thông hành chỉ có hiệu lực cho một người nên cụ Ottavio đã từ chối.

Vào Lễ sám hối năm 1944, cha mẹ của ông Jonathan rời nước Ý đến vùng đồng bằng hoang sơ của Ba Lan. Tại đó, mẹ ông sớm biến mất không một dấu vết còn cha ông, ba tháng sau khi chiến tranh kết thúc, hội Chữ thập đỏ đã báo cho ông rằng cụ Ottavio vẫn còn sống.

“Mùa thu năm 1945, cha ta trở lại Trieste, gần như không thể nhận ra về mặt thể xác nhưng rõ ràng không hề thay đổi về mặt tâm hồn. Cụ nhanh chóng mời người chỉnh đàn piano tới; sau khi người bạn già đi khỏi, cụ ngồi xuống và bắt đầu chơi đàn. Có vẻ cụ không cần thứ gì khác nữa. Cụ không thiết ăn uống, ngủ nghỉ hay đi dạo - mọi điều cụ muốn làm là chơi nhạc, và thế là đủ. Lúc đầu, ta nghĩ âm nhạc cùng vai trò chính của nó trong cuộc đời cha mình có lẽ đã góp phần lớn vào sự sống sót của ông ấy, nhưng ta đã sớm phải thay đổi suy nghĩ ấy.”

Một tháng sau ngày trở về, cụ Ottavio bắt đầu khẳng khẳng bày tỏ mong muốn được trình diễn trong buổi hòa nhạc. Yêu cầu của cụ nhanh chóng được chấp nhận.

Buổi tối hôm đó, khán phòng chật ních khán giả; không một con ruồi vo ve, không ai hắt hơi, không ai ho hắng. Mọi người dường như đã bị mang đi nơi khác bởi một sức mạnh siêu hình từ bản nhạc của cụ Ottavio. Khuôn mặt của người nghệ sĩ dương cầm như được thần hóa. Khi khán giả nhìn cụ, một cảm giác ghệt thở bao trùm lên họ. Ông Jonathan cũng vậy.

Người đang chơi đàn này là ai? Là cha mình, người mà mình luôn biết, hay chỉ là người giống ông ấy? Đôi bàn tay ông lướt trên phím đàn nhưng không một niềm vui trong mắt; một ánh sáng xa vời, lạnh lẽo như đang đẩy ông đi xa, xa mãi, tới một nơi không ai với tới.

Khi bản nhạc kết thúc, cả khán phòng đứng dậy và tặng cụ Ottavio một tràng pháo tay kéo dài tới mười phút, yêu cầu ông trình diễn thêm bản nữa, nhưng cụ Ottavio chỉ trở lại sân khấu, cúi đầu trang trọng, rồi làm cả hội trường ớn lạnh bằng một cái phát tay dứt khoát từ trái sang phải, như thể từ chối, rằng điều đó là không thể. Đừng nài xin nữa, tôi đã trình diễn xong rồi.

Nhiều người thì thầm “Thật không thể quên được, không thể quên được” khi họ lấy áo khoác ở sảnh. Không rõ họ đang nói về buổi hòa nhạc hay về kết thúc khác thường của nó.

Ngày hôm sau, cụ Ottavio thức dậy, quăng hết bằng khen vào lò sưởi, đập nắp cây dương cầm, khoác áo choàng và ra ngoài.

Từ đó trở đi, cả trong suốt mùa đông dài, đi ra ngoài là hoạt động duy nhất của cụ. Cụ rời nhà từ lúc bình minh và về nhà thật muộn sau hoàng hôn. Thi thoảng, có người biết cụ lại báo rằng họ nhìn thấy cụ đi dọc bờ biển ở Muggia hoặc Aurisina. Cụ sỏi những bước dài, đầu cúi xuống và ngó lơ tất cả. Bạn bè có chào thì cụ vẫn cứ bước tiếp mà không thèm nhìn họ. Đôi môi cụ mấp máy liên hồi, tựa như đang nói chuyện một mình. Cụ không tắm, không cạo râu và mặc mãi chiếc áo khoác bản thủ cùng đôi giày ống rách rưới thảm hại và một chiếc mũ lưỡi trai sùm sụp che đôi mắt cùng vài đoạn dây thừng buộc quanh hông.

Sau một vài tháng, cụ bắt đầu dùng mấy sợi thừng ấy để mang chó về nhà.

Đầu tiên là đôi chó lai thuộc giống chó săn; cụ dành cho chúng một chỗ ở sân sau, gần gara. Cụ ở nhà một tuần, dựng vài cái cũi bằng lưới thô sơ; khi làm xong, cụ lại tiếp tục đi lang

thang. Cụ ra ngoài vào buổi sáng và trở về nhà vào buổi tối, luôn dẫn theo một con chó mới bị buộc vào một trong những sợi thừng của mình.

“Không lâu,” bác Jonathan hồi tưởng “trước khi tình hình trở nên không thể chịu nổi. Bầy chó bày bừa khắp mọi nơi, chúng sủa, hú, cắn xé lẫn nhau để tranh giành thức ăn. Phải thừa nhận rằng cha ta không cho chúng ăn đều, chỉ khi nào cụ nhớ ra hoặc cụ thấy thích, và không ai khác được phép cho chúng ăn thay cụ. Một lần cụ bắt gặp ta cho chúng ăn và cụ lao vào ta như một người điên. Nếu lũ chó đánh nhau, cụ liền xông vào giữa, vục gậy túi bụi cho tới khi cuộc đánh nhau dừng lại, rồi cụ ngã vật xuống đất kiệt sức; tuy nhiên, nếu chúng ăn hết khẩu phần và chịu yên ổn, cụ sẽ dành hàng giờ vuốt ve chúng, ngồi giữa chúng, nói với giọng trầm tĩnh, dịu dàng như thể chúng là lũ trẻ: “Chúng mày có trái tim biết yêu thương, không giống như...” Và bầy chó ve vẩy đuôi, liếm tay cụ âu yếm.

“Rõ ràng là cụ cần được đưa vào viện và chữa trị, nhưng bằng cách nào? Cụ không bao giờ đồng ý vào bệnh viện cả. Đó là một vấn đề tế nhị. Làm sao để giúp cụ? Cụ có thực sự muốn quay lại làm một nghệ sĩ dương cầm già cả, hay cứ chỉ kiên quyết vào cuối buổi hòa nhạc sau cùng kia đã đánh dấu một bước ngoặt rõ ràng giữa quá khứ và tương lai, giữa con người của cụ lúc trước và con người cụ buộc phải trở thành? Ranh giới chia cắt đó, ranh giới đánh dấu sự khai tử của cái đẹp, chắc chắn cũng báo hiệu sự bắt đầu cuộc đời kế tiếp của cụ.

“Thật may, thần chết đôi lúc cũng rất nhân từ. Một ngày nọ khi về nhà, không nghe thấy lũ chó sủa, nhưng ta chẳng quan tâm lắm. Chỉ tới sau đó, khi nhìn ra ngoài cửa sổ phòng tắm và nhận ra chúng yên lặng thế nào, ta mới chạy bổ ra sân sau và thấy cha.

“Ông ấy nằm đấy, như đang cười, đôi mắt mở to giữa những chiếc cũi. Tim ông đã ngừng đập đột ngột và không đau đớn gì.

Lũ chó đứng canh thi thể của ông trong im lặng, ve vẩy đuôi như đang nói chuyện với nhau. Người ta nói rằng chó có khả năng nhìn thấy thiên sứ của tử thần. Vào khoảnh khắc ấy, ta tin điều đó là sự thật. Ta nghĩ có lẽ chính bầy chó là những thiên sứ, bởi cái cách chúng dành trái tim mình cho chủ. Dù thế nào, ta vẫn thấy được an ủi vì thấy cha ra đi trong yên bình.”

SAU BỮA TỐI HÔM ẤY, khi trở lại phòng mình, cháu bắt đầu đọc Kinh thánh. Cháu cứ mở cuốn kinh một cách ngẫu nhiên và đọc lướt qua những trang sách. Cháu tự hỏi sao bà chưa bao giờ kể cho cháu nghe về cụ Ottavio?

Có lẽ bà đã quyết định lảng tránh bất cứ liên hệ nào với vấn đề ấy cho tới khi cháu đủ lớn để hiểu; sau này, khi cháu rốt cuộc đã đến độ tuổi thích hợp, bà đã choáng ngợp khi thấy cháu lo lắng và buồn bã nhường nào, và cảm xúc dữ dội này đã nhanh chóng kéo theo trận ốm của bà, và vậy là thời điểm phù hợp để gợi lại những kỉ niệm này không bao giờ đến.

Bà đã cho cháu tình thương, chắc chắn rồi, nhưng nền tảng của nó là gì, thứ gì đã nuôi dưỡng nó, thứ gì thúc đẩy nó ngoài những thôi thúc tự nhiên mang tính di truyền?

Và tại sao bà không thể yêu mẹ cháu? Điều gì khiến bà để mẹ lang thang, như một con thuyền không bánh lái?

Chẳng phải không có thứ gì mà bà không làm được đấy ư?

Hay là dòng chảy thời gian, dòng chảy lịch sử luôn kéo lê sự sống, và mang chúng đi xa? Mẹ cháu chỉ là con gái của bà vào lúc đó, giống như bà là con gái của mẹ bà, và cháu là con của mẹ?

Và cứ cho rằng lịch sử đúng là một dòng chảy, thì thứ gì có thể cưỡng lại, thứ gì có thể thay đổi? Chính trong lịch sử, bí ẩn của sự cứu rỗi linh hồn đã bị giấu đi chẳng? Hay sự cứu rỗi linh hồn nằm trong đường đi của chân lý đã được soi rọi?

Cuối tuần đó, cháu quyết định rời khỏi khu định cư, bắt xe buýt tới Safed. Khi đến nơi, cháu ngồi trên một bờ tường thấp ăn chút thức ăn đã lấy từ nhà bếp của khu định cư. Tiếng nhạc âm ì phát ra từ những quán bar du lịch gần đó trong lúc một giọng tiếng Anh trôi chảy của hướng dẫn viên giới thiệu các cảnh đẹp của nơi này cho một nhóm người Mỹ mệt mỏi, buồn chán.

“Trong những thế kỷ đầu, Safed trên hết chính là một pháo đài, một dinh lũy của lực lượng chống lại những người La Mã xâm lược. Phải tới tận thế kỷ 16 thì Safed mới trở thành một trong những trung tâm quan trọng nhất của chủ nghĩa thần bí Do Thái. Thời kỳ này cũng chứng kiến việc xây dựng các giáo đường Do Thái quan trọng nhất mà ngày nay vẫn được ngưỡng mộ...”

Hơi nóng bốc lên, nhẹ nhàng rung rinh các tán lá. Xa tít tắp, đôi chim thiên nga giang rộng cánh, lượn thành những vòng tròn lớn trong không khí.

* * *

Đầu giờ chiều, cháu đi xe buýt xuống Tiberias trên bờ biển Galilee. Cứ ngỡ sẽ thấy một làng chài nghèo, vậy mà cháu lại đặt chân tới một thị trấn du lịch, nửa Rimini, nửa Las Vegas. Cái ẩm ục của khu du lịch trong mùa vắng khách đã lắng xuống nơi đây, nấn ná ẩn trong mùi dầu mỡ, mùi thức ăn và đồ lạnh; le lói trong những tấm biển hiệu sáng trưng với một nửa số bóng đèn đã bị cháy; tràn vào cửa hàng đồ lưu niệm nơi cháu mua một tấm bưu thiếp, và viết mấy chữ phía sau. Đây là một tiền đồn thích hợp với cha... rồi gửi cho cha.

Cháu nghỉ đêm đầu tiên trong một khách sạn nhỏ ở Tiberias. Ngày hôm sau, cháu lên đường đến khu tàn tích Capernaum.

Trời nổi gió to và những con sóng đáng sợ khuấy động mặt hồ rộng lớn.

Cháu làm một chuyến thăm khu khảo cổ học Tabgha và ở đó cháu gặp một đám đông những người đồng hương nói giọng Veneto, cổ quàng những chiếc khăn rục rở giống nhau và đầu đội mũ lưỡi trai. Nhiều người còn mang nét về một cuộc đời làm nông lam lũ. Một mục sư trung tuổi, có lẽ là linh mục ở giáo xứ đi cùng với họ. Ông có vẻ lo lắng như một cô giáo đang đưa đám học trò nhỏ đi dã ngoại và liên tục lặp lại những lời chỉ dẫn: “Đến đây nào... đến gần hơn... nghe này...”

Nhưng ngoại trừ ba hay bốn giáo dân không rời khỏi chỗ ông, một số người bạo dạn nhất đã cởi giày và lội xuống hồ, té nước vào nhau âm ỉ như một đám trẻ.

Trong lúc đó, hai chiếc xe khác dừng lại bên bờ hồ và thả xuống từng đợt những người hành hương mới. Lần này là người Đức và người Hàn Quốc.

Nhóm người Hàn Quốc có vẻ trật tự và đông hơn. Tất cả bọn họ đều dôi mắt đồng loạt theo những gì mà vị linh mục của họ chỉ, như thể họ là bộ phận của cùng một cơ quan.

Cuối cùng thì những nỗ lực của vị linh mục người Ý cũng được ghi nhận. Sau khi khoa tay múa chân, cao giọng một cách vô vọng, ông đã tập hợp được đám giáo dân quanh mình và đọc cho họ câu chuyện trong sách phúc âm ở đó: “Trong những ngày khi dân chúng ngày càng đông và không có gì để ăn, Chúa Jesus đã gọi các môn đệ đến và bảo họ: “Ta thương dân chúng vì họ đã ở cùng ta ba ngày và không có gì ăn. Nếu ta đuổi họ, để họ nhịn mà về thì họ sẽ đói lả mất vì nhiều người trong số họ ở xa đến.” Các môn đệ trả lời ông: “Chúng ta kiếm bánh mì ở đâu tại nơi hoang vu này để có thể cho đám đông đó ăn chứ?” Chúa Jesus hỏi: “Chúng ta còn bao nhiêu ổ bánh mì?”. Họ trả lời: “Bảy ổ bánh, và một ít cá”. Chúa yêu cầu dân chúng ngồi xuống đất. Người lấy bảy ổ bánh và cá ra, nói lời tạ ơn rồi bẻ chúng,

đưa cho các môn đệ, và các môn đệ đưa cho dân chúng.”

Đọc hết đoạn này, vị linh mục rời mắt khỏi trang giấy và nói: “Bao nhiêu người trong chúng ta có thể nhịn ăn mà đi theo Chúa nhiều ngày? Liệu chúng ta có thể chứng tỏ sự tận tâm như vậy chỉ để nghe những lời của Người không? Và bao nhiêu người trong chúng ta sẽ nghiêng mình chấp nhận nó?”

Một vài giáo dân bày tỏ sự chăm chú trong khi một số khác ngó nghiêng, hơi xấu hổ hoặc bối rối, như thể họ đang nghĩ còn bao lâu nữa thì được ăn bữa trưa mang theo của mình.

Trong lúc ấy, gió từ mặt hồ càng mạnh hơn, thổi bay vài chiếc mũ lưỡi trai dọc theo những hòn đá cổ; những tấm khăn choàng bay phấp phới như những lá cờ, từ các cành cây bạch đàn, ta có thể nghe tiếng lá khô xào xạc hòa lẫn tiếng hót líu lo của bầy chim sẻ.

Cháu ngồi trên bậc thang của khán đài, chăm chú ngắm nhìn những khuôn mặt xung quanh. Nếu đã chọn cất công tới đây, cháu nghĩ, chắc hẳn họ đã tin vào điều gì đó. Nếu không thì họ thà đi tắm nắng ở Quần đảo Canary còn hơn.

Buổi sáng hôm ấy, khi đứng đợi xe buýt, cháu đọc được đoạn này trong sách phúc âm của Thánh Matthew: “Ngọn đèn của cơ thể là con mắt: vì vậy, nếu con mắt của người trong sáng, thì toàn bộ cơ thể sẽ ngập tràn ánh sáng”.

Nhiều giờ sau đó, cháu đến Capernaum và gặp ở đó hàng loạt xe du lịch với các hướng dẫn viên, với những ngôn ngữ khác nhau, lấp đầy bầu không khí bằng những lời giải thích mà cháu chỉ nắm bắt được một cách rời rạc khi đi qua đám đông mặc đồ tươi sáng theo chỉ dẫn vào khu còn lại của giáo đường cổ, gồm bốn cây cột bằng đá vôi màu trắng, và trên nền đất là một số mảnh vụn của bức phù điêu phủ hình chạm trổ quả lựu và những chùm nho.

Mặt trời đã lên tới đỉnh đầu nên thời tiết khá nóng. Theo sau dòng người đang lộn xộn lê bước, vài người ăn bánh mì kẹp, vài

người giải khát bằng những chai nước khoáng nhỏ, cháu tới một nơi có bóng râm ở nơi xa nhất phía nam của khu khai quật rồi ngồi xuống ăn.

Thị trấn nơi chôn nhau cắt rốn của Thánh Simon Peter giờ chẳng còn gì ngoài những chiếc móng nhà trơ trọi. Hàng tá hàng tá đồng xu do khách du lịch quăng vào lấp lánh trên sàn nhà cổ kính. Cháu không hiểu nghi lễ này có ý nghĩa gì. Phải chăng là để Cầu phước? Hay có lẽ là sự khởi đầu một vụ quyên góp nhằm biến Capernaum trở lại vẻ đăm mê của nó ở những ngày vui vẻ không lâu trước đây?

Trong suốt chuyến trở về khu định cư, khi phong cảnh dần bị bóng tối nuốt chửng, cháu hồi tưởng lại cả ngày vừa trải qua. *Đám đông thông thái chính là cứu thế.* - Cháu đã đọc câu đó trong Kinh thánh lúc trước. Sự thông thái thực ra là gì chứ? Trên bờ biển hồ Galilee, ông thầy tu xứ Nazareth đã ban thức ăn cho hàng ngàn người. Liệu có còn ổ bánh hay con cá nào để ban ra? Và họ còn phải thỏa mãn cơn đói gì nữa? Con người hiện đại còn ham muốn điều gì khi đã sở hữu mọi thứ, trừ chính bản thân anh ta? Linh hồn ham muốn điều gì? Vinh quang, chiến thắng, những lời phán quyết, những cuộc phân ly? Hay đơn giản là khám phá ra một ngưỡng cửa để nó có thể quỳ gối xuống?

TRONG MẤY THÁNG SAU ĐÓ, cháu làm việc trong phòng giặt ủi cùng một nhóm các bà già nói tiếng Đức cổ. Kiến thức tiếng Đức giúp cháu hiểu một số lời họ nói và tham gia chút ít vào câu chuyện.

Cháu dành phần lớn thời gian rảnh của mình cùng ông cậu Jonathan; ông cũng có vẻ vui vì tìm lại được nhánh phả hệ thất lạc của mình. Vào các buổi tối, cháu và ông ngồi nói chuyện hàng giờ trong căn phòng khách nhỏ hoặc đi dạo dọc theo các hàng cam do chính ông trồng.

“Một thời gian dài, đối với ta, việc trồng cây giống như xây một bức tường; ta không thấy có gì khác biệt. Nhưng khi năm tháng qua đi, ta chăm sóc các cây và nhìn chúng lớn lên, và dần có mối đam mê thực sự với chúng. Vợ ta thường trêu: “Anh nghĩ về những cái cây này nhiều hơn nghĩ về các con” và có lẽ bà ấy đã đúng.

“Xét cho cùng, định mệnh của bọn trẻ là không thể tránh được. Dù cố gắng nuôi dạy chúng theo cách tốt nhất có thể, ta biết chắc rằng tự chúng, có thể có một lựa chọn sai, hoặc đơn giản là khác với lựa chọn của ta.”

“Tuy nhiên, với cây cối thì lại khác. Chúng phụ thuộc vào sự chăm sóc của ta. Chúng cần nước khi đất khô cằn, cần dầu khoáng để bảo vệ chúng khỏi lũ rệp sơn, và lượng phân bón phù hợp vào cuối mùa đông, vì nếu bón sai tỷ lệ các loại phân trộn, cây sẽ ra quá nhiều lá hoặc quả sẽ rụng non, hoặc thậm chí gây ra những vết râm nguy hại. Đó là lỗi mà ta rất hay mắc phải trong thời gian đầu: ta cho đất quá nhiều dinh dưỡng. Ta bón phân cho đất nhiều như một bà mẹ hay lo và khiến nó phát ốm

lên. Phân bón phải được dùng đúng tỉ lệ, đúng thời điểm và đôi khi, không cần bón gì cả. Rút đi một lượng phân hợp lý sẽ tốt cho cây cối cũng giống như bớt chăm bẵm quá độ đối với trẻ con vậy; để biết ham muốn thứ gì đó, trước hết phải biết từ bỏ.

“Ta thường thảo luận vấn đề này với các cặp đôi trẻ, và họ bảo rằng ta cổ hủ và thậm chí hơi khắc nghiệt. Họ không hiểu là ta phải cảm thấy luyến tiếc gì đó trước khi tiếp tục một cuộc hành trình. Nếu ta lấy đi ánh sáng của cây cối, chúng sẽ tập trung mọi sức mạnh để tìm lại nó. Các phần tử trên ngọn cây sẽ cố gắng từng chút để tìm ra một kẽ hở, và khi làm được, cái cây sẽ mạnh lên vì nó đã phải đương đầu và vượt qua nghịch cảnh. Những cái cây sâu, giống lũ trẻ hư, chỉ biết chiều theo bản ngã.

“Ta nghĩ, mọi người nên nghĩ nhiều hơn về cây cối, học cách quan tâm tới chúng và biết ơn chúng, bởi vì nếu không có cây cối, cuộc sống của chúng ta sẽ không tồn tại; chính hơi thở của chúng đã giúp chúng ta thở được.

“Cháu có biết khía cạnh nào của thế giới hiện đại khiến ta e ngại nhất không? Ý nghĩa mở rộng của quyền năng. Con người cho rằng họ có thể làm bất cứ thứ gì vì họ sống trong một thế giới nhân tạo, xây dựng bởi chính đôi bàn tay họ, và họ tin họ có toàn quyền chế ngự nó. Nhưng bất cứ ai trồng cây cối, đều biết là không phải vậy.

“Tất nhiên, nếu muốn đảm bảo nguồn nước cho cây cối của mình, ta có thể xây một hệ thống tưới tiêu tinh vi, nhưng nếu trời không mưa trong nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, đến lúc nào đó, đất sẽ khô cằn tới mức nứt nẻ, cây cối và động vật sẽ chết cùng với chúng. Chúng ta không thể làm ra nước, cháu biết đấy. Và cũng không thể làm ra khí ô xi. Chúng ta phụ thuộc vào thứ nằm ngoài tầm kiểm soát. Nếu nước biển dâng lên, chúng ta sẽ bị ngập chìm; nếu nạn châu chấu đến, chúng sẽ ăn sạch mùa màng và cây giống, đúng theo cách chúng đã làm trong thời đại của các pha-ra-ông.

“Những không gian tù túng tạo nên sự trì độn lạ lùng ở con người. Cháu phải đứng ra khoảng trống để thừa nhận rằng có những thứ mà mình không hiểu nổi. Nhận thức mới đó không phải là thất bại; nó khiến cháu có thể trưởng thành.

“Từ thời điểm đó, cháu có thể tiếp tục những hành trình phi thường khác, còn nếu không, bất cứ con đường nào cháu đi đều chỉ dẫn cháu theo một vòng luẩn quẩn.

“Giống như mọi đứa trẻ thành thị, lúc mới bắt đầu trồng cây, ta nghĩ rằng chúng chẳng khác nào những chiếc cột, ngoại trừ việc chúng mọc lá. Khi thời gian qua đi và ta lắng nghe chúng, quan sát sự tăng trưởng của chúng, nhìn thấy chúng bị sâu bệnh, chết đi hay ra trái, ta nhận ra rằng chúng không khác trẻ con, chúng cần chăm sóc, yêu thương, nhưng cũng cần một bàn tay cứng rắn. Thật lạ lùng, ta nhận thấy mỗi cây đều có cá tính riêng - cây mạnh mẽ, cây yếu đuối, cây hào phóng, cây keo kiệt, và thậm chí có cây đồng bóng.

“Ta săn sóc mọi cây với cùng sự tận tâm và nghiêm khắc, nhưng chúng đáp lại theo cách rất khác nhau. Điều này khiến ta thấy chúng không phải là những cái cột, mà là những sinh vật có cả số mệnh. Nếu có điều bí ẩn về chúng, điều bí ẩn bao bọc nhân loại sẽ lớn hơn tới mức nào?”

* * *

Cháu kể cho ông Jonathan về niềm đam mê của cháu đối với cây cối. Cháu mô tả cây óc chó mà bà đã chặt đi và cảm giác nặng nề sau đó. Nó cũng giống như một cái cây đã bị chặt nhỏ bên trong cháu. Vết thương luôn luôn há miệng và các nỗi lo âu của cháu cứ tuôn chảy ra từ đó không ngừng.

Hai ông cháu cũng nói về trận ốm của bà, về cách mà cháu vẫn chưa thể lý giải được trong mối quan hệ của chúng ta: quá

gần gũi và bảo bọc trong thời thơ ấu, rồi về sau đầy ắp mâu thuẫn. Cái thực tế rằng bà yêu cháu nhưng lại không thể yêu con gái của bà đã khiến cháu trôi nổi, chênh vênh trong cái mâu thuẫn về tư tưởng đối với bà.

Rồi cháu kể về cha mình, về mối quan hệ của ông với mẹ cháu và những năm tháng của họ ở Padua. Sau đó cháu và ông cậu bắt đầu chơi trò chơi về cây cối. Ông cậu ví mẹ cháu như một loại cây dưới nước với những cái rễ nổi không đủ sức tạo thành thân cây cứng cáp hoặc giữ nó sống lâu; còn cha cháu thì giống cây cỏ lăn ở vùng sa mạc. Chúng giống các vương miện bằng gai, khi bị gió đẩy, chúng nhảy múa, trèo lên các đụn cát rồi lăn ngược xuống, không bao giờ dừng lại. Vì chúng không có rễ mà cũng không có khả năng để mọc, chúng thậm chí không thể cho bày ong cái tổ, và số phận của chúng là bị trôi dạt mãi mãi và đơn độc tan vào hư không.

Cháu kể với ông, khi còn là đứa trẻ, cháu muốn có sự mạnh mẽ vững chắc của cây sồi hay hương thơm của cây chanh, nhưng gần đây cháu đã đổi ý. Cháu lo lắng khi thấy các cây chanh bị giam cầm bên các đại lộ, trong các vườn cây, và thấy buồn với số phận của cây sồi, bị buộc phải sống cô đơn. Vì vậy, bây giờ cháu muốn làm cây liễu, được buông những lọn tóc dài bên một dòng sông, ngâm các nhánh rễ của mình trong suối, được lắng nghe âm thanh của dòng nước, chia những cành cây hiếu khách của mình đón các chú sơn ca cùng bày chim chích, và được ngắm nhìn những con chim bói cá xuất hiện rồi biến vào làn nước, giống như những chiếc cầu vòng bé nhỏ.

Rồi cháu hỏi ông cậu: “Thế còn ông? Ông muốn thành loại cây nào?”

Ông Jonathan suy nghĩ một chút trước khi trả lời: “Lúc còn trẻ, ta thích là loại cây bụi nào đó - một cây hồng dại, hoặc một cây táo gai, hay một cây mạn, mọc chen vào giữa một hàng rào. Sau khi tới Israel, ta thích là một trong những cây tuyết tùng

oai vệ mọc trên sườn núi Hermon. Nhưng những năm gần đây, loại cây mà ta luôn nghĩ tới, cây mà ta lưu luyến nhất, là cây dẻ gai. Ta nhớ các cây dẻ gai từ những chuyến du ngoạn trên núi: những thân cây xám bạc, phủ đầy rêu, những cái lá thấp sáng không khí như những ngọn lửa nhỏ...Vậy đây, giờ ta thích là một cây dẻ gai. Vì khi cuộc đời sắp sửa tàn lụi, nó sẽ thảng hoa với những tình cảm, những ký ức, những cảm xúc, giống như tán lá của những cái cây kia, sẽ biến thành ngọn lửa vào mùa thu.”

KHÔNG LÂU SAU BỮA TIỆC SHAVUOT, ai đó ở Ý đã cố gắng liên lạc với cháu. Cuộc gọi được chuyển tới phòng ăn, nhưng lúc đó cháu vẫn đang làm việc. Khi cháu tan ca và bê khay thức ăn đầy ắp tới một cái bàn và ngồi xuống, một người lính trẻ đưa cho cháu một mẫu giấy ghi chữ: “Một cuộc gọi từ cha bạn.”

Đó là cha, đang tìm cháu lần thứ hai trong cuộc đời ông. Điều gì thúc đẩy ông làm thế? Cháu không biết.

Rốt cuộc thì đã hơn sáu tháng từ lúc cháu rời nước Ý.

Biết tính cha, cháu đoán chẳng có gì khẩn cấp. Cháu bỏ mảnh giấy vào túi, nghĩ rằng sẽ mua một chiếc thẻ điện thoại và gọi ông vào lúc cháu rời khu định cư.

* * *

Cũng tối hôm đó, Arik, người con lớn của ông Jonathan tới thăm cha. Cậu Arik tả cho cha nghe những thành tích gần nhất của hai bé sinh đôi, bí hiểm nói thêm rằng mình còn có một tin tốt khác muốn chia sẻ với ông nhưng phải đợi tới lúc vợ tới. Sau đó cậu kể đôi chút về cô em gái mà mình đã gặp một tuần trước ở Beersheba; ông Jonathan buồn rầu nói: “Nếu bố không gọi nó, bố sẽ không được nói chuyện với nó. Nó chẳng bao giờ gọi cho bố.”

“Nó quá say mê công việc,” cậu Arik nhanh chóng đáp lời. “Nó nghĩ nhiệm vụ của nó là cứu nhân loại. Nếu cứ tiếp tục vậy, nó sẽ ốm mất”.

Ông Jonathan lắc đầu “Lạ thật đấy. Thường thì con gái giống cha. Nhưng trong hoàn cảnh của chúng ta, nó lại giống mẹ hơn: Khéo léo, thực tế, sẵn sàng lao vào bất kỳ tình huống nào mà không bao giờ bối rối.”

Arik không hoàn toàn tán thành. “Không phải vậy. Nó giả vờ không bối rối để chẳng phải đương đầu với những lý do khiến nó thành như vậy. Nó quyết định rằng thế giới phải đi theo cách nó muốn, không đếm xỉa đến bất cứ ai khác.”

Cháu hỏi cậu Arik nhiều điều về cuộc sống của cậu ở Arad. Cậu nói, lúc đầu cuộc sống không dễ ổn định - khí hậu và phong cảnh hoàn toàn khác với những gì cậu biết - nhưng bây giờ thì cậu không thể sống ở nơi khác được. Cậu cần những viên đá, bầu không khí trong lành khô ráo và những bông hoa bùng nổ trong bản giao hưởng sắc màu sau cơn mưa đầu mùa ở các thung lũng. Cậu luôn dẫn các con gái đi ngắm những bông hoa này dù các bé vẫn còn nhỏ và không thực sự hiểu được. Cậu muốn tập cho chúng ngay từ đầu có niềm vui thú với những kỳ quan thiên nhiên.

“Người sống ở vùng nhiệt đới sẽ chẳng mấy để ý đến hoa, nhưng một sa mạc mà nở hoa dù chỉ một lần sẽ là một món quà bất ngờ. Nó khiến chúng ta nhận ra ánh sáng có ý nghĩa thế nào khi bị giam cầm trong vật chất.”

Khoảng 11 giờ tối, ông Jonathan đi ngủ còn cậu Arik cùng cháu đi dạo.

Sau vài khúc cua chỗ chuồng bò, cậu và cháu bắt đầu đi dọc bên lề vườn cam. Hoa cam đã nở, tỏa một mùi hương nồng nàn kỳ lạ trong bầu không khí êm dịu của đêm. Lúc hai cậu cháu ngồi xuống một phiến đá, cậu Arik nói, “Cái đẹp và sự hòa hợp tồn tại trong chừng mực mà chúng ta cảm thụ được và ham thích chúng. Đó là cách duy nhất để chúng nuôi dưỡng tâm hồn ta. Trái tim chính là chiến trường. Ở đó, ý định tốt và ý định xấu chiến đấu với nhau trong một cuộc tranh tài không giới

hạn...”

Quanh hai cậu cháu, lũ chó rừng hùa nhau tru lên từng hồi, thi thoảng được phụ họa bởi vài tiếng chó sủa.

Bầy gà trống bắt đầu gáy, chào đón một ngày mới.

Cậu Arik chỉ vào một cái cây nhỏ được buộc vào chiếc cọc. “Giống như cây cối,” cậu nói, “chúng ta có một mong muốn tự nhiên là được vươn lên. Đó là loại cảm giác ẩn trong sâu thẳm mỗi con người. Giống chiếc cọc của cái cây non ấy, nó giúp chúng ta đứng thẳng, vươn tới trời cao mà không bị gió bão làm đổ.”

Từ giữa các tán cây vọng tới tiếng đập cánh sột soạt của bầy chim sẻ. Khi lũ chim thức giấc, tiếng hót líu lo của chúng lớn dần.

Khi bầy chim đầu rìu bắt đầu tản mạn qua các hàng cây thì một câu cầu nguyện tạ ơn bật ra khỏi môi cháu. Tạ ơn cuộc đời, tạ ơn sự huy hoàng, tạ ơn khả năng nắm bắt nó.

* * *

Tuần sau đó, cháu nhận được một cuộc gọi khác từ Ý, nhưng lần này không phải của cha cháu.

Đó là cuộc gọi của cảnh sát ở Mestre, thông báo việc họ tìm thấy một người đàn ông chết trong một đường hầm gần Marghera. Tên ông ấy là Massimo Ancona, và trong túi áo khoác của ông ấy, họ tìm thấy một lá thư gửi con gái, với số điện thoại của cháu. Cô có biết ông ấy không? Cô thực sự là con gái của ông ấy chứ? Các giấy tờ của ông ấy không đề cập đến cô, nhưng nếu mối quan hệ được ám chỉ này thực sự là thật, thì cô buộc phải có mặt tại nhà xác ở Mestre càng sớm càng tốt để nhận diện thi thể.

Buổi chiều cùng ngày, cháu tới Haifa để đặt vé máy bay. Chỉ còn vé đi Tel Aviv-Milan vào ba ngày sau.

Cháu đặt một vé rồi trở về khu định cư.

Đêm hôm đó, cháu không thể chợp mắt. Cháu nguyên rửa bản thân vì đã không gọi lại cho cha. Cảnh sát không thể, hoặc sẽ không nói cho cháu biết ông chết thế nào nên cháu ngờ rằng cha đã tự sát: trong sự tuyệt vọng, có lẽ vậy, vì đã cố gắng vô ích để nói với cháu điều gì đó, mà cháu thì không gọi lại...

Sáng hôm sau, lúc đầu óc minh mẫn hơn, cháu nhận ra những ý nghĩ ấy ngớ ngẩn tới mức nào. Cha cháu, luôn được bảo vệ bởi bản tính không biết yêu thương và ích kỷ, sẽ chẳng bao giờ tự sát chỉ vì một cuộc gọi không có hồi đáp.

Hôm sau, không còn tâm trí để làm công việc như thường lệ, cháu bắt xe buýt đến núi Beatitudes.

* * *

Cháu tới nơi cũng vừa giờ ăn trưa. Những khu vườn lớn vây quanh pháp đình gần như bị bỏ hoang. Xa phía dưới, biển hồ Galilee lấp lánh như một tấm gương sáng bừng, trong khi cơn gió thoang thoảng mang theo âm thanh ồn ào của những phương tiện đi lại vọng tới từ con đường bên dưới.

Trong vòng vài chục cây số quanh đây, Chúa Jesus đã sống quãng đời quan trọng trong cuộc sống ngắn ngủi của mình. Đám đông theo Người khắp mọi nơi; mỗi bước trên đường, người ta cầu xin Chúa cứu rỗi họ. Cháu không khó tưởng tượng ra Người đã kiệt sức và cô đơn nhường nào, khi không ngừng bị quấy nhiễu bởi những kẻ cầu xin. Sau ba mươi năm yên tĩnh, Người có ba năm đắm chìm trong sự nhiễu loạn triền miên.

Nhưng việc “cứu rỗi họ” có ý nghĩa gì nhỉ? Khiến họ nhìn

được, đi được, hay cảm nhận khác đi, nhưng để làm gì? Để ăn được ngon, để ngủ tốt hơn, để có thể chạy nhanh hơn ư? Hay có lẽ để đạt tới một trình độ nhận thức mới? Có mối liên hệ nào giữa những lời ngọt ngào giả tạo cháu nghe được từ các linh mục trên ti vi, với sự mạnh mẽ và khắc nghiệt trong những lời giảng của vị thầy tu xứ Nazareth? Một ngày nào đó, liệu những lời này có thể cứu rỗi cho cháu không?

Dọc đường mòn, theo những phiến cẩm thạch màu trắng được chạm khắc những Điều phúc lớn, vạn vật đang trở hoa rực rỡ, những chú chim hoàng anh buông tiếng hót vào không gian như thể chúng là những câu hỏi.

HAI NGÀY SAU, ông Jonathan đưa cháu tới sân bay Ben Gurion trong chiếc xe Subaru cũ kỹ.

Ông và cháu tạm biệt sau một cái ôm thật lâu. Cháu mời ông tới thăm cháu ở Trieste, và ông hứa sẽ tới sớm; lẽ tất nhiên, lời mời của cháu dành cho cả Arik và gia đình cậu nữa.

Đến Milan, cháu đi tàu tới Venice và xuống Mestre. Ngay sau khi trình diện ở trụ sở cảnh sát, một hạ sĩ trẻ đưa cháu tới nhà xác. Trong lúc đi, anh ta giải thích rằng họ đã tiến hành khám nghiệm tử thi, và cha cháu chết vì những nguyên nhân tự nhiên. Rất nhanh chóng, trái tim cha đã ngừng đập.

Người phụ trách nhà xác đi trước để dẫn đường. Đôi guốc cao su của cô ta tạo tiếng kêu rin rít lạ lùng trên nền nhà bằng vải sơn lót sàn.

Một luồng khí lạnh lẽo phả vào khi cháu bước vào khoang lạnh. Ba thi thể đang nằm trên những chiếc bàn bằng inox. Cha nằm ở giữa. Một cánh tay buông thõng và đôi chân ông thò ra ngoài bên dưới tấm vải màu xanh - đây là lần đầu tiên cháu nhìn thấy ông không đi giày.

Nhân viên nhà xác nâng tấm vải lên: “Cô có nhận ra ông ấy không?”

Đôi môi ông hé ra như trong một biểu cảm ngạc nhiên.

“Có,” cháu đáp. “Ông ấy là cha tôi, Massimo Ancona.”

“Tôi rất tiếc,” người hạ sĩ nói.

“Tôi cũng vậy,” cháu trả lời, và đó là giây phút cháu cảm thấy những giọt nước mắt lăn xuống đôi gò má.

Trong trạng thái xúc động, cháu chộp lấy bàn tay trắng bệch

của cha đang buông thông dưới tấm vải và siết chặt nó. Làn da lạnh lẽo như da rắn, trọng lượng và độ dày của nó không khác nhiều so với một bàn tay sống, và các móng tay được cắt tỉa vội vàng.

“Đây là tiền đồn cuối cùng của cha,” cháu thì thầm và cúi xuống hôn ông rồi nói thêm, “Dù sao đi nữa, con cũng cảm ơn cha. Cảm ơn vì cuộc đời cha đã ban cho con.”

* * *

Khi đã trở về nhà ở Trieste, cháu mở chiếc túi nhựa mà người cảnh sát đã đưa. Bên trong là một chiếc chìa khóa nhà và chìa khóa xe của cha, một giấy phép lái xe trên đường cao tốc địa phương (đã hết hạn một tháng trước), một cuốn sổ địa chỉ nhỏ, một chiếc ví đã sờn và một phong bì màu trắng đề tên cháu.

Chiếc ví chứa vài đồng xu, một tín phiếu 50.000 lia, hai tín phiếu 5.000 lia, một thẻ bảo hiểm y tế, một tấm thẻ nhỏ của một siêu thị ở Monfalcone có dán tem thưởng tích lũy để giành được một phần thưởng mà ông đã mong ước từ lâu: chiếc áo choàng tắm bằng vải bông, và, thò ra từ ngăn ví bên cạnh, một bức ảnh nhỏ cũ mèm. Một phụ nữ thanh lịch, không cao lắm, nắm chặt tay một bé trai, nhìn người chụp ảnh với một biểu cảm nửa kiêu kỳ, nửa bực bội. Bức ảnh chắc được chụp ở Venice. Bé trai đang cười, cặp mắt ánh lên sự tò mò và ham thích không ngừng, tay chỉ vào thứ gì đó khiến nó ngạc nhiên. Một con tàu chằng? Hay loài chim biển nào đó mà nó chưa từng thấy? Đằng sau bức ảnh là dòng chữ đã phai màu: Venice năm 1936, mẹ và mình trên bờ kè.

Cuốn sổ địa chỉ nhỏ chỉ chứa vài số điện thoại. Ở vần D, là số điện thoại của bác sĩ và nha sĩ; ở vần T là số điện thoại của mấy

nhà hàng; đôi chỗ có thông tin liên lạc của vài nhà xuất bản và vài ba cái tên phụ nữ; và ở trang đầu là số điện thoại của cháu tại Trieste, bên dưới đó, với nét bút chì run rẩy, là số điện thoại của cháu ở Israel.

Cũng bàn tay run rẩy ấy nguệch ngoạc tên cháu trên mặt trước phong bì. Cháu mở ra. Bên trong là hai trang giấy ố vàng (có phần tiêu đề của một khách sạn ở Cracow), viết đầy chữ trên hai mặt.

Grado Pineta, ngày 13 tháng 5

Cha không biết liệu lá thư này có tới tay con không - nếu con đang đọc nó, nghĩa là cha đã không còn trên đời này nữa. Con biết cha ghét cay ghét đắng sự ủy mị; tuy nhiên, cha không thể không viết cho con những dòng này. Xét cho cùng thì con cũng là món quà không chờ đợi.

Đáng sợ và không chờ đợi.

Con đến vào những ngày cuối đời của cha, và, giống một trong số những cái cây len lõi những cái rễ mỏng manh (và vô cùng mạnh mẽ) nhằm xâm chiếm khu vực xung quanh, con đã mở một vết nứt trong cuộc đời cha bằng đôi mắt, giọng nói, những câu hỏi của con, và kể từ đó, đôi mắt, giọng nói, những câu hỏi ấy, cha mãi không bao giờ giải thoát được chúng ra khỏi mình.

Liệu đó là tiếng gọi của tình máu mủ hay là sự yếu đuối của tuổi già? Cha không biết. Cha không đủ sức, hay còn đủ thời gian để trả lời con. Nói chung, điều ấy không quá quan trọng. Vào lúc này, cha không phải biện hộ cho mình hay giải thích gì nữa.

Hôm nay, cha đã cố tự sát.

Quyết định kết liễu cuộc đời là điều cha đã quyết khi lần đầu tiên hiểu ra mình không được chọn để sinh ra, nhưng việc mình chết ở đâu và chết như nào là tự do duy nhất mình có được. Cơ thể của cha rõ ràng đã suy tàn, và thật không may, trí não cha cũng theo sau nó.

Sáng nay, cánh cửa chớp bảo vệ trên cửa sổ phòng cha bị gãy, và cha không mở được nó. Cha ở trong bóng tối cho tới 5 giờ chiều, sau

khi gọi điện cho thợ sửa chữa một cách vô ích. Cuối cùng, cha quyết định bước ra bầu không khí ôn hòa của tháng Năm, cùng với những chuyến bay không mệt mỏi của bầy chim mang thức ăn về tổ; cha trông thấy những bông hoa vàng bé nhỏ khắp mọi nơi, mọc ra từ những kẽ nứt xi măng. Tháng Năm, cha nghĩ, là thời gian bất thường nhất của năm để rời bỏ trái đất mãi mãi, thời gian cần sự gan dạ nhất, vì đó là khi trời đất đang ở đỉnh cao của sự huy hoàng. Cha không tốn quá nhiều dũng khí để tự sát trong tháng Mười Một, khi bầu trời phủ đầy những đám mây mưa u ám. Lúc này, có thể con sẽ nghĩ chính sự chán nản đã đẩy cha tới điều này, nhưng thực ra cha hoàn toàn minh mẫn và nhận thức đầy đủ sự lựa chọn của mình.

Sau khi về nhà, cha cố gọi cho con. Cha muốn nghe giọng con lần cuối, nhưng cha không gặp may. Ở đầu dây bên kia, lần lượt có những người khác nhau, nói một chút tiếng Anh, một chút tiếng Do thái, một chút tiếng Tây Ban Nha, nhưng chẳng ai trong số họ cố gắng tìm con.

Rồi cha trèo lên ghế tìm khẩu súng lục, khẩu súng đã ở trên nóc giá sách, bọc trong miếng vải đen nhiều năm rồi. Cha nạp đạn sẵn, vừa đợi cho hết đêm, vừa đọc những bài thơ yêu thích của mình. Trong sâu thẳm, cha không muốn chết giống như một con chuột; cha muốn ra đi trong một không gian mở rộng, đối diện với biển cả, nhìn ngắm bình minh thêm lần nữa, để được thấy mặt trời lên và thế giới ngập tràn ánh sáng.

Khoảng bốn giờ, cha xuống bãi biển. Khi bước trong bóng tối, cha có thể nghe tiếng vỗ sò lạo xạo dưới gót giày. Cha ngồi xuống chiếc thuyền mà con từng chọn khi chúng ta dừng lại để nghỉ. Cha có thể cảm thấy kim loại lạnh lẽo dưới bắp đùi.

Hơn 5 giờ sáng, bầu trời phía đông Trieste và Istria bắt đầu hừng sáng. Không khí tràn ngập tiếng kêu của chim biển, và mức thủy triều thấp đang dịu dàng vỗ về bờ cát. Cha nhìn quanh và lấy khẩu súng khỏi túi, chờ đợi. Khi đỉnh chiếc đĩa màu cam nhô lên phía chân

trời, cha chĩa súng vào thái dương, bóp cò. Một tiếng tách lớn, và chẳng có gì xảy ra. Cha quay ổ đạn, thử lại lần nữa: thêm một tiếng tách.

Trong lúc ấy, một ông già cùng đôi chó xù xuất hiện trên bờ biển. Ông ta quăng một quả bóng sặc sỡ vào không khí và những con chó đuổi theo nó, sủa lên vui vẻ. Cha bỏ lại khẩu súng vào trong túi.

Vài giờ sau đó, thợ sửa cửa chớp đến và mang ánh sáng vào căn phòng của cha. Buổi chiều hôm ấy, cha tới Monfalcone để mua sắm. Cuộc sống lại tiếp tục, cha không biết sẽ dài bao lâu nữa, nhưng nó vẫn tiếp diễn, cha nghĩ khi thả khẩu súng vào ngăn kéo. Cha sẽ đợi cho tới lúc số phận an bài.

Buổi tối, cha đứng trên ban công nhỏ của nhà bếp. Nhiệt độ gần như lúc mùa hè, đủ ấm để lên men đám tảo trong vịnh và làm đượm bầu không khí bằng hơi nước mặn mòi của biển. Các đèn đã bật trong một căn hộ ở tòa nhà chéo với nhà cha; một phụ nữ đeo tạp dề và cầm một chiếc xô đang dọn khu nhà, sẵn sàng cho mùa du lịch sắp đến.

Cha định trở vào nhà thì bắt gặp một chùm sáng đột ngột giữa các bụi cây um tùm ngăn cách hai tòa nhà. Những con đom đóm. Đã nhiều năm rồi cha mới thấy đom đóm. Chúng đang nháy múa giữa mặt đất và các lùm cây, thêu dệt không gian bằng những đốm sáng lập lờ. Nếu là ngày hôm trước, cha sẽ cười vào sự xảo quyết trong các chiến lược tái sinh của thiên nhiên; ánh sáng đó có thể là gì ngoài mưu mẹo để giành tình cảm trong mùa giao phối?

Nhưng tối hôm đó, cùng một lúc, mọi thứ như khác đi. Cha không còn coi ánh sáng chập chờn nhỏ bé của những con đom đóm như một phần của một quy trình máy móc nữa.

Chẳng có gì gian xảo trong ánh sáng ấy, ngoài sự thông thái, cha tự nói với mình, và cha bắt đầu khóc. Gần sáu mươi năm đã trôi qua kể từ lần cuối cùng cha khóc, trên con tàu đưa cha tới Brazil.

Cha khóc chậm rãi, lặng lẽ, không một tiếng nước nỡ; cha khóc cho những tàn lửa bé nhỏ đó, bị bao bọc trong bóng đêm thống trị, và

cho chuyển động hỗn loạn của chúng, vì bỗng nhiên mọi thứ chợt sáng tỏ đối với cha rằng mỗi một bóng tối đều đè nén một mảnh sáng.

Cha đang làm con bật cười ư? Cha có vẻ đáng thương ư? Có lẽ vậy. Những lời này có thể sẽ chọc tức thêm cơn thịnh nộ tuổi trẻ chưa được dập tắt của con, nhưng cha đã tới cái độ không còn e ngại điều gì nữa. Vậy nên, cha sẽ che dấu bản thân mình bằng điều thậm chí lộ bịch hơn, bằng cách nói cho con biết trong những tháng qua, cha đã sống với niềm hi vọng được gặp lại con lần nữa.

Những ngày này, trong thời gian còn lại mà số phận dành cho cha, cha tự giải thoát mình khỏi lòng kiêu hãnh, và cha có thể suy ngẫm mọi điều mà không sợ hãi, bởi cơ bản thì, cha đã chết rồi; cha có thể cảm nhận tám vải liệm trên thân thể và lớp đất ẩm ướt phủ lên cha. Chính vì cha đã thắng (và không còn sợ sự nhạo báng), cha có thể nói với con rằng nỗi sợ hãi đã định đoạt cuộc đời cha; thứ mà cha gọi là dũng cảm thực chất chẳng là gì ngoài nỗi sợ. Cha sợ mọi việc sẽ không theo cách cha đã định. Cha sợ đi quá giới hạn nào đó, không phải giới hạn tinh thần, mà là giới hạn của trái tim. Cha sợ yêu và không được yêu lại.

Rốt cuộc, đó là nỗi khiếp sợ duy nhất có thật của một con người, và nó là nguyên nhân khiến anh ta dâng mình cho sự đê tiện.

Tình yêu, giống một cây cầu lơ lửng trong hư không.

Vì sợ hãi, chúng ta làm phức tạp những vấn đề đơn giản. Để đi theo bóng ma ký ức, chúng ta biến một con đường thẳng thành một mê cung mà không biết cách thoát ra.

Cha đã làm gì trong suốt cuộc đời mình ngoài việc: chạy trốn bản thân, chạy trốn trách nhiệm, làm tổn thương những người khác trước khi họ có thể làm cha đau đớn?

Khi con đọc những dòng này (và cha đã nằm trong một phòng lạnh hay trên nền đất lạnh), hãy biết rằng trong những ngày cuối đời, cha sống nhờ nỗi buồn - một nỗi buồn u uất, không hề giận dữ, và có lẽ vì thế, lại càng đau đớn hơn.

Tính tự phụ, sự khiêm nhường; cuối cùng, là hai thứ duy nhất được đặt lên bàn cân. Cha không biết sức nặng cụ thể của chúng, nên cha không thể nói liệu một ngày khiêm nhường có đủ để chuộc lại một đời tự phụ hay không.

Thật tuyệt vời nếu được ôm con, quả bom hẹn giờ bé nhỏ, người đã xuất hiện bất ngờ (và quá muộn) để tàn phá cuộc đời cha. Mặc dù việc này chẳng bù đắp được gì, cha muốn được ôm con lần cuối, thật lâu, thật chặt, và trong cái ôm đó sẽ là tất cả những cái ôm mà cha chưa từng dành cho con, những cái ôm từ khi con sinh ra, khi con còn bé, khi con lớn lên, những cái ôm con sẽ cần khi cha không còn nữa.

Hãy thứ tha cho sự xuẩn ngốc của người đàn ông hay nhạo báng, người đã mang con tới thế giới này.

Cha của con.

Đám tang diễn ra một tuần sau đó tại nghĩa trang dành cho người Do thái ở Trieste. Ngoài các thành viên của ban tụng niệm và giáo sĩ, cháu là người duy nhất ở đó. Tiếng cầu kinh sắp dứt thì hồi còi tầm buổi chiều vang lên âm ì trong các xưởng đóng tàu gần đây.

Trong suốt mùa đông, cơn gió bora đã mang lá cây cùng nhiều loại tờ bướm quảng cáo vào căn nhà nguyện bé nhỏ lâu nay bị bỏ mặc của gia đình ta. Không khí bên trong rất ngột ngạt, có mùi ẩm ướt và nấm mốc; đã nhiều năm rồi không có ai dọn dẹp nơi đây. Cháu mở rộng cửa rồi đi mua một cây chổi và giẻ lau. Khi xong việc, cháu cắm bó hoa hướng dương mua ngoài cổng nghĩa trang vào bình và ngồi xuống cạnh bà một lúc.

Ai biết bà ở đâu và bà thế nào? Có lẽ, ít ra ở phía bên kia, bà và mẹ đã gặp nhau; có lẽ sau cùng thì hai người đã cố gắng để xua tan những cái bóng đã ngăn hai người có một mối quan hệ yên bình. Có lẽ ở nơi ấy, bà và mẹ có thể nhìn thấy cháu đang ngồi bên mộ bà vào một chiều mùa hè. Có lẽ đúng là người chết có khả năng đứng bên người sống và bảo vệ họ mà không để họ

rời khỏi tầm mắt. Hay phải chăng, đó chỉ là một ao ước, một trong những hi vọng quá đỗi con người của chúng ta? Có thật là ở phía bên kia có sự phán xét, với Tổng lãnh thiên thần Michael giơ cao chiếc cân mỏng manh? Phải chăng chỉ có hai loại - thiện và ác - hay là phức tạp hơn? Những đau khổ của một người vô tội nặng bao nhiêu? Cái chết dữ dội của một người chính nghĩa có giống với cái chết của một kẻ xấu xa đã sống trọn đời không? Tại sao kẻ xấu thường có cuộc sống lâu dài yên ổn, như thể ai đó bảo vệ họ, trong khi người hiền lành phải chịu đựng tủ nhục và bất hạnh? Tuổi thọ ban cho những kẻ vô liêm sỉ - có phải là dấu hiệu của sự khoan dung thần thánh, cho phép họ sống lâu để có nhiều thời gian mà sám hối và thay đổi trái tim?

Và nỗi đau buồn, sức nặng của nỗi đau buồn là gì?

Nỗi đau buồn của mẹ, của cha, của bà, của cụ Ottavio, và của cháu (khi cháu chết đi) - chuyện gì đã xảy ra với tất cả những nỗi đau buồn ấy? Chúng hóa thành bụi tro, hay thành nguồn nuôi dưỡng? Liệu có tốt hơn nếu ai đó được sống một cuộc đời vô lo vô nghĩ? Chuyện gì xảy đến với người không bao giờ tự chất vấn mình, người không có mối hoài nghi nào?

Cậu Arik đã nói về cuộc đấu tranh diễn ra dai dẳng trong trái tim chúng ta. Sống một cuộc đời trì trệ, không một mối lo chẳng phải cũng bằng với dâng hiến bản thân cho sự tồn tại máy móc, cho định luật về trọng lực, luôn luôn ghì ta xuống? Chẳng phải những ngờ vực và thắc mắc xuất phát từ sự luyến tiếc sao? Như những phần tử trên ngọn luôn kéo cây cối vươn lên, tìm kiếm ánh sáng, những thắc mắc hằn sẽ kéo con người tới thiên đường.

Khi ở Israel, cháu quen với Miriam, một phụ nữ Pháp đã sống sót khỏi địa ngục Auschwitz, giờ trông coi thư viện nhỏ của khu định cư. Khi chiến tranh nổ ra, bà là một sinh viên khoa sinh vật học hai mươi hai tuổi. “Tuy nhiên, lịch sử đã đẩy bác vào một hướng đi hoàn toàn khác bằng một cú huých tàn

bạo. Bác nhìn thấy cha mẹ mình đến với tử thần; chúng ta nhìn vào mắt nhau lần cuối trước khi họ biến vào tòa nhà nơi có “những phòng tắm hoa sen”. Vài tháng sau, bác cũng suýt chết trong những trận đòn thù vì cố bỏ trốn, nhưng ai đó đã bước lên và thế chỗ cho bác.

“Bác ở đây vì ông ấy đã tan vào cát bụi. Mọi câu hỏi đều ở trong ba mươi phân nhún nhường ấy: một bước chân tiến lên, bước chân khác lùi lại.”

Cháu và bác Miriam cùng ngồi trong góc mát nhất của thư viện và nói hàng giờ liền về cái chết, về việc trái tim của Châu Âu đã biến thành tro bụi chỉ trong sáu năm.

“Mọi người nói, Chúa ở đâu? Sao Người không kết liễu lũ đồ tể ấy bằng một cái búng tay? Sao Người không giáng một trận mưa lửa và diêm xuống đầu những kẻ làm việc xấu?” Miriam thường lặp lại những câu hỏi ấy, và câu trả lời của bác ấy là, “Nhưng phải nói, con người ở đâu? Đâu là sinh vật được Chúa tạo ra “chỉ thua các thiên thần một chút”? Bởi chính con người đã xây lên các buồng hơi ngạt; để tối ưu hóa thời gian, các kỹ sư chuyên nghiệp đã tính ra góc quay chính xác cho những cái xe goòng chuyển người tới lò thiêu; họ tính toán điều ấy trong khi người vợ đang khâu vá trong phòng khách, còn lũ trẻ đang ngủ trên những chiếc giường bé nhỏ, ôm chặt những chú gấu teddy. Chính con người đã đi hết nhà này tới nhà khác, lừa họ ra khỏi những nơi kín nhất. Chính con người, đã ngâm tay mình trong máu, đá những đứa trẻ sơ sinh tới chết, mổ xẻ những người già. Con người có quyền lựa chọn, và đã không chọn. Con người, thay vì coi người khác cũng là người, lại chỉ coi họ như đồ vật.”

Một lần khác, khi đang nhẹ nhàng phủ bụi cho tủ sách nhỏ nhoi của thư viện như nâng niu lũ trẻ, Miriam nói: “Khi một người mơ tạo ra được thế giới không có nỗi đau, không có khuyết tật, trong thực tế, anh ta đã tháo dỡ dần thép gai và chia thế giới thành hai nửa phù hợp và bất hợp, thế giới mà ở đó, các

thành viên của nhóm thứ hai không khác gì những viên đá dăm, cần được mài giũa dọc đường.

“Tất nhiên, bác tin những gì bà Curie đã tin - nhiệm vụ của con người là chăm sóc người hàng xóm của anh ta khi cần - nhưng khi sự chăm sóc biến thành nỗi hoang tưởng về quyền năng tuyệt đối, khi nó vướng vào cuộc đấu tranh vì những bằng sáng chế hàng tỉ đô la, nó sẽ biến thành thứ gì đó rất khác với khát vọng chính đáng của loài người. Thay vì tán dương những hứa hẹn vĩ đại của khoa học, chúng ta cần can đảm đặt câu hỏi, ngay cả khi chúng khiến ta không nổi tiếng bằng Jeremiah: không bệnh tật, không yếu đuối, không bất định, con người biến thành gì? Chúng ta là những cỗ máy được hoàn thiện, hay những sinh vật đầy phiền muộn bị lưu đày? Liệu ý nghĩa tốt cùng của chúng ta có được tìm thấy trong quyền lực vạn năng, hay trong việc chấp nhận bấp bênh? Thắc mắc nảy sinh từ bấp bênh; câu hỏi cũng xuất phát từ ý thức về điều huyền bí và kỳ diệu, nhưng quyền lực vạn năng và sự chắc chắn mang lại điều gì?”

* * *

Tiếng mèo kêu làm gián đoạn hồi ức của cháu. Một con mèo gầy trơ xương đang đứng ở cửa nhà nguyện, nhìn vào. Cái đuôi chỉ còn da bọc xương của nó tong teo như chiếc bút chì. Cháu gọi nó vào. Nó cứ để cháu gãi nhẹ vào cằm, miệng kêu gừ gừ còn bộ mặt thì lộ vẻ thích thú.

Ngoài kia, mặt trời đã qua đỉnh đầu, không khí trong nhà nguyện vẫn nóng bức ngọt ngào. Trước khi rời đi, cháu nhẹ nhàng chạm vào tấm bia đá khắc tên bà. Rồi bước qua tấm bia với hai mốc thời gian vẫn tắt trong cuộc đời của mẹ.

Con mèo lẳng nhặng bám theo cháu qua cổng nghĩa trang,

rồi biến mất sau một phiến đá. Những bông hoa rũ xuống nặng nề, kiệt sức trước cái nóng. Hàng tá ong bắp cày bay vù vù quanh vòi nước, va mạnh vào nhau chờ đợi một giọt nước sắp rơi.

Cháu nhìn quanh nghĩa trang lần cuối trước khi rời đi. Tất cả mọi người - bà, mẹ, và cha đều an nghỉ nơi đây trong khi những ẩn số cuộc đời vẫn đang mở ra trước mắt cháu; dù tốt hay xấu, mọi người đã dạy cháu nhiều điều; và bằng cách nào đó, những sai lầm của mọi người đã mang lại cho cháu một kho báu.

* * *

Cháu về nhà và trở lại việc dọn dẹp.

Cháu mở tất cả các cửa sổ để mùi bí bách thoát đi; ánh sáng mùa hè rực rỡ tràn vào mạnh mẽ, soi rọi cả những góc tăm tối nhất. Cháu vào phòng bà để lấy vài tấm ga trải giường mới. Chiếc tủ quần áo được sắp xếp hoàn hảo; vì lý do nào đó, nó thoát khỏi cơn giận trong căn bệnh của bà. Những túi hoa oải hương nhỏ bé mà cháu từng thấy bà làm thật khéo léo, qua bao nhiêu thời gian vẫn còn vương vãi đâu đó. Khi với lấy những tấm trải giường, cháu chợt thấy một phong bì lớn màu vàng đặt bên. Bà đã viết gì đó, bằng nét chữ run run, *Gửi cháu*.

Cháu chưa từng nhìn thấy nó. Nó đã ở đây bao lâu rồi? Từ trước khi bà bị ốm chẳng? Cháu mở phong bì và thấy trong đó một cuốn sổ lớn với tấm bìa in hoa. Tuy vậy, cháu nhận thấy mình chưa sẵn sàng đối diện với điều gì trong đó nên cháu đặt cuốn sổ trên bàn bếp và tiếp tục lau dọn cho tới quá giờ chiều.

Ngày hôm ấy, trong khi làm việc cật lực, cháu đi tới hai quyết định quan trọng. Quyết định thứ nhất liên quan tới một con chó: cháu muốn đến nơi nhốt chó mèo đi lạc và chọn một con khác, vì cháu không chịu được khi nhìn khu vườn trồng trái.

Quyết định thứ hai liên quan đến tương lai của cháu; vào thu, cháu muốn ghi danh vào trường đại học và học ngành lâm nghiệp, vì rốt cuộc cháu đã nhận ra việc cháu muốn làm trong phần còn lại của cuộc đời: chăm sóc cây cối.

Khi những giờ nóng nực nhất trong ngày qua đi, cháu bắt đầu tưới vườn. Bụi hồng đang ở cuối mùa trổ bông và có vẻ không bị ảnh hưởng mấy vì sự vắng mặt của cháu, trong khi những cây tú cầu trông khá tệ. Cháu tưới cho chúng cả một lúc lâu, thỉnh thoảng nâng cao vòi nước để có thể nhìn dòng nước biến thành một trận mưa những giọt vàng.

Khi xong việc, cháu đặt chiếc ghế xếp giữa vườn, ngồi nghỉ, một tay cầm cốc nước cam, tay kia cầm cuốn sổ của bà.

Dòng chữ *Opicina*, ngày 17 tháng 11, năm 1992 trên trang đầu.

Cháu nhận ra chữ viết của bà, vẫn gọn gàng, đều đặn.

Cháu đi đã được hai tháng rồi, và trong suốt hai tháng ấy, bà chẳng nhận được tin tức gì ngoài tám bưu thiếp vồn vện lời nhắn rằng cháu vẫn còn sống...

HẾT